

**BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CHỈNH SỬA**  
**Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Kính gửi: Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Căn cứ Báo cáo số 170/BC-HĐTĐ ngày 09/01/2023 của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định Quy hoạch tỉnh Lai Châu và ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu tại văn bản số 199/UBND-TH ngày 16/01/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu (cơ quan lập quy hoạch tỉnh) báo cáo kết quả tiếp thu, giải trình chỉnh sửa hồ sơ Quy hoạch tỉnh sau thẩm định như sau:

**1. Việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch và việc tích hợp các nội dung quy hoạch tỉnh theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 32 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP**

Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lai Châu đã bổ sung tài liệu thể hiện việc lập quy hoạch tỉnh đã tuân thủ đầy đủ các bước của quy trình lập quy hoạch tỉnh, được thể hiện ở 5 bước chính, đó là: (1) Xác định chủ trương lập quy hoạch tỉnh; (2) Xây dựng nhiệm vụ và chọn tư vấn lập quy hoạch; (3) Thực hiện công tác phối hợp, triển khai lập quy hoạch tỉnh; (4) Tổ chức lấy ý kiến góp ý quy hoạch lần 1 và lần 2 theo quy định; (5) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý quy hoạch (cụ thể tại Phần Mở đầu, Mục V.4 về Quy trình lập Quy hoạch).

**2. Về sự phù hợp của quy hoạch tỉnh với quy định tại Mục 2 Chương II Luật Quy hoạch**

2.1. Về căn cứ lập Quy hoạch: Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lai Châu đã được rà soát, bổ sung, chỉnh sửa các căn cứ lập quy hoạch theo phụ lục của Báo cáo thẩm định, đồng thời, tiếp tục cập nhật các căn cứ mới ban hành sau thời điểm ban hành Báo cáo thẩm định (cụ thể tại Phần 1. Căn cứ lập Quy hoạch của Hồ sơ Phụ lục Thuyết minh Quy hoạch).

2.2. Về kết cấu của Báo cáo quy hoạch: Báo cáo quy hoạch tỉnh đã được rà soát, bổ sung, hoàn thiện kết cấu chung để đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

**3. Về nội dung chủ yếu của quy hoạch**

### **3.1. Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh**

- Về sử dụng số liệu, thông tin: Hồ sơ Quy hoạch đã rà soát, thống nhất, cập nhật số liệu về: i) Diện tích đất lâm nghiệp theo Quyết định số 1435/QĐ-BTNMT ngày 22/7/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (số liệu năm 2019 nên được giải ở phụ chú); ii) Nguồn nhân lực, tỷ lệ hộ nghèo, phân tích xu hướng di cư thuần; iii) Tài nguyên.

- Hồ sơ đã bổ sung: i) Phân tích, đánh giá về đặc trưng và tác động văn hoá, dân tộc đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; ii) Vị thế của tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc; iii) Rà soát, cập nhật Kịch bản biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh tỉnh Lai Châu phù hợp kịch bản biến đổi khí hậu 2020 do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố theo Công văn số 8272/BTNMT-BĐKH ngày 31/12/2021; iv) Rà soát nội dung bồi cảnh quốc tế tác động đến thời kỳ quy hoạch tỉnh; v) Bổ sung dự báo, đánh giá các tác động, các xu hướng ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp đến phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

### **3.2. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội**

- Hồ sơ đã rà soát, đảm bảo cập nhật số liệu theo giai đoạn đánh giá 2011-2020 và có bổ sung các số liệu cập nhật hơn cho năm 2021 và 2022 (tùy sự có sẵn của số liệu).

- Về đánh giá về hiện trạng kinh tế: Hồ sơ đã bổ sung phân tích, đánh giá các thay đổi về tăng trưởng GRDP (*tại phần II, mục I.1.1 về tăng trưởng kinh tế và mục I.1.2 chuyển dịch cơ cấu kinh tế*), thu ngân sách (*tại phần II, mục I.1.4 về Thu, chi ngân sách*) qua các năm. Đồng thời hồ sơ đã thực hiện so sánh các chỉ tiêu hiện trạng kinh tế - xã hội (cơ bản) của tỉnh với các chỉ tiêu tương ứng của vùng Trung du và miền núi phía Bắc và bình quân chung cả nước (đối với một số chỉ tiêu quan trọng) (*tại phần I, mục IV về vị thế và vai trò của tỉnh*).

- Về đánh giá về hiện trạng xã hội: Hồ sơ đã bổ sung đánh giá về tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ thiếu việc làm (*tại phần II, mục II.1.5 về Tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm*); tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp (*tại phần II, mục II.6.2 về BHXH và BHTN*); phát triển thị trường lao động; tư vấn, giới thiệu việc làm, tổ chức sàn giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động của Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Lai Châu (*tại phần II, mục II.6.4 về Hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm*); vấn đề di chuyển lao động từ Lai Châu đến các địa phương khác (*tại phần II, mục II.1.6*); tình hình thực hiện các chính sách ưu đãi người có công, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em,... (*tại phần II, mục II.6.3. về Bảo trợ, trợ giúp xã hội*).

- Về thực trạng phân bố không gian: Hồ sơ đã bổ sung phân tích, đánh giá thực trạng phân bố không gian của các hoạt động kinh tế - xã hội (*tại Phần III, mục IV*).

- Về thực trạng phát triển ngành công nghiệp - xây dựng: Hồ sơ đã i) làm rõ nội dung phân tích, đánh giá đối với từng nhóm ngành công nghiệp chủ yếu của tỉnh theo các chỉ tiêu phản ánh quy mô và trình độ phát triển (*tại Phần II, Mục I.2.1*); ii) làm rõ lợi thế lợi thế, tiềm năng phát triển công nghiệp và khả năng thu hút các hoạt động đầu tư và các ngành sản xuất mới trên địa bàn (*tại Phần II, Mục I.2.2*).

- Về thực trạng phát triển nông nghiệp: Hồ sơ đã làm rõ: i) quy mô, tiềm năng, lợi thế so sánh của nông nghiệp Lai Châu, trong đó có tiềm năng phát triển lâm nghiệp (*cụ thể hơn tại Báo cáo đề xuất nội dung tích hợp: Thực trạng và phương án phát triển Lâm nghiệp, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Lai Châu*); ii) những tồn tại trong chính sách phát triển và trong tổ chức và liên kết sản xuất nông nghiệp hiện nay, có so sánh với các địa phương trong vùng và nước bạn; iii) kết quả đạt được sau khi thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012; iv) đánh giá các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung và từng nhóm sản phẩm chủ yếu theo các tiêu chí về năng suất, chất lượng, sản lượng (*cụ thể hơn tại Báo cáo đề xuất nội dung tích hợp: Thực trạng và phương án phát triển các vùng sản xuất tập trung; vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, xây dựng các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh; và v) các thông tin chi tiết về sản phẩm OCOP, sở hữu trí tuệ (tại Phần III, mục I.3.5)*).

- Về thực trạng phát triển ngành du lịch: Hồ sơ quy hoạch đã làm rõ: (i) Cơ cấu khách quốc tế và thị hiếu theo các khu vực thị trường lớn đối với Lai Châu; (ii) Thực trạng phát triển xét theo từng loại hình du lịch cụ thể; (iii) Các mối quan hệ liên kết giữa các ngành, các địa phương trong Vùng và các trung tâm du lịch lớn trong phát triển du lịch; iv) Bổ sung hạn chế về kết nối Lai Châu với các địa phương khác và giữa các địa bàn trong tỉnh (*cụ thể hơn tại Báo cáo đề xuất nội dung tích hợp: Thực trạng phát triển ngành Du lịch và định hướng phát triển ngành, hệ thống các Khu, Điểm Du lịch trọng điểm trên địa bàn tỉnh Lai Châu*).

- Về thực trạng ngành dịch vụ: Hồ sơ quy hoạch đã làm rõ: i) sự phát triển và phân bố của hệ thống các cơ sở thương mại, dịch vụ trên địa bàn (*tại Phần III, mục IV.3. về Khu Thương mại dịch vụ*); tiềm năng phát triển các hoạt động xuất nhập

khẩu và kinh tế biên mậu, cơ cấu và chủng loại hàng hóa xuất nhập khẩu của Lai Châu (*tại Phần II, mục I.4.2.3 về Thực trạng thương mại biên giới*).

- Về thực trạng phát triển nguồn nhân lực: Hồ sơ quy hoạch đã làm rõ: mức độ đáp ứng yêu cầu về giáo dục toàn diện, chất lượng cao và đào tạo nguồn nhân lực (*tại Phần II, mục II.6.4. Hoạt động giới thiệu việc làm*) và đã làm rõ nguyên nhân biến động trong đào tạo nghề (*tại Phần II, mục III.3. Chất lượng lao động*).

- Về thực trạng phát triển y tế: Hồ sơ quy hoạch đã làm rõ khả năng đáp ứng yêu cầu, nhu cầu về chăm sóc sức khỏe ban đầu của hệ thống y tế cơ sở, của các bệnh viện tuyến Huyện/Tỉnh và Bổ sung thông tin về cơ sở y tế của Công an nhân dân (*tại Phần II, Mục II.5.1 và Phần III, mục I.1 về Kết cấu hạ tầng cơ sở y tế*).

- Về thực trạng phát triển văn hóa: Hồ sơ quy hoạch đã bổ sung nội dung đánh giá về thực trạng gia đình, kết quả thực hiện công tác phòng, chống bạo lực gia đình của tỉnh (*tại Phần II, Mục II.4.1 về Hiện trạng văn hóa*).

- Về thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo: Hồ sơ quy hoạch đã i) làm rõ thời điểm đánh giá là năm học 2019-2020 so với 2010-2011 đối với một số chỉ tiêu nêu tại Phần II, Mục II.3.2.; ii) bổ sung số liệu đánh giá đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp (*tại Phần II, Mục II.3.5*); tồn tại, hạn chế, nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn 2011-2022 theo từng vấn đề (*chi tiết hơn tại Báo cáo đề xuất nội dung tích hợp Thực trạng và phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Lai Châu*).

- Về thực trạng phát triển khoa học và công nghệ: Hồ sơ đã chuyên mục hoạt động kiểm định phương tiện đo lường thành nội dung thuộc mục hoạt động tiêu chuẩn, đo lường chất lượng (*tại Phần II, Mục II.7.2 về Hoạt động KH&CN*).

- Về đánh giá thực trạng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn: Hồ sơ đã i) đánh giá tính hợp lý của phân bố đô thị; ii) lý giải rõ nguyên nhân tỷ lệ lao động phi nông nghiệp ở hai đô thị huyện Nậm Nhùn và huyện Than Uyên >80% nhưng các đô thị này vẫn là đô thị loại V (*tại phần III, mục II.1.2*); Phần đánh giá thực trạng phát triển nông thôn đã làm rõ các mô hình phát triển nông thôn cần phù hợp với điều kiện vùng núi biên giới của Lai Châu (*tại Phần III, Mục 2.1.2.*).

- Về thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông: Hồ sơ đã bổ sung: i) Đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu phát triển; ii) Đánh giá rõ kết nối giữa các kết cấu hạ tầng giao thông (*tại phần III, mục III.1.6 về kết nối giao thông*); (iii) Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu về giao thông đối với các hoạt động đầu tư phát triển các vùng trong tỉnh và phục vụ đời sống dân sinh (*Tại phần III, mục III.1.7. về đánh giá chung*); iv) Đánh giá thực trạng phát triển về vận tải, phương tiện vận tải, tăng trưởng khối lượng vận tải hàng hóa, hành khách, các

luồng/tuyến vận tải hàng hóa, hành khách chính trên địa bàn tỉnh (*Tại phần III, mục III.1.5*) và cập nhật lại số liệu đường quốc lộ toàn quốc theo số liệu 24.321 km trong Quy hoạch mạng lưới đường bộ Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg.

- Về hạ tầng điện lực: Tình hình đầu tư các dự án thủy điện; tình trạng vận hành lưới điện trên địa bàn tỉnh; sản lượng điện tiêu thụ; tốc độ tăng trưởng phụ tải; diện tích chiếm đất; nguồn vốn đã đầu tư giai đoạn trước; tác động của các dự án thủy điện đến bảo vệ và phát triển rừng và dân sinh đã được trình bày chi tiết tại *Báo cáo Thực trạng và Phương án phát triển mạng lưới cấp điện trên địa bàn tỉnh Lai Châu (3 hợp phần)* (là một phần của hồ sơ quy hoạch).

- Về hạ tầng cấp nước: Hồ sơ đã bổ sung nội dung Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng được cấp nước sạch bằng công trình nhà máy nước Ma Lù Thàng và các cụm công nghiệp có công trình xử lý và cấp nước riêng (*tại Phần III, Mục III.3.1.*).

- Về Khu kinh tế cửa khẩu: Hồ sơ quy hoạch đã bổ sung đánh giá kỹ hơn về hoạt động của các khu chức năng trong khu kinh tế (*tại Phần III, mục IV.1.1*).

- Về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật của các khu, cụm công nghiệp đã được nêu rõ tại *Phần III, mục IV.1.2* và chi tiết hơn tại *Báo cáo nội dung đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án phát triển các ngành Công nghiệp, hệ thống các khu, Cụm công nghiệp tỉnh Lai Châu*.

### **3.3. Về thực trạng các kết cấu hạ tầng xã hội**

- Về kết cấu hạ tầng văn hóa: Hồ sơ quy hoạch đã làm rõ hiện trạng mạng lưới cơ sở văn hóa, thể dục thể thao so với các chỉ tiêu tại Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030 (*tại Phần III, mục V.3 về Kết cấu hạ tầng thiết chế văn hóa, thể thao và chi tiết cụ thể hơn tại Báo cáo nội dung đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa các Dân tộc và hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh Lai Châu*).

- Về hạ tầng giáo dục và đào tạo: Hồ sơ đã trình bày đầy đủ các nội dung đánh giá về hạ tầng giáo dục và đào tạo theo loại hình, theo cấp, xét về số lượng, cơ cấu, địa điểm, diện tích đất chiếm dụng theo từng địa bàn của tỉnh, khả năng đáp ứng nhu cầu; nguồn lực đầu tư (*tại Phần III, mục V.2. về Kết cấu hạ tầng cơ sở giáo dục và chi tiết cụ thể hơn tại Báo cáo nội dung đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Lai Châu*).

- Về hạ tầng giáo dục nghề nghiệp: Hồ sơ đã bổ sung đánh giá về thực trạng Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Lai Châu (*tại phần II, mục II.6.4 về Hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm*).

- Về hạ tầng y tế: Đã trình bày nội dung về năng lực (nhân lực, trang thiết bị) của mạng lưới y tế cơ sở (xã, huyện, tỉnh) trong việc phối hợp phòng chống dịch bệnh (*tại Phần III, Mục V.1. về kết cấu hạ tầng cơ sở y tế và chi tiết cụ thể hơn tại Báo cáo nội dung đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án phát triển mạng lưới Y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh Lai Châu*).

- Về hạ tầng phòng cháy, chữa cháy: Hồ sơ đã bố cục thành các tiểu mục theo các đối tượng quy hoạch (*tại phần III, Mục III.6*).

- Về thực trạng sử dụng đất: Hồ sơ quy hoạch đã: i) bổ sung nội dung tiềm năng đất đai theo điểm c khoản 2 Điều 28 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP (*tại Phần III, Mục I.4*); ii) rà soát, đảm bảo thống nhất lại số liệu về hiện trạng đất đai trên toàn báo cáo (iii) đánh giá biến động, xu thế chuyển dịch đất đai (*tại Phần III, mục I.2*).

- Về Quản lý chất thải rắn: hồ sơ đã **i**) thông nhất nội dung về: (1) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt; (2) Quản lý chất thải nguy hại; (3) Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; (4) Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt (*tại phần XII, Mục I.1.4.2*); **ii**) bổ sung nội dung đánh giá sự phù hợp với quy hoạch hiện hữu của các khu/cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại đang hoạt động hoặc đã được chấp thuận chủ trương đầu tư trên địa bàn để từ đó điều chỉnh, bổ sung nội dung quản lý chất thải vào quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*tại Phần III, Mục III.7.2*).

### **3.4. Về đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức:**

- Về các cơ hội: Hồ sơ đã bổ sung: i) Cơ hội/tiềm năng cho phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời); ii) Cơ hội mở rộng giao lưu thương mại của Trung Quốc với các nước ASEAN thông qua các cửa khẩu của Việt Nam, trong đó có Lai Châu.

- Về các điểm yếu, hạn chế/thách thức: hồ sơ đảm bảo lồng ghép các nội dung, điểm nghẽn như: (i) Nguồn nhân lực; (ii) Năng suất lao động; (iii) Hệ thống doanh nghiệp; (iv) Kết nối nhanh liên vùng trong phần đánh giá SWOT (*tại Phần IV, Mục IV.2 và IV.4*).

- Về các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến tỉnh: Hồ sơ quy hoạch đã rà soát, làm rõ tác động ảnh hưởng của định hướng phát triển các tỉnh lân cận tới định hướng phát triển của tỉnh Lai Châu (*tại Phần IV, Mục I.1.5*).

### **3.5. Về quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh**

- Hồ sơ Quy hoạch đã nêu quan điểm phát triển gắn với tăng trưởng xanh và bảo vệ rừng đầu nguồn, phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Hồ sơ đã rà soát mục tiêu phát triển tổng quát cần rà soát, hoàn thiện để thể hiện được đích cần đạt được và phù hợp, thống nhất với kịch bản đã lựa chọn (kịch bản 2), phù hợp với các chủ trương, định hướng đã được nêu tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu tỉnh nhiệm kỳ 2021-2025, đảm bảo tính khả thi; các mục tiêu như tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ, mục tiêu về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường đã được xây dựng phù hợp với hiện trạng và đặc thù của tỉnh.

- Về xây dựng kịch bản và lựa chọn phương án phát triển: Hồ sơ đã: i) bổ sung các mục tiêu và định hướng phát triển của quốc gia, của vùng và các tỉnh lân cận trong Vùng (*tại Phần IV, mục I.1.5 và mục I.1.6.*); các kịch bản đã tương ứng với các mức độ thay đổi của các điều kiện khác nhau.

- Về không gian phát triển: hồ sơ đã làm rõ các yếu tố cấu thành trục động lực và các hoạt động kinh tế phân bố trên trục động lực (*tại Phần V, mục III.3.1.*); các nội dung mang tính mô tả về các vùng kinh tế đã được chuyển sang phần nội dung phân vùng kinh tế, vùng liên huyện.

- Về khâu đột phá và nhiệm vụ trọng tâm số 7 đẩy nhanh phát triển công nghiệp thủy điện vừa và nhỏ, Hồ sơ Quy hoạch đã chỉ rõ đưa vào sử dụng hầu hết các dự án đã được quy hoạch và cấp chủ trương đầu tư (là các dự án đã được đánh giá hiệu quả KT-XH và môi trường, đảm bảo không gây tổn hại lớn đến môi trường mới được cơ quan có thẩm quyền cấp chấp thuận chủ trương đầu tư).

### **3.6. Về phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh**

- Phương án phát triển nông, lâm nghiệp: Hồ sơ đã i) Nêu các giải pháp cụ thể hơn (về đất canh tác, về chính sách, về nguồn lực...) (*tại phần IV, Mục V.1.4 và cụ thể hơn tại Báo cáo nội dung đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án phát triển các vùng sản xuất tập trung; vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, xây dựng các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh*). ii) phân tích và giải trình tỷ lệ che phủ rừng, về trồng, bảo vệ và phát triển rừng và tính khả thi của phương án; iii) rà soát, xem xét tính hợp lý diện tích rừng sản xuất khai thác hàng năm nhằm phát huy hiệu quả của rừng sản xuất và phù hợp với mục tiêu thu hút doanh nghiệp xây dựng nhà máy chế biến lâm sản gắn với khai thác rừng trồng sản xuất (*tại phần IV, Mục V.2. và cụ thể hơn tại Báo cáo nội dung đề xuất tích hợp Báo cáo Thực trạng và phương án phát triển Lâm nghiệp, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Lai Châu*); iv) đã nghiên cứu Quyết định 919/QĐ- TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 để định hướng các mục tiêu phát triển sản phẩm OCOP tỉnh Lai Châu; (v) điều chỉnh nội

dung giải pháp về đất đai cho phù hợp với định hướng sửa đổi Luật Đất đai năm 2013 (*tại Phần IV, mục V.1.4.7*);

- Hồ sơ đã đề xuất mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2030 (*tại Phần VIII, Mục 3.2.*).

- Về phương hướng phát triển công nghiệp: Hồ sơ quy hoạch đã (i) tính toán và luận giải cơ sở xác định mục tiêu tăng trưởng công nghiệp khai thác khoáng sản đạt 26%/năm căn cứ theo kết quả tính toán mô hình tăng trưởng và phù hợp với tiềm năng khoáng sản trên địa bàn, đồng thời đã làm rõ phương án khai thác và chế biến đất hiếm phù hợp với mục tiêu này (*tại Phần VI, Mục II.3.3 và Phụ lục 5b của Thuyết minh Quy hoạch*); bổ sung giải pháp phát triển vùng nguyên liệu (*tại Phần VI, Mục II.3.1*); (ii) Phương án quy hoạch sản xuất phân phối điện đã nghiên cứu và đề xuất các dự án năng lượng trên nguyên tắc thực hiện các dự án thủy điện tiềm năng nhưng không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường tự nhiên, bổ sung các nguồn năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời và thủy điện tích năng; (iii) tách nội dung Phân bố phát triển hệ thống các khu, cụm công nghiệp sang Phương án phát triển các khu chức năng được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch (*tại phần VIII, mục I.4.*); iv) luận chứng về cơ sở bổ sung và hiện trạng đất đai đối với các cụm công nghiệp (CCN) dự kiến bổ sung quy hoạch đã được làm rõ và chi tiết hóa (*tại Báo cáo nội dung đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án phát triển các ngành Công nghiệp, hệ thống các khu, Cụm công nghiệp tỉnh Lai Châu*); v) luận chứng của sự cần thiết và tính khả thi của định hướng “Khuyến khích phát triển sản xuất cơ khí lắp ráp, chế tạo thiết bị, máy móc, phụ tùng” nhằm phục vụ nhu cầu nội tỉnh đã được nêu cụ thể (*tại Phần VI, Mục II.3.4.*).

- Về phương án phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch:

+ Về định hướng phát triển thương mại: Hồ sơ quy hoạch đã (i) luận chứng phát triển thương mại dịch vụ gắn với phương án phát triển các trung tâm đô thị và trục kinh tế động lực và với nội dung phát triển kinh tế biên mậu (*tại Phần VI, Mục III.3.2*); (ii) định hướng phát triển các hình thức bán lẻ, các hoạt động xuất, nhập khẩu, phát triển khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng đã được tích hợp trong nội dung về kinh tế biên mậu đã nêu trên; (iii) luận giải cơ sở đề xuất mở thêm một cửa khẩu quốc gia tại huyện Mường Tè (chi tiết tại *Báo cáo nội dung đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án phát triển ngành Thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Lai Châu*); (iv) bổ sung phương án phát triển về không gian đối với từng lĩnh vực thương mại (*tại Phần VI, Mục III.4.2*); (v) đã bổ sung giải pháp về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học trong thương mại.

+ Về định hướng phát triển du lịch, Hồ sơ Quy hoạch đã: (i) nêu rõ các tuyến, chuỗi du lịch gắn với các sản phẩm du lịch đặc thù, các định hướng phát



triển các cơ sở lưu trú và cung ứng dịch vụ du lịch trên địa bàn và định hướng phát triển tập trung một số điểm du lịch cộng đồng để quảng bá hình ảnh, con người Lai Châu (*tại Phần VI, mục IV.3.3 và mục IV.3.4 và làm rõ hơn tại Báo cáo nội dung đề xuất tích hợp Thực trạng phát triển ngành Du lịch và định hướng phát triển ngành, hệ thống các Khu, Điểm Du lịch trọng điểm trên địa bàn tỉnh Lai Châu*); (ii) bổ sung quan phát triển du lịch sinh thái, gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (*tại Phần VI, mục IV.1.1. về quan điểm phát triển*); (iii) đã bổ sung giải pháp về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học trong du lịch (*tại Phần VI, mục IV.5.8. về giải pháp BVMT và PTBV*).

- Về phương hướng phát triển lĩnh vực văn hóa, thể thao: Quy hoạch đã (i) bổ sung quan điểm phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao thiết thực cho đồng bào, nhất là tại các làng, bản theo nguyên tắc chú trọng bảo tồn làng bản truyền thống, tránh mai một bản sắc của đồng bào 20 dân tộc sinh sống và góp phần tạo sản phẩm du lịch riêng biệt (*tại Phần VI, mục I.1.1.1. Quan điểm phát triển*); (ii) phương hướng bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể, các mục tiêu, định hướng (*tại Phần VI, mục I.1.3.1*); (iii) định hướng phát triển gia đình bền vững đã được nêu rõ (*tại Phần VI, mục I.1.3.3*); (iv) đề xuất phát triển công nghiệp văn hóa dựa vào du lịch văn hóa cho phù hợp với tiềm năng của tỉnh (*tại Phần VI, mục I.1.3.1*).

- Về phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo: Hồ sơ Quy hoạch đã: (i) rà soát đảm bảo nội dung cô đọng, không trùng lặp và số liệu chính xác, thống nhất; (ii) Rà soát, bổ sung các mục tiêu, chỉ tiêu phù hợp với hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu của ngành phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; (iii) đưa ra quan điểm về giáo dục phổ thông mới; giáo dục dân tộc, giáo dục chuyên biệt, hòa nhập và triển giáo dục dân tộc, giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khuyết tật (*tại Phần VI, mục II.1.1.*).

**3.7. Về tổ chức không gian các hoạt động kinh tế-xã hội:** Quy hoạch đã: (i) bổ sung luận giải đảm bảo phân bổ không gian phát triển của tỉnh dựa trên phân vùng môi trường, phân vùng chức năng nguồn nước, phân vùng rủi ro thiên tai và kịch bản và tác động của biến đổi khí hậu; (ii) xác định khu vực khuyến khích phát triển và khu vực hạn chế phát triển (*tại Phần VIII, Mục I.4*); cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên vùng, liên huyện của 2 vùng kinh tế được luận giải thông qua nội dung Kết nối kết cấu hạ tầng (*tại Phần VIII, Mục II*).

**3.8. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị,** bao gồm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đã được xác định trong quy hoạch vùng trên địa bàn: Hồ sơ Quy hoạch đã: (i) đề xuất, sắp xếp, tổ chức hệ thống đô thị gắn với phát triển dịch vụ du lịch, sự liên kết theo các trục hành lang kết nối với các tỉnh lân cận (Lào Cai,

Điện Biên, Yên Bái), có khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên, môi trường, đặc biệt đối với việc bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn; (ii) Nghiên cứu những nguyên tắc định hướng bản sắc đặc trưng cho các đô thị; (iii) Căn cứ theo Luật Quy hoạch và các văn bản quy phạm liên quan, chi tiết phương án thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính đô thị sẽ được xây dựng cụ thể tại các Quy hoạch xây dựng cấp thấp hơn, cụ thể là các Quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch vùng huyện và Quy hoạch chung các xã; (iv) Đã rà soát, bảo đảm thống nhất số lượng đô thị trong thời kỳ quy hoạch.

**3.9. Phương án phát triển các khu chức năng** đã được cấu trúc lại và trình bày tập trung tại Phần VIII, mục I.

**3.10. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn** và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung được Quy hoạch tách thành 02 nội dung và bố trí ở 2 đầu mục khác nhau (*Phần VIII, Mục IV và Phần VI, Mục V.1.3.2*) để đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định nhưng vẫn đảm bảo sự kết nối giữa các nội dung trình bày.

**3.11. Phương án phân bố điểm dân cư:** Hồ sơ Quy hoạch đã định hướng bố trí tập trung với các định hướng ưu tiên đầu tư cho thực hiện các phương án quy hoạch các điểm dân cư ở vùng biên để vừa thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế, vừa đảm nhận vai trò bảo vệ lãnh thổ vùng biên giới. Đồng thời, đối với khu vực thôn, đã bổ sung chính sách, giải pháp hỗ trợ xây dựng phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ đối với các vùng khó khăn, đặc biệt các xã nông thôn khu vực biên giới (*chi tiết tại Phần VIII, mục IV và chi tiết hơn tại báo cáo đề xuất nội dung tích hợp Thực trạng phân bố dân cư nông thôn và Phương án quy hoạch phân bố dân cư nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; sắp xếp, bố trí ổn định các điểm dân cư tại những vùng: Thiên tai; đặc biệt khó khăn; biên giới; di cư tự do trên địa bàn tỉnh Lai Châu*).

**3.12. Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực** đã được bổ sung (*tại Phần VIII, Mục I.2. và mục I.3*).

### **3.13. Phương án phát triển giao thông vận tải**

Hồ sơ Quy hoạch đã (i) bổ sung mục tiêu đến năm 2030 về khối lượng vận tải hàng hóa, hành khách; (ii) bổ sung chỉ tiêu về vận tải hành khách công cộng (*tại Phần IX, Mục I.2*); (iii) xác định theo hướng quy mô tối thiểu đối với đường tỉnh và huyện; xác định quy mô phù hợp với quy hoạch đô thị cho các đoạn qua đô thị; (iv) danh mục các dự án ưu tiên kết nối và hạ tầng giao thông được chi tiết *tại Phụ lục 14 của thuyết minh quy hoạch*; (v) bổ sung cập nhật thông tin tuyến cao tốc Bảo Hà (Lào Cai) - Lai Châu (CT.13); tuyến quốc lộ 4D, 12, 32 (*tại Phần*

*IX, mục I.3.1*); (vi) bổ sung quy hoạch các tuyến kết nối các phương thức vận tải, đầu mối giao thông trên địa bàn tỉnh (*tại Phần IX, mục I.3.4*).

- Về đường thủy nội địa: Hồ sơ quy hoạch đã đảm bảo nội dung quy hoạch cụm cảng Lai Châu, phương án quy hoạch cảng thủy nội địa đã phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, phù hợp với nhu cầu thông qua hàng hóa, hành khách vận tải bằng phương thức đường thủy nội địa và tuân thủ quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021.

- Về hàng không: Phương án quy hoạch cảng hàng không đã phù hợp với nội dung Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Bên cạnh đó, tỉnh Lai Châu đề xuất phát triển Cảng hàng không Lai Châu quy mô 3C dự trữ cấp 4C để phục vụ tầm nhìn phát triển dài hạn.

#### ***3.14. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện:***

- Quy hoạch đã (i) trình bày mục tiêu và định hướng phương án phát triển mạng lưới điện (*Tại phần IX, mục IV.1 đến mục IV.3*); (ii) Báo cáo nội dung tích hợp Báo cáo Thực trạng và Phương án phát triển mạng lưới cấp điện trên địa bàn tỉnh Lai Châu (3 hợp phần) đã trình bày chi tiết các nội dung: dự báo tốc độ tăng trưởng phụ tải các khu vực, nhu cầu điện các giai đoạn, nhu cầu đất cho công trình điện, khối lượng đầu tư và nhu cầu vốn đầu tư các giai đoạn; luận giải việc đề xuất xây mới và nâng công suất các trạm 110 kv; (iii) nội dung “Xây dựng hệ thống lưới điện truyền tải đảm bảo truyền tải hết khoảng 4.962MW công suất của các dự án thủy điện, điện gió” đã căn cứ theo danh mục các dự án, theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tính toán trên thực tế và tiềm năng của tỉnh.

- Về phát triển nguồn điện: Hồ sơ Quy hoạch đã bổ sung luận giải đề xuất phát triển các dự án thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo hướng không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên; không làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai, danh mục các dự án thủy điện nhỏ hơn 10MW (*tại Báo cáo nội dung tích hợp Báo cáo Thực trạng và Phương án phát triển mạng lưới cấp điện trên địa bàn tỉnh Lai Châu (3 hợp phần)*), Các công trình thủy điện không đảm bảo hiệu quả kinh tế, có chiếm dụng rừng tự nhiên, ảnh hưởng đến dân cư và có tác động xấu đến môi trường sẽ được tỉnh kiên quyết loại bỏ trong quá trình triển khai thực hiện.

#### ***3.15. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải:***

- Quy hoạch đã: (i) rà soát các mục tiêu, chỉ tiêu về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại để phù hợp với Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018,

Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022; (ii) bổ sung mục tiêu về thu gom, xử lý chất thải rắn, nước thải sinh hoạt (*tại Phần XI, mục I.1.4.2. và Phần VIII, mục III.2*); (iii) nêu định hướng đầu tư các nhà máy xử lý chất thải rắn theo hướng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, hạn chế chôn lấp; bổ sung các giải pháp để giảm tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp; bổ sung nội dung phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (*tại Phần XI, mục I.1.4.3*).

- Về nội dung định hướng xây dựng các bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh quy mô 2-3 ha là giải pháp phù hợp với quy mô dân số, tập quán sinh hoạt của người dân Lai Châu. Đồng thời, quy hoạch cũng nêu định hướng về lộ trình chuyển đổi, loại bỏ các khu xử lý chất thải có quy mô, công suất nhỏ để thay bằng việc sử dụng công nghệ chôn lấp hiện đại đảm bảo vệ sinh và an toàn cho môi trường.

- Báo cáo Đánh giá tác động môi trường đã bổ sung dự báo về chất thải rắn tại các đô thị, khu vực sản xuất để đưa ra phương án xử lý chất thải rắn phù hợp (*Chương 3, mục 3.6*).

### **3.16. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội**

- Hồ sơ Quy hoạch đã (i) trình bày phương án phát triển hạ tầng cơ sở giáo dục và đào tạo các cấp học đảm bảo phù hợp, gắn với định hướng phát triển giáo dục và đào tạo, đảm bảo giải quyết các bất cập, hạn chế, vướng mắc về thực trạng phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo của tỉnh và gắn với việc bố trí không gian phát triển (*tại Phần VII, mục II.4*); (ii) rà soát đảm bảo phương án phát triển các cơ sở hạ tầng giáo dục nghề nghiệp và an sinh xã hội phù hợp với nhu cầu của tỉnh và định hướng không gian phát triển, nhu cầu sử dụng đất và khả năng bố trí quỹ đất của tỉnh cho mạng lưới các cơ sở này (*chi tiết tại Phần VII, mục IV.4*).

Đối với phương án phát triển hạ tầng cơ sở giáo dục dân tộc, cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển hòa nhập và gắn với bố trí không gian phát triển: hiện tại Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 của Quốc gia đang trong quá trình xây dựng do đó Tỉnh Lai Châu chưa có căn cứ để cụ thể hóa nội dung này trong quy hoạch. Tuy nhiên, để các định hướng mang tính mở, có khả năng điều chỉnh phù hợp với các Quy hoạch cấp trên sẽ được phê duyệt, tỉnh Lai Châu đã bổ sung nội dung này một cách phù hợp nhất (*tại Phần VII, Mục IV.4 về phương án phát triển hạ tầng mạng lưới cơ sở an sinh xã hội*).

**3.17. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ:** Nội dung quy hoạch tỉnh không đề xuất khu thực nghiệm khoa học và công nghệ; có đề xuất khu nghiên cứu về cây trồng đảm bảo phù hợp với điều kiện của tỉnh và bố trí không gian làm việc chung cho hoạt động khởi nghiệp sáng tạo tại Trung tâm Kiểm định và Phát triển khoa học, công nghệ.

**3.18. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy:** Hồ sơ Quy hoạch đã được xây dựng cơ bản theo các đối tượng quy hoạch được quy định tại Quyết định số 2231/QĐ-TTg ngày 28/12/2022 trên cơ sở căn cứ nhu cầu sử dụng đất để phát triển mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy, chữa cháy; phương án quy hoạch mạng lưới trụ sở, doanh trại của lực lượng Cảnh sát PCCC đã được tích hợp trên cơ sở phối hợp với Công an tỉnh Lai Châu, đảm bảo mỗi huyện có tối thiểu 01 đội PCCC và CNCH.

**3.19. Phân bố và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện**

Hồ sơ đã luận giải chi tiết, bổ sung số liệu và đảm bảo việc cân đối, tính toán và đầy đủ theo các ý kiến kết luận của báo cáo thẩm định tại mục 2.4.2.2, tiêu mục n về cơ sở tính toán, đáp ứng chỉ tiêu theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022, các định hướng khoanh vùng đất đai, các phương án phân bố, rà soát số liệu hiện trạng về đất an ninh (*cụ thể tại Phần III, Mục I và Phần X của Thuyết minh Quy hoạch và chi tiết hơn tại Nội dung Phương án đề xuất “Phương án phân bố và khoanh vùng đất đai tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050”*).

**3.20. Phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn**

- Hồ sơ Quy hoạch đã nghiên cứu sử dụng thông tin, dữ liệu của Kịch bản biến đổi khí hậu tại Việt Nam, phiên bản cập nhật năm 2020.

- Về nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh: Hồ sơ quy hoạch đã bao gồm các nội dung về phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; khu xử lý chất thải tập trung; mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường đất, nước, không khí.

- Về phương án phân vùng môi trường: Hồ sơ quy hoạch đã bổ sung các vùng đất ngập nước quan trọng trên địa bàn tỉnh (*tại phần XII, mục I.1.3.2*).

- Về phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: Hồ sơ quy hoạch đã làm rõ và bổ sung các đối tượng quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh bao gồm: khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định (*tại Phần XII, Mục II.2.3 và cụ thể hóa trong Báo cáo phương án đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án phát triển Lâm nghiệp, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Lai Châu*).

- Về phương án phát triển thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản: Hồ sơ quy hoạch đã i) bổ sung nhu cầu sử dụng khoáng sản cho thời kỳ quy hoạch (*tại*

*Phần XII, Mục II.3.1*); ii) rà soát, hạn chế không đưa vào quy hoạch những điểm khai thác khoáng sản có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sạt lở bờ sông, đe dọa điều và ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân; iii) bổ sung ranh giới, quy mô trữ lượng, diện tích với các quy hoạch thuộc lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền quản lý của các Bộ có liên quan đảm bảo thống nhất về nội dung và đúng thẩm quyền (*Nội dung chi tiết tại Phần XII, Mục II và Các Phụ lục 1, 11a, 11b, 11c, 11d, 11đ, 11e, 11g, 11h của Thuyết minh Quy hoạch*).

- Về Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra: Hồ sơ quy hoạch đã (i) rà soát, bổ sung đầy đủ các nội dung để đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 11 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP (*tại Phần XII, Mục III*); (ii) việc xác định dòng chảy tối thiểu trên các sông suối chính trong kỳ quy hoạch được tính toán theo phương pháp chuyên gia và theo quy định tại Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017; (iii) đảm bảo thuyết minh rõ cơ sở xác định nhu cầu khai thác sử dụng nước của các ngành sử dụng nước chính theo các tháng trong năm đối với từng tiểu vùng quy hoạch (Bảng 107) và thứ tự ưu tiên phân bổ cho các ngành khai thác, sử dụng nước đối với từng tiểu vùng quy hoạch (*tại Phần XII, Mục III.3.6.*); (iii) trình bày kết quả tính toán lượng nước có thể dự phòng và rà soát tính khả thi của các phương án khai thác dự phòng (*tại Phần XII, Mục III.3.7*), (iv) trình bày Danh mục các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng tài nguyên nước được tích hợp chung với nội dung về công trình thủy lợi (*tại Danh mục dự án - Phụ lục 14 của Thuyết minh quy hoạch*); (v) Các vị trí đặt trạm thuộc Hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước; nguồn nước giám sát được trình bày *tại Bảng 123 và Phụ lục 13 của Thuyết minh quy hoạch*; (vi) bổ sung nội dung “Xây dựng vận hành, tích hợp hệ thống thông tin dữ liệu tài nguyên nước của địa phương với trung ương, nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo tài nguyên nước và kiểm soát các hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước thông qua việc kết nối, truyền dữ liệu về hệ thống giám sát theo quy định” vào nhóm giải pháp phi công trình.

- Phương án ứng phó với biến đổi khí hậu đã đảm bảo phương án ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh phù hợp với tình hình ở từng địa bàn cụ thể, các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu đồng thời góp phần thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26) nhằm góp phần thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

*3.21. Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện:* đã được rà soát, bổ sung các dự án phù hợp và loại bỏ các dự án không phù hợp trong Danh mục các dự án của tỉnh (*tại phụ lục 13 của thuyết minh quy hoạch và phụ lục*

XVIII của dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch), đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch.

#### **4. Về hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch**

Hệ thống các bản đồ về nội dung và hình thức đã được lập phù hợp với nội dung Báo cáo quy hoạch và theo đúng quy định tại Phần IX Phụ lục kèm theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu đã nêu tại Mục 2.4.1.5 của Báo cáo thẩm định.

Cơ sở dữ liệu quy hoạch đã cập nhật, bổ sung, hoàn thiện đảm bảo có đầy đủ nhất các thông tin quy hoạch theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản 5746/BKHĐT-QLQH ngày 30/8/2021.

#### **5. Về Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch**

Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch đã được rà soát, điều chỉnh theo nội dung tham gia tại văn bản số 1056/BTNMT-TCMT ngày 02/3/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với Quy hoạch tỉnh Lai Châu.

Về tổng thể, Hồ sơ quy hoạch đã rà soát các nội dung về hiện trạng, phương hướng, phương án phát triển, các dự án trong Danh mục các dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện đảm bảo thống nhất xuyên suốt trong Báo cáo quy hoạch, Hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch và dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch.

#### **6. Về giải trình các ý kiến cụ thể của các thành viên Hội đồng thẩm định**

*(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)*

Trên đây là báo cáo kết quả tiếp thu, giải trình chỉnh sửa hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 theo ý kiến của Hội đồng thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư kính gửi Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 xem xét, cho ý kiến./.

##### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, THQH.

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Ngọc Phương**

**PHỤ LỤC GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁC Ý KIẾN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**  
(Kèm theo báo cáo giải trình của cơ quan lập quy hoạch tỉnh)

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
	<b>Bộ Tài chính</b>	
1	<p>Về sự phù hợp của các căn cứ pháp lý: Căn cứ quy định của Luật Quy hoạch và quy định tại điểm c, mục 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030: "... Khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có mâu thuẫn giữa quy hoạch thấp hơn với quy hoạch cao hơn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn. Trường hợp có mâu thuẫn giữa các quy hoạch cùng cấp, căn cứ vào Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, các văn kiện của Đảng, chiến lược phát triển ngành và từ yêu cầu thực tiễn, cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch quyết định điều chỉnh quy hoạch, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch... ”, đề nghị tỉnh rà soát, xây dựng Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo phù hợp Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội.</p>	<p>Tỉnh Lai Châu đã rà soát và đảm bảo xây dựng Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội và không có mâu thuẫn với các quy hoạch cao hơn đến thời điểm hiện tại.</p>
2	<p>b) Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt: Đề nghị Tỉnh tiếp thu ý kiến của các Bộ chủ quản liên quan đến các hợp phần quy hoạch để xây dựng Quy hoạch tỉnh đảm bảo đúng quy định (trong đó có Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với các nội dung thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh).</p>	<p>Tỉnh đã tiếp thu đầy đủ ý kiến của các Bộ chủ quản liên quan và đảm bảo xây dựng quy hoạch tỉnh đúng quy định.</p>



STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
3	<p>c) Về nguồn vốn đầu tư thực hiện Quy hoạch: Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/07/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, theo đó, kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Lai Châu là 11.460,036 tỷ đồng (trong đó: NSTW là 7.488,636 tỷ đồng, NSDP là 3.971,4 tỷ đồng).</p> <p>Theo dự kiến của Tỉnh (trang 136 Báo cáo tóm tắt), tổng nguồn vốn đầu tư tỉnh Lai Châu cần huy động để đạt được mục tiêu phát triển trong kỳ quy hoạch 2021-2030 là 168.000 tỷ đồng, gấp 14,6 lần so với mức đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025. Đề nghị Tỉnh rà soát lại nguồn vốn và khả năng huy động từng nguồn vốn cho phù hợp nhằm đảm bảo tính khả thi của Quy hoạch tỉnh Lai Châu; đồng thời có phân kỳ thực hiện từng năm để thuận tiện trong tổ chức thực hiện.</p>	<p>Tỉnh đã tiếp thu, tính toán lại cơ cấu vốn đầu tư phát triển, trong đó tổng vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 là 11.292 tỷ đồng. Đã bổ sung bảng tính toán huy động vốn đầu tư phân kỳ theo từng năm tại Bảng 129. Cơ cấu vốn đầu tư phát triển theo nguồn vốn.</p>
	<b>Bộ Quốc phòng</b>	.
1	<p>Hiện nay, Bản đồ các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn Tỉnh chưa được Bộ Quốc phòng và UBND tỉnh Lai Châu thông qua, đề nghị UBND tỉnh Lai Châu - Cơ quan tổ chức lập Quy hoạch tỉnh tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Quân khu 2 để kịp thời cập nhật các nội dung quy hoạch ngành của Bộ Quốc phòng và nội dung tích hợp các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng vào quy hoạch tỉnh theo tinh thần của Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030; ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại Công văn số 9297/VPCP-CN ngày 06/11/2020 về tích hợp Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội vào hệ thống quy hoạch tỉnh để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các quy hoạch ngành và phối hợp chặt chẽ giữa quản lý ngành với quản lý lãnh thổ, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường thế trận quân sự khu vực phòng thủ; thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh Lai Châu.</p>	<p>Tỉnh cam kết phối hợp và cập nhật theo quy định.</p>
	<b>Bộ Giáo dục và Đào tạo</b>	.

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
1	Ngày 09/9/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 3932/BGDĐT-KHTC về việc góp ý đối với Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát, tiếp thu và bổ sung nội dung đầy đủ theo các ý kiến góp ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại công văn nêu trên.	Tỉnh đã rà soát và giải trình chi tiết tại báo cáo số 1184/BC-SKHĐT ngày 29/7/2022.
2	<p><b>Về thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo (Mục 3 trang 120):</b></p> <p>- Đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát, bổ sung làm rõ thời điểm đánh giá đối với một số nội dung như: “Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt 24,5%; huy động trẻ mẫu giáo ra lớp đạt 99,3%; huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 99,7%; Trẻ được ăn bán trú đạt 100%. Trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%. Huy động dân số từ 11 đến 14 tuổi đến trường đạt 96,1%; học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 99,48%; học sinh tốt nghiệp THCS đạt 99,80%. Tỷ lệ huy động dân số từ 15 đến 18 tuổi đến trường đạt 52,6%; học sinh tốt nghiệp THCS vào lớp 10 cả hai hệ đạt 61,79% (trong đó THPT đạt 57,85%,GDTX đạt 3,94%); trường đạt chuẩn quốc gia,...”.</p>	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: các nội dung đánh giá hiện trạng của Hồ sơ lấy số liệu năm 2020 làm số liệu cuối kỳ đánh giá cho toàn bộ hồ sơ và có bổ sung thông tin của đối tượng phân tích đến thời điểm 2021 hoặc 2022 (tùy vào sự sẵn có của số liệu).
3	- Đề nghị rà soát, bổ sung thuyết minh, số liệu cụ thể đối với các nhận định, đánh giá như: “Huy động trẻ khuyết tật tham gia giáo dục hòa nhập cộng đồng tại các cấp phổ thông”; “Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường cấp THCS ở một số xã vùng đặc biệt khó khăn, biên giới thấp hơn so với mặt bằng chung toàn tỉnh”; “Tỷ lệ học sinh lớp 3 học ngoại ngữ theo chương trình mới còn thấp”; “Việc thực hiện phân luồng học sinh sau trung học cơ sở chuyển biến chưa rõ nét”,... từ đó có cơ sở đề xuất mục tiêu, định hướng và giải pháp quy hoạch phù hợp, khả thi cho giai đoạn tới.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: Nội dung đã được cụ thể hóa trong báo cáo phương án đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Lai Châu, là một phần của hồ sơ quy hoạch. Trên cơ sở đó, các nội dung trình bày trong báo cáo QH tỉnh không đi sâu trình bày chi tiết nhằm đảm bảo sự cân đối về dung lượng giữa các nội dung nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ theo quy định .

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
4	<p>- Về xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp: Đề nghị bổ sung số liệu đánh giá chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên; đánh giá về thực trạng thừa, thiếu giáo viên (bao gồm cả thừa thiếu theo môn học); đánh giá về công tác thu hút, phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh trong thời gian qua; kết quả bồi dưỡng thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018; đánh giá về tồn tại, hạn chế cụ thể đối với công tác phát triển đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên ngành giáo dục (cả về số lượng và chất lượng);....</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: Nội dung đã được cụ thể hóa trong báo cáo phương án đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Lai Châu, là một phần của hồ sơ quy hoạch. Trên cơ sở đó, các nội dung trình bày trong báo cáo QH tỉnh không đi sâu trình bày chi tiết nhằm đảm bảo sự cân đối về dung lượng giữa các nội dung nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ theo quy định .</p>
5	<p>- Đề nghị rà soát, bổ sung làm rõ tồn tại, hạn chế, nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn 2011-2022 theo từng vấn đề để làm cơ sở cho việc đề xuất mục tiêu, phương hướng và giải pháp phát triển mạng lưới, hạ tầng cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn tới.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: Nội dung đã được cụ thể hóa trong báo cáo phương án đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Lai Châu, là một phần của hồ sơ quy hoạch. Trên cơ sở đó, các nội dung trình bày trong báo cáo QH tỉnh không đi sâu trình bày chi tiết nhằm đảm bảo sự cân đối về dung lượng giữa các nội dung nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ theo quy định .</p>
6	<p>- Đề nghị rà soát các nội dung liên quan đến giáo dục và đào tạo tại toàn văn bản để đảm bảo đúng với quy định hiện hành (Ví dụ: Tiêu đề mục là giáo dục phổ thông nhưng nội dung bao gồm đánh giá cả giáo dục mầm non là chưa phù hợp; việc sử dụng một số thuật ngữ như “hệ”, “bậc giáo dục mầm non” “bậc giáo dục phổ thông”, “bậc giáo dục trung cấp chuyên nghiệp và cao đẳng”, “bậc trung học cơ sở”, “bậc trung học phổ thông” là chưa phù hợp và cần đảm bảo đúng quy định theo Luật Giáo dục,...).</p>	<p>Tỉnh đã biên tập báo cáo đảm bảo đúng quy định hiện hành Đối với phương án phát triển hạ tầng cơ sở giáo dục dân tộc, cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển hòa nhập và gắn với bố trí không gian phát triển: hiện tại Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 của Quốc gia đang trong quá trình xây dựng do đó Tỉnh Lai Châu chưa có căn cứ để cụ thể hóa nội dung này trong quy hoạch. Tuy nhiên, để các định hướng mang tính mở, có khả năng điều chỉnh phù hợp với các Quy hoạch cấp trên sẽ được phê duyệt, tỉnh Lai Châu đã bổ sung nội dung này một cách phù hợp nhất.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
7	<p>Về hiện trạng hạ tầng giáo dục và đào tạo (Mục 5 trang 218):</p> <p>- Đề nghị bổ sung trình bày rõ thực trạng về số lượng, cơ cấu, phân bố mạng lưới trường từng địa bàn của tỉnh (loại hình, quy mô, địa điểm, diện tích đất và không gian bố trí) cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông), giáo dục thường xuyên (trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng), giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (nếu có), hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông dân tộc nội trú; đánh giá thừa thiếu trường lớp ở từng địa bàn so với quy mô dân số; khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng giáo dục và đào tạo đối với yêu cầu phát triển của tỉnh; quỹ đất, các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo;</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, nội dung đã được cụ thể hóa trong báo cáo phương án đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Lai Châu, là một phần của hồ sơ quy hoạch. Trên cơ sở đó, các nội dung trình bày trong báo cáo QH tỉnh không đi sâu trình bày chi tiết nhằm đảm bảo sự cân đối về dung lượng giữa các nội dung nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ theo quy định.</p>
8	<p>bổ sung đánh giá kết quả triển khai các quy hoạch lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được cấp thẩm quyền phê duyệt (nếu có); đánh giá sự liên kết, đồng bộ.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: Nội dung đã được cụ thể hóa trong báo cáo phương án đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Lai Châu, là một phần của hồ sơ quy hoạch. Trên cơ sở đó, các nội dung trình bày trong báo cáo QH tỉnh không đi sâu trình bày chi tiết nhằm đảm bảo sự cân đối về dung lượng giữa các nội dung nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ theo quy định</p>
9	<p>Sự phù hợp của hệ thống hạ tầng giáo dục và đào tạo với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác của tỉnh (như hạ tầng giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, công nghệ thông tin,...);</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung "Hạ tầng giáo dục và đào tạo đã có kết nối với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác của tỉnh (như hạ tầng giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, công nghệ thông tin,...), đáp ứng ở mức cơ bản nhu cầu dạy, học và sinh hoạt tại các cơ sở giáo dục và đào tạo. " tại Phần III, mục V.2</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
10	<p>bổ sung làm rõ thêm các hạn chế của mạng lưới trường lớp và hạ tầng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011-2020 làm căn cứ, cơ sở quy hoạch thời kỳ tới (như mạng lưới trường lớp đã giảm mạnh dẫn đến có nhiều sự xáo trộn, khó khăn trong việc sắp xếp, ổn định các trường, việc dồn dịch các điểm trường, đưa học sinh về các trung tâm gặp nhiều khó khăn; diện tích đa số các nhà trường chưa đảm bảo cho các hoạt động; tình trạng lấn chiếm đất của các trường học vẫn diễn ra ở 1 số cơ sở, địa phương,...).</p>	<p>Tỉnh đã trình bày trong hồ sơ quy hoạch: những hạn chế của mạng lưới trường lớp và hạ tầng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011-2020 không đảm bảo cho việc dạy và học hoặc dẫn đến hiệu quả sử dụng thấp, gây lãng phí</p>
11	<p>- Đề nghị bổ sung thông tin, số liệu về diện tích đất trung bình/học sinh các cấp học mầm non, tiểu học và trung học phổ thông</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu và rà soát hồ sơ và xin giải trình: thông tin, số liệu về diện tích đất trung bình/học sinh các cấp học mầm non, tiểu học và trung học phổ thông đã được trình bày chi tiết tại báo cáo đề xuất "Thực trạng và Phương án phát triển mạng lưới Cơ sở giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Lai Châu" là một thành phần của Hồ sơ Quy hoạch. Để đảm bảo các nội dung được thống nhất về hàm lượng nội dung giữa các phần (các lĩnh vực), thông tin chi tiết này xin phép không trình bày trong Thuyết minh Quy hoạch.</p>
12	<p>Về các kịch bản phát triển (Mục II trang 266): - Đề nghị nghiên cứu, bổ sung tính toán đến yếu tố nguồn nhân lực, lực lượng lao động khi xây dựng các kịch bản phát triển để đảm bảo khả thi, thực hiện được các mục tiêu đề ra. Căn cứ vào mục tiêu phát triển kinh tế, bổ sung dự báo về nguồn nhân lực, lực lượng lao động phân theo trình độ tương ứng với các kịch bản phát triển để xây dựng các phương án đào tạo, thu hút nguồn nhân lực.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Phương pháp tính toán các kịch bản tăng trưởng dựa trên các khả năng huy động vốn đầu tư và khả năng tăng trưởng của các ngành kinh tế. Phương pháp này có ưu điểm là tính toán được quy mô vốn đầu tư cần huy động và cơ cấu ngành kinh tế nhưng không tính đến yếu tố nguồn nhân lực.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
13	<p>Về các mục tiêu văn hóa xã hội, giáo dục, y tế (Mục 2.2 trang 275):</p> <p>Đề nghị rà soát mục tiêu: “Tỷ lệ người lao động qua đào tạo đến năm 2030: Đạt 70%, trong đó lao động qua đào tạo, có bằng cấp chứng chỉ trên 55%” để đảm bảo khả thi và phù hợp với thực trạng hiện nay của tỉnh theo đánh giá của cơ quan lập quy hoạch: “Năm 2020, trong số lực lượng lao động đang làm việc và đóng góp vào nền kinh tế, chỉ có 13,9% đã qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ (thấp hơn mức trung bình cả nước là 24,1% và bình quân vùng trung du và miền núi phía Bắc là 20,5%)” (trang 115) và đồng thời phù hợp với mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Trong quá trình xây dựng quy hoạch, chỉ tiêu lao động qua đào tạo đã được thảo luận giữa cơ quan chuyên môn và thống nhất giữa các đơn vị. Chỉ tiêu cao thể hiện quyết tâm của Lai Châu trong việc coi phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn quy hoạch, do đó tỉnh đề xuất giữ nguyên mục tiêu trong dự thảo.</p>
14	<p>Đề nghị rà soát mục tiêu: “Đến năm 2030, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 80%” để đảm bảo khả thi và phù hợp với thực trạng hiện nay của tỉnh theo đánh giá của cơ quan lập quy hoạch: “Có 158 trường đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 46,6% trong đó, mầm non: 56 trường đạt tỷ lệ 49,6%; tiểu học: 54 trường đạt tỷ lệ 57,4%; trung học cơ sở: 41 trường đạt tỷ lệ 37,6%; trung học phổ thông: 07 trường đạt tỷ lệ 30,4%” (trang 121). Đối với mục tiêu này, đề nghị nghiên cứu nêu rõ tỉ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học riêng biệt (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông) theo từng giai đoạn đến năm 2025 và 2030 để làm căn cứ thực hiện và đánh giá đối với quy hoạch.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình đến hết năm 2022, tỷ lệ đạt chuẩn tỉnh Lai Châu đã là 57,8%; Kế hoạch năm 2023 tỷ lệ này đạt 60,9% (122 trường/tổng số 201 trường học); trong 7 năm còn lại của kỳ QH tỉnh phấn đấu mỗi năm có 5-6 trường đạt chuẩn, tương đương khoảng 3% tổng số trường đạt chuẩn cơ bản là phù hợp đảm bảo tính khả thi. Trong quá trình xây dựng quy hoạch, chỉ tiêu đã được thảo luận giữa cơ quan chuyên môn và thống nhất giữa các đơn vị. Chỉ tiêu cao thể hiện quyết tâm của Lai Châu trong việc coi phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn quy hoạch.</p>
15	<p>Về phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo (Mục II trang 396):</p> <p>- Đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát, biên tập lại Mục này để đảm bảo nội dung cô đọng, không trùng lặp và số liệu chính xác, thống nhất tại toàn Báo cáo.</p>	<p>Tỉnh đã biên tập lại mục này để đảm bảo nội dung cô đọng, không trùng lặp và số liệu chính xác, thống nhất tại toàn Báo cáo.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
16	<p>Về quan điểm phát triển giáo dục và đào tạo (Mục 1 trang 396): Đề nghị nghiên cứu bổ sung quan điểm: “Giáo dục và đào tạo là nền tảng phát triển bền vững. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; huy động mọi nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hướng tới phát triển bền vững, cân đối về số lượng, chất lượng, cơ cấu, hiệu quả, cung ứng tốt hơn dịch vụ công cho xã hội, bảo đảm công bằng, bình đẳng trong tiếp cận giáo dục và đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục”.</p>	<p>Tỉnh đã bổ sung và biên tập phù hợp tại Phần VII. Mục II.1.</p>
17	<p>Về mục tiêu phát triển đến 2030 (Mục 2 trang 397): Đề nghị bổ sung dự báo quy mô dân số trong độ tuổi đi học để làm căn cứ dự báo quy mô học sinh và xây dựng mục tiêu, định hướng phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn tới; bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo vào năm 2030 theo Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 2021-2030; bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới (như số phòng học/lớp, số phòng học kiên cố, tỷ lệ số học sinh học 2 buổi/ngày, tỷ lệ giáo viên/lớp,...); bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu phát triển đối với giáo dục dân tộc, giáo dục chuyên biệt, hòa nhập.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: dân số trong độ tuổi đi học được tính toán nội suy từ phương án tăng dân số đã được trình bày trong QH, là căn cứ để định hướng phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn tới</p> <p>Các mục tiêu, chỉ tiêu hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo vào năm 2030 theo Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 2021-2030; bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới đã được cụ thể hóa trong thuyết minh Quy hoạch và cụ thể hóa trong báo cáo phương án đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Lai Châu, là một phần của hồ sơ quy hoạch.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
18	<p>Đề nghị rà soát mục tiêu: “Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia là 80% ở tất cả các cấp: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông” để đảm bảo khả thi và phù hợp với thực trạng hiện nay của tỉnh theo đánh giá của cơ quan lập quy hoạch: “Có 158 trường đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 46,6% trong đó, mầm non: 56 trường đạt tỷ lệ 49,6%; tiểu học: 54 trường đạt tỷ lệ 57,4%; trung học cơ sở: 41 trường đạt tỷ lệ 37,6%; trung học phổ thông: 07 trường đạt tỷ lệ 30,4%” (trang 121).</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: Đến hết năm 2022, tỷ lệ đạt chuẩn tỉnh Lai Châu đã là 57,8%; Kế hoạch năm 2023 tỷ lệ này đạt 60,9% (122 trường/tổng số 201 trường học); trong 7 năm còn lại của kỳ QH tỉnh phấn đấu mỗi năm có 5-6 trường đạt chuẩn, tương đương khoảng 3% tổng số trường đạt chuẩn cơ bản là phù hợp đảm bảo tính khả thi. Trong quá trình xây dựng quy hoạch, chỉ tiêu đã được thảo luận giữa cơ quan chuyên môn và thống nhất giữa các đơn vị. Chỉ tiêu cao thể hiện quyết tâm của Lai Châu trong việc coi phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn quy hoạch.</p>
19	<p>- Về định hướng phát triển giáo dục các cấp (Mục 3.1 trang 398): Đề nghị bổ sung định hướng phát triển giáo dục dân tộc, giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khuyết tật; rà soát lại mục tiêu: “Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo là 70,5%, trong đó lao động qua đào tạo, có bằng cấp chứng chỉ đạt 75%” (trang 400) để đảm bảo phù hợp và thống nhất tại toàn báo cáo; rà soát, làm rõ định hướng: “Mở các mã ngành thiết yếu ở trình độ cao đẳng và đại học phù hợp với nhu cầu phát triển của tỉnh Lai Châu như: sư phạm, nông nghiệp, lâm nghiệp, quản lý kinh tế, ngoại ngữ, du lịch, công nghệ thông tin” (trang 400) đảm bảo phù hợp thực tế khi tỉnh Lai Châu chưa có cơ sở giáo dục đại học được thành lập trên địa bàn trong giai đoạn đến năm 2030.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình trong quá trình xây dựng quy hoạch, chỉ tiêu đã được thảo luận giữa cơ quan chuyên môn và thống nhất giữa các đơn vị và lãnh đạo tỉnh. Chỉ tiêu cao thể hiện quyết tâm của Lai Châu trong việc coi phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn quy hoạch =&gt; do đó tỉnh đề xuất bảo lưu.</p> <p>Về định hướng: “Mở các mã ngành thiết yếu ở trình độ cao đẳng và đại học phù hợp với nhu cầu phát triển của tỉnh Lai Châu như: sư phạm, nông nghiệp, lâm nghiệp, quản lý kinh tế, ngoại ngữ, du lịch, công nghệ thông tin, tỉnh đã rà soát và lược bỏ. Khi có cơ sở giáo dục đại học tại địa bàn sẽ tính toán đề lên phương án phù hợp.</p>



STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
20	<p>Đề nghị nghiên cứu bổ sung định hướng phát triển mạng lưới giáo dục và đào tạo của tỉnh như sau: “Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa bàn cụ thể, đảm bảo đủ trường lớp và trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non và giáo dục cơ bản. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập ở những địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội phát triển. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở, đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người dân, xây dựng xã hội học tập từ cơ sở. Phát triển hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, đảm bảo đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục”.</p>	<p>Tỉnh đã tiếp thu và bổ sung tại Phần IX, mục VII.1.1.</p>
21	<p>- Đề nghị bổ sung các giải pháp phát triển giáo dục theo đó có các chương trình hành động, lộ trình thực hiện các giải pháp để đảm bảo khả thi. Các giải pháp cần khắc phục được những hạn chế đã nêu tại phần đánh giá thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo.</p>	<p>Tỉnh đã trình bày các giải pháp phát triển giáo dục theo đó có các chương trình hành động, lộ trình thực hiện các giải pháp để đảm bảo khả thi tại Báo cáo Thực trạng và phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Lai Châu, là một phần của hồ sơ quy hoạch.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
22	<p>Về phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo (Mục 1 trang 482):</p> <p>- Đề nghị bổ sung, làm rõ phương án phát triển hạ tầng cơ sở giáo dục và đào tạo các cấp học cụ thể đến năm 2025 và năm 2030, bao gồm cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông), giáo dục thường xuyên (loại hình, quy mô, địa điểm, không gian bố trí và nhu cầu sử dụng đất) cho từng địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với quy định về định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, Thông tư 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao và quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và trình bày nội dung này trong phần VII, mục II.3.</p>
23	<p>Phương án phát triển hạ tầng cơ sở giáo dục và đào tạo đảm bảo phù hợp, gắn với định hướng phát triển giáo dục và đào tạo đã nêu tại Mục II (trang 396) cũng như giải quyết được các bất cập, hạn chế, vướng mắc về thực trạng phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo của tỉnh đã nêu tại Mục 5 (trang 218).</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: Phương án phát triển hạ tầng cơ sở giáo dục và đào tạo đã đảm bảo phù hợp, gắn với định hướng phát triển giáo dục và đào tạo cũng như giải quyết được các bất cập, hạn chế, vướng mắc về thực trạng phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo.</p>
24	<p>Ngoài ra, cần có tính toán gắn với nguồn lực thực hiện (đội ngũ giảng viên, khái toán kinh phí thực hiện, quỹ đất) để đảm bảo phương án thuyết phục, phù hợp, khả thi, đảm bảo tiếp cận giáo dục của người dân, chất lượng giáo dục và phù hợp với năng lực quản lý, điều hành. ...</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: Phương án đề xuất đã tính toán phù hợp với nguồn lực thực hiện (đội ngũ giảng viên, khái toán kinh phí thực hiện, quỹ đất) để đảm bảo phương án thuyết phục, phù hợp, khả thi, đảm bảo tiếp cận giáo dục của người dân, chất lượng giáo dục và phù hợp với năng lực quản lý, điều hành...</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
25	Số lượng cơ sở giáo dục của tỉnh xác định đến năm 2025 và 2030 cần tương thích với dự báo mật độ dân cư, tổng quy mô trẻ em, học sinh của từng địa bàn tỉnh; dự báo thống kê về số dân trong độ tuổi đi học, dự báo phát triển các cấp học, dân số đô thị và di dân lao động.	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: Dân số trong độ tuổi đi học được tính toán nội suy từ phương án tăng dân số đã được trình bày trong QH, là căn cứ để định hướng phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn tới</p> <p>Các mục tiêu, chỉ tiêu hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo vào năm 2030 theo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới đã được cụ thể hóa trong thuyết minh Quy hoạch và cụ thể hóa trong báo cáo phương án đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Lai Châu, là một phần của hồ sơ quy hoạch.</p>
26	- Đề nghị bổ sung làm rõ phương án phát triển hạ tầng cơ sở giáo dục dân tộc, cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển hòa nhập.	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Trong nội dung mục tiêu đến năm 2030 đã có mục tiêu hỗ trợ cho các đối tượng bảo trợ xã hội;</p> <p>Tại mục "1. Các tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư (từ ngân sách nhà nước)" của QH đã xác định: "- ... tăng cường cơ sở vật chất cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo đạt chuẩn; đầu tư cơ sở bảo trợ xã hội công lập;...".</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
27	<p>Đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:</p> <p>Đề nghị cơ quan lập quy hoạch trên cơ sở Báo cáo thuyết minh Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã tiếp thu và hoàn thiện theo các góp ý tại Mục 4.2.1 nêu trên: (1) Rà soát, biên tập nội dung phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh tại điểm b khoản 2 Mục III dự thảo Quyết định để đảm bảo khái quát, đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển và giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh; (2) Rà soát, biên tập nội dung phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo của tỉnh tại điểm b khoản 9 Mục III dự thảo Quyết định, theo đó bổ sung đầy đủ phương án phát triển mạng lưới, hạ tầng cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (bao gồm giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông), giáo dục thường xuyên, giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập đến năm 2030 (loại hình, quy mô, địa điểm và không gian bố trí) để làm căn cứ thực hiện và đánh giá đối với quy hoạch.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, biên tập nội dung của Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch trên cơ sở tích hợp các nội dung chỉnh sửa trong thuyết minh, đảm bảo Quyết định là khung định hướng chính cho việc triển khai thực hiện quy hoạch. Các chỉ tiêu nội dung cụ thể, chi tiết sẽ không nêu trong quyết định mà nêu trong thuyết minh quy hoạch hoặc/và Báo cáo phương án đề xuất tích hợp.</p> <p>Đối với phương án phát triển hạ tầng cơ sở giáo dục dân tộc, cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển hòa nhập và gắn với bố trí không gian phát triển: hiện tại Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Quốc gia đang trong quá trình xây dựng do đó Tỉnh Lai Châu chưa có căn cứ để cụ thể hóa nội dung này trong quy hoạch. Tuy nhiên, để các định hướng mang tính mở, có khả năng điều chỉnh phù hợp với các Quy hoạch cấp trên sẽ được phê duyệt, tỉnh Lai Châu đã bổ sung nội dung này một cách phù hợp nhất.</p>
	<b>Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội</b>	.
1	<p>a) Về căn cứ lập quy hoạch (Mục II, từ trang 2 - 12), đề nghị rà soát, bổ sung các văn bản mới như: Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị; Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung các căn cứ mới vào quy hoạch.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
2	b) Về phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Lai Châu - Cần bổ sung dự báo, đánh giá các tác động, các xu hướng ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp đến phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và giải trình: Nội dung đã được trình bày Nội dung tại Phần IV.
3	Về lực lượng lao động (tại điểm 1.2, trang 25-27): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung thông tin về tỷ lệ tham gia lực lượng lao động, cơ cấu lực lượng theo nhóm tuổi, tỷ lệ lao động qua đào tạo nói chung, mức độ đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thời gian vừa qua; dự báo về lực lượng lao động, cung - cầu lao động, nhu cầu về nhân lực cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh, nhất là nhân lực qua đào tạo, nhân lực có trình độ kỹ năng nghề cao trong thời kỳ quy hoạch.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: Nội dung ở phần này đã được tỉnh biên tập, gộp chung vào Phần II. Mục II, 1. Về số liệu tỷ lệ, cơ cấu lực lượng lao động theo nhóm tuổi,... đã được trình bày chi tiết tại báo cáo đề xuất "Thực trạng và phương án phát triển nguồn nhân lực; đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động trên địa bàn tỉnh Lai Châu" là một thành phần của Hồ sơ Quy hoạch. Để đảm bảo các nội dung được thống nhất về hàm lượng nội dung giữa các phần (các lĩnh vực), thông tin chi tiết này xin phép không trình bày trong Thuyết minh Quy hoạch.
4	Về tỷ lệ lao động qua đào tạo đề nghị đánh giá theo 2 chỉ tiêu: “Tỷ lệ lao động qua đào tạo” và “tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ” để thống nhất với chỉ tiêu Quốc hội giao trong các Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm. Theo số liệu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Tổng cục Thống kê, tính chung cả năm 2021, tỷ lệ lao động qua đào tạo của cả nước đạt 66%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 26,1%.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: Quy hoạch đã tiếp thu, đánh giá đánh giá theo 2 chỉ tiêu: “Tỷ lệ lao động qua đào tạo” và “tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ.
5	c) Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và hạ tầng phát triển tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011-2020 - Về lao động, việc làm (tại điểm 1.3, từ trang 113-115): Đề nghị bổ sung đánh giá về tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ thiếu việc làm; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi lao động; phát triển thị trường lao động, tư vấn, giới thiệu việc làm, tổ chức sàn giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động của Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Lai Châu; vấn đề di chuyển lao động từ Lai Châu đến các địa phương khác.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: Nội dung đã được tỉnh tiếp thu, bổ sung theo góp ý.

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
6	- Về an sinh xã hội (tại khoản 6, từ trang 140-142): Đề nghị bổ sung đánh giá về thực hiện các chính sách ưu đãi người có công, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em...	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: bổ sung "Thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chương trình hình động số 19-CTr/TU ngày 28/9/2017 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 2157/KH-UBND ngày 21/11/2017 của UBND tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công".
7	d) Về hạ tầng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trợ giúp xã hội (từ trang 218-223): Đề nghị bổ sung đánh giá về thực trạng Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Lai Châu. Đồng thời, rà soát nhằm đảm bảo đánh giá đầy đủ hiện trạng hạ tầng lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội về: Quy mô đối tượng, khả năng đáp ứng không gian phát triển và hiện trạng sử dụng đất, các vấn đề đặt ra đối quy hoạch thời kỳ 2021-2030.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung khổ đầu về TTDVVL ở Phần II mục II.6,3.
8	e) Về quan điểm, mục tiêu Đề nghị xem xét lại mục tiêu đến năm 2030 tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 55% (mục tiêu chung của cả nước theo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 là từ 35-40%; mục tiêu của Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ theo Nghị quyết 96/NQ-CP cũng là 35-40%).	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình Tỉnh Lai Châu đặt mục tiêu cao hơn NQ 96 do coi phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ trọng tâm, nhằm nhanh chóng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút các DN về địa bàn. Hiện nay tỉnh đã ban hành kế hoạch số 2089/KH-UBND ngày 20/6/2022 về thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lai Châu, trong đó đã xác định chỉ tiêu như quy hoạch.

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
9	<p>f) về phương án phát triển hạ tầng xã hội (từ trang 482-496) về cơ bản Quy hoạch tỉnh Lai Châu đã đề cập đầy đủ đến phương án phát triển các cơ sở thuộc hạ tầng giáo dục nghề nghiệp và an sinh xã hội theo quy định của Luật Quy hoạch. Tuy nhiên, đề nghị rà soát, đảm bảo phương án phát triển các cơ sở này phù hợp với nhu cầu của tỉnh và thực hiện đúng chủ trương sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa. Đối với các phương án phát triển cần đảm bảo về: Số lượng cơ sở, quy mô phát triển (quy mô đào tạo đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, quy mô tư vấn, giới thiệu việc làm đối với cơ sở dịch vụ việc làm, quy mô chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng đối với cơ sở trợ giúp xã hội, nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng...); định hướng không gian phát triển, nhu cầu sử dụng đất và khả năng bố trí quỹ đất của tỉnh cho mạng lưới các cơ sở này trong thời kỳ quy hoạch (bao gồm cả định hướng phát triển đối với các cơ sở ngoài công lập).</p>	<p>Tỉnh đã rà soát và phương án phát triển các cơ sở hạ tầng giáo dục nghề nghiệp và an sinh xã hội được xây dựng và tính toán phù hợp với nhu cầu của tỉnh và thực hiện đúng chủ trương sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa.</p>
	<b>Bộ Ngoại giao</b>	.
1	<p>về căn cứ lập quy hoạch, đề nghị rà soát và bổ sung các văn bản có liên quan như: Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Nghị quyết số 143/NQ-CP của Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050...</p>	<p>Tỉnh đã rà soát và bổ sung các căn cứ còn thiếu, Cụ thể tại Phần Phụ Lục của Thuyết minh quy hoạch. Riêng về Quy hoạch tổng thể quốc gia đã được ban hành vậy nên không bổ sung căn cứ này. Trong Căn cứ đã có Nghị quyết số 138/NQ-CP của Chính phủ ngày 25/10/2022 phê duyệt Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm</p>
2	<p>về một số yếu tố tác động từ định hướng phát triển của Trung Quốc và tỉnh Vân Nam (mục 3.10.1 - trang 250), đề nghị chỉnh sửa như sau: “Trong thời gian tới, khi Trung Quốc triển khai chiến lược kinh tế “tuần hoàn kép” (được công bố vào tháng 10/2020), Việt Nam nói chung, Lai Châu và các tỉnh biên giới nói riêng có vai trò quan trọng. Chiến lược này nhấn mạnh định hướng chuyển động lực phát triển kinh tế từ xuất khẩu, đầu tư sang tiêu dùng, sáng tạo, chuyển từ lấy Mỹ và phương tây làm trung tâm sang phân vùng, khu vực hóa, xích gần các nước khu vực châu Á đẩy mạnh liên kết khu vực thông qua việc mở rộng và tăng cường hợp tác với các nước Đông Á và các nước ASEAN...”.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, chỉnh sửa theo góp ý.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
3	về bối cảnh quốc tế tác động đến thời kỳ quy hoạch tỉnh (mục 3.11 - trang 252), đề nghị bỏ đoạn: “Cạnh tranh chiến lược Mỹ Trung diễn ra gay gắt và Biển Đông là một trong những “điểm nóng” cạnh tranh chiến lược... tác động tiêu cực đến kinh tế đối ngoại của Lai Châu”	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và lược bỏ theo góp ý.
4	Về phương hướng phát triển lĩnh vực văn hóa (mục 1.1 - trang 391), đề nghị cân nhắc bổ sung như sau: “Tăng cường hội nhập quốc tế về văn hóa. Đa dạng hóa sản phẩm văn hóa, trong đó tập trung duy trì, bảo tồn và phát huy các giá trị tài nguyên nổi trội về văn hóa như: di sản phi vật thể thế giới Xòe Thái, thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam đã được UNESCO ghi danh. Đổi mới các hình thức quảng bá thương hiệu địa phương trên nền tảng kỹ thuật số nhằm thích ứng với tình hình mới”.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và đã bổ sung tại Phần VII, mục I.1.
5	về phương hướng công tác quốc phòng - an ninh (mục 3.3 - trang 420), đề nghị cân nhắc đề xuất xây dựng hệ thống hàng rào biên giới, lắp đặt hệ thống camera giám sát, loa cảm biến có lời thoại cảnh báo và cột đèn chiếu sáng, cần tính toán xây dựng kế hoạch lộ trình; linh hoạt trong hình thức, phương pháp xây dựng hệ thống hàng rào và các thiết bị giám sát; đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ biên giới, chủ quyền lãnh thổ quốc gia, cũng như thúc đẩy hợp tác, giao lưu hữu nghị giữa địa phương hai biên giới.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và bổ sung "- Xây dựng lộ trình xây dựng hệ thống hàng rào biên giới, lắp đặt hệ thống camera giám sát, loa cảm biến có lời thoại cảnh báo và cột đèn chiếu sáng đảm bảo linh hoạt trong hình thức, phương pháp xây dựng hệ thống hàng rào và các thiết bị giám sát phù hợp với tình hình thực tế nhằm phục vụ hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ biên giới, chủ quyền lãnh thổ quốc gia, cũng như thúc đẩy hợp tác, giao lưu hữu nghị giữa địa phương hai biên giới."
6	về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới, đề nghị cân nhắc lồng ghép một số nội dung vào quy hoạch: (i) thúc đẩy phát triển kinh tế vùng giáp biên, tăng cường thương mại với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc; (ii) gắn kết triển khai đồng bộ hội nhập kinh tế của tỉnh với khu vực Tây Bắc Bộ; (iii) phù hợp và tận dụng triệt để hiệu quả các FTA song phương và đa phương (RCEP, CPTPP...); (iv) bảo đảm phát triển địa phương gắn với mục tiêu quốc gia về chuyển đổi số, chuyển đổi mô hình tăng trưởng xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phân bổ, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và	(i) Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và đã bổ sung "thúc đẩy phát triển kinh tế vùng giáp biên, tăng cường thương mại với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc" vào nội dung các nhiệm vụ trọng tâm.  (ii) Tỉnh đã tiếp thu, bổ sung " gắn kết triển khai đồng bộ hội nhập kinh tế của tỉnh với khu vực Tây Bắc Bộ" vào phần giải pháp thực hiện quy hoạch.



STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
	bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa, di sản thiên nhiên của địa phương.	<p>(iii) Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: nội dung "tận dụng triệt để hiệu quả các FTA song phương và đa phương (RCEP, CPTPP...)" đã được bổ sung vào nội dung về giải pháp thực hiện QH .</p> <p>(iv) Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: các nội dung "bảo đảm phát triển địa phương gắn với mục tiêu quốc gia về chuyển đổi số, chuyển đổi mô hình tăng trưởng xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phân bổ, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa, di sản thiên nhiên của địa phương" đã được lồng ghép đầy đủ trong nội dung về quan điểm phát triển.</p>
	<b>Bộ Xây dựng</b>	.
1	<p>a) Về phương án tổ chức hệ thống đô thị, tổ chức lãnh thổ nông thôn:</p> <p>- Tổ chức hệ thống đô thị cần nghiên cứu gắn với phát triển dịch vụ du lịch, sự liên kết theo các trục hành lang kết nối với các tỉnh lân cận (Lào Cai, Điện Biên, Yên Bái), ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên, môi trường, đặc biệt đối với việc bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn. Nghiên cứu những nguyên tắc định hướng bản sắc đặc trưng cho các đô thị.</p>	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Báo cáo Quy hoạch tỉnh đã trình bày tính chất của các đô thị, bên cạnh đó, việc tổ chức hệ thống đô thị được thực hiện trên cơ sở định hướng phát triển du lịch, hệ thống giao thông, tài nguyên môi trường... đã được trình bày xuyên suốt trong báo cáo.
2	Đối với các khu vực nông thôn, cần nghiên cứu chính sách, giải pháp hỗ trợ xây dựng phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ đối với các vùng khó khăn, đặc biệt các xã nông thôn khu vực biên giới, nhằm nâng cao điều kiện sống của nhân dân, góp phần bảo vệ quốc phòng an ninh, trật tự khu vực biên giới phía Tây Bắc của Tổ quốc.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và bổ sung nội dung tại Mục 4.1.2, Phần IV. báo cáo Thực trạng phân bố dân cư nông thôn và phương án quy hoạch phân bố dân cư nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; sắp xếp, bố trí ổn định các điểm dân cư tại những vùng: thiên tai; đặc biệt khó khăn; biên giới; di cư tự do trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
3	<p>b) Về phát triển nhà ở:            Tại Điều 13 Luật Nhà ở năm 2014 quy định: “Trên cơ sở Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch khu chức năng đặc thù, quy hoạch xây dựng nông thôn của địa phương đã được phê duyệt, UBND cấp tỉnh xây dựng Chương trình phát triển nhà ở của địa phương bao gồm cả tại đô thị và nông thôn cho từng giai đoạn 05 năm và 10 năm hoặc dài hơn ...”. UBND tỉnh Lai Châu đã có Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xác nhận nội dung tham gia là đúng với thực tế triển khai tại tỉnh.</p>
4	<p>Dự thảo quy hoạch cần bổ sung đánh giá rõ kết quả thực hiện nhà ở cho từng khu vực đô thị, nông thôn và các loại nhà ở thương mại trên cơ sở các mục tiêu đề ra, đặc biệt là nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp. Đề nghị bổ sung mục tiêu, giải pháp về nhà ở, đặc biệt là nhà ở xã hội, đảm bảo công tác an sinh xã hội. Đề nghị rà soát đảm bảo đồng bộ, thống nhất các nội dung liên quan giữa dự thảo quy hoạch tỉnh Lai Châu và chương trình phát triển nhà ở của tỉnh, đặc biệt rà soát tình hình sử dụng đất ở, đảm bảo nhu cầu nhà ở giai đoạn 2021-2030.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, tiếp thu, bổ sung theo góp ý. Bên cạnh đó, căn cứ theo các quy định của Luật Quy hoạch và các chương trình, dự án đang được thực hiện của Bộ Xây dựng, báo cáo Quy hoạch tỉnh đưa ra các mục tiêu tổng quát, định hướng lớn về phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh. Các chỉ tiêu, phương án chi tiết được thực hiện tại Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh trình và xin ý kiến Bộ Xây dựng theo quy định hiện hành.</p>
	<b>Bộ Công an</b>	.
1	<p>- Về quy hoạch sử dụng đất an ninh:            + Theo số liệu thống kê của Bộ Công an, tính đến tháng 8/2022, tổng diện tích đất an ninh trên địa bàn tỉnh Lai Châu do Bộ Công an đang quản lý, sử dụng là 69,96 ha. Tuy nhiên, tại Bảng 43 báo cáo tổng hợp quy hoạch (trang 152), số liệu hiện trạng tổng diện tích đất an ninh là 67,42 ha. Do đó, đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát, hiệu chỉnh số liệu hiện trạng đất an ninh trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo số liệu của Bộ Công an;</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, sử dụng số liệu hiện trạng đến thời điểm 31/12/2020 theo Quyết định 387/QĐ-BTNMT ngày 02/3/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2020.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
2	<p>+ Tại trang 513 và Bảng 87 báo cáo tổng hợp quy hoạch (trang 514), có nêu số liệu về diện tích đất an ninh bị thu hồi là 0,61 ha (tại huyện Than Uyên và huyện Tân Uyên). Đề nghị cơ quan lập quy hoạch làm rõ vị trí đất an ninh bị thu hồi (địa điểm đến đơn vị hành chính cấp xã, đơn vị quản lý, sử dụng đất) và xác định việc thu hồi đất an ninh này có thuộc trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng theo quy định tại Điều 62, Điều 63 và Điều 66 Luật Đất đai hay không?</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Diện tích đất an ninh bị thu hồi để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ phát triển hạ tầng như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà văn hóa khu 2, thị trấn Than Uyên (0,09 ha).</li> <li>- Xây dựng khu dân cư tại khu 2, thị trấn Than Uyên để Đấu giá, TĐC, giao đất có thu tiền sử dụng đất (Trụ sở công an huyện cũ: 0,40 ha).</li> <li>- Đấu giá quyền sử dụng đất (trụ sở công an thị trấn, huyện Than Uyên: 0,20 ha).</li> <li>- Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc vốn vay ADB và chính phủ Úc tài trợ (Công an thị trấn: 0,01 ha).</li> </ul>
3	<p>+ Hiện nay, Bộ Công an đang triển khai lập quy hoạch đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên toàn quốc. Theo đó, dự kiến quy hoạch sử dụng đất an ninh trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2030 là 114,7 ha, cao hơn 20,72 ha so với chỉ tiêu đất an ninh được phân bổ trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ (94 ha). Do đó, đề nghị cơ quan lập quy hoạch tỉnh điều chỉnh số liệu diện tích đất quy hoạch đất an ninh trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 theo số liệu của Bộ Công an. Bộ Công an sẽ phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh Lai Châu báo cáo Thủ tướng Chính phủ thực hiện điều chỉnh chỉ tiêu phân bổ đất an ninh giữa các địa phương theo quy định khoản 3 Điều 6 Luật Quy hoạch và quy định tại Điều 3 Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và đảm bảo Các chỉ tiêu sử dụng đất phù hợp với chỉ tiêu quốc gia phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
4	<p>Về quy hoạch phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy: Tiếp thu ý kiến của Bộ Công an, cơ quan lập quy hoạch tỉnh Lai Châu đã bổ sung nội dung đánh giá thực trạng hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và xây dựng phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy. Để hoàn thiện nội dung quy hoạch, đề nghị cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu, bổ sung:</p> <p>+ Đối với nội dung đánh giá thực trạng hạ tầng phòng cháy, chữa cháy, đề nghị bổ cục nội dung này thành các tiêu mục theo các đối tượng quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành phân tích, đánh giá thực trạng hạ tầng phòng cháy và chữa cháy làm cơ sở để xây dựng phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy;</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và chỉnh sửa đảm bảo phần đánh giá hiện trạng hạ tầng PCCC đã được tổng hợp theo các nội dung, đối tượng quy hoạch.</p>
5	<p>+ Đối với nội dung phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy, đề nghị xây dựng phương án căn cứ theo các đối tượng quy hoạch được quy định tại Quyết định số 2231/QĐ-TTg ngày 28/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Nội dung phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy cần phải tính toán đến nhu cầu sử dụng đất để phát triển mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy và chữa cháy, bố trí các dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch để phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy;</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: nội dung phương án đã căn cứ theo các đối tượng quy hoạch.</p>
6	<p>+ Đối với nội dung quy hoạch phát triển mạng lưới trụ sở, doanh trại của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, đề nghị cơ quan lập quy hoạch phối hợp Công an tỉnh Lai Châu nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí quỹ đất trong giai đoạn 2021-2030 đảm bảo mỗi huyện có tối thiểu 01 đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. heo đúng quy định của các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng; Quy hoạch hệ thống cung cấp nước, giao thông, thông tin liên lạc phục vụ cho công tác phòng cháy và chữa cháy theo đúng quy định của các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng;</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung và đảm bảo nội dung trong thuyết minh QH là phù hợp.</p>
7	<p>+ Đề nghị bổ sung nội dung phê duyệt phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy vào dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu để làm cơ sở triển khai thực hiện.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và bổ sung tại Điều 1, mục III.9 của Quyết định.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
8	<p>Theo Đề án tổng thể Phát triển mạng lưới y tế Công an nhân dân đến năm 2030 của Bộ Công an, trên địa bàn tỉnh Lai Châu có 02 cơ sở y tế Công an nhân dân gồm: Bệnh xá Công an tỉnh Lai Châu, Bệnh xá Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu. Các cơ sở y tế của ngành Công an là cơ sở khám chữa bệnh ban đầu, thực hiện chức năng y tế dự phòng cho cán bộ chiến sỹ Công an nhân dân, can phạm, phạm nhân do lực lượng Công an quản lý, đồng thời tham gia công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân theo quy định của Bộ Công an và Bộ Y tế. Do đó, đề nghị cơ quan lập quy hoạch bổ sung thông tin về các cơ sở y tế của Công an nhân dân trong phần nội dung đánh giá thực trạng, kết quả đạt được và phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, tiếp thu, bổ sung theo góp ý.</p>
9	<p>- Đối với Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược: + Phần căn cứ pháp lý, đề nghị cập nhật, bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật đã hết hiệu lực như: Luật Bảo vệ môi trường 2014, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ...;</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, tiếp thu chỉnh sửa, cụ thể tại báo cáo ĐMC và báo cáo giải trình chỉnh sửa ĐMC.</p>
10	<p>+ Tại Chương 2 (trang 94), đối với nội dung đánh giá về hiện trạng, chất lượng thành phần môi trường, di sản thiên nhiên, đề nghị: nêu rõ số liệu phân tích phải có chuỗi thời gian ít nhất là 05 năm tính đến thời điểm thực hiện đánh giá môi trường chiến lược; bổ sung nội dung về di sản thiên nhiên của tỉnh Lai Châu; Đồng thời, đề nghị rà soát, hiệu chỉnh các đề mục đảm bảo thống nhất theo mẫu báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: nội dung đã được trình bày cụ thể tại Báo cáo ĐMC và báo cáo giải trình chỉnh sửa ĐMC.</p>
11	<p>+ Đối với phần nội dung về lựa chọn các vấn đề môi trường chính, đề nghị nghiên cứu, bổ sung vấn đề môi trường liên quan đến lĩnh vực dịch vụ, y tế trong quá trình thực hiện quy hoạch tỉnh;</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: nội dung đã được trình bày cụ thể tại báo cáo ĐMC và báo cáo giải trình chỉnh sửa ĐMC.</p>
12	<p>+ Việc thực hiện quy hoạch, trong đó có chuyển đổi mục đích sử dụng đất có nguy cơ dẫn đến mất sinh kế của một bộ phận người dân có trình độ văn hóa thấp, có đất nông nghiệp bị thu hồi cho mục đích phát triển cơ sở hạ tầng (đặc biệt là để phục vụ phát triển các lĩnh vực du lịch, thủy điện...), vì vậy cần có các giải pháp để ứng phó vấn đề này được đề cập trong quy hoạch của tỉnh Lai Châu;</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: nội dung đã được trình bày cụ thể tại báo cáo ĐMC và báo cáo giải trình chỉnh sửa ĐMC.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
13	+ Đề nghị bổ sung các văn bản tham vấn và ý kiến của các đối tượng tham vấn trong phần phụ lục của báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: nội dung đã được trình bày cụ thể tại báo cáo ĐMC và báo cáo giải trình chỉnh sửa ĐMC.
	<b>Bộ Giao thông vận tải</b>	.
1	- Hồ sơ chưa cập nhật đầy đủ nội dung các quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia: số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 1454); số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị rà soát, bổ sung.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và bổ sung theo góp ý.
2	- Đề nghị rà soát, bổ sung: Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung theo góp ý.
3	<b>2.1. Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt:</b> - Chưa đánh giá đầy đủ vai trò, vị trí của tỉnh trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ để xác định điều kiện đặc thù, lợi thế của tỉnh trong khu vực, đặc biệt là lĩnh vực giao thông vận tải; chưa xác định các khu vực đặc biệt khó khăn để đầu tư phát triển (điểm d, Điều 27, Luật Quy hoạch), đề nghị nghiên cứu bổ sung.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Nội dung này đã được cụ thể ở Phần I, mục IV.

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
4	<p><b>2.2. Việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch, tích hợp các nội dung quy hoạch tỉnh</b></p> <p>- Đã thực hiện việc phân công và tích hợp các nội dung theo yêu cầu tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ về ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; tuy nhiên, hồ sơ quy hoạch chưa nêu đầy đủ nội dung quy định tại mục 6, Phụ lục 2, văn bản số 373/BKHĐT-QLQH ngày 22/01/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cách thức, mức độ chi tiết tích hợp quy hoạch tỉnh (chưa tính toán, tổng hợp quỹ đất dành cho giao thông; chưa có phương án bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong phát triển mạng lưới giao thông tỉnh).</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung vào Báo cáo TH, (nội dung quỹ đất và bảo vệ môi trường đã có trong Báo cáo chuyên đề Thực trạng và phương án phát triển GTVT): tiểu mục "4.5. Nhu cầu sử dụng đất." và "6. Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững GTVT".</p>
5	<p>- Trong quá trình xây dựng quy hoạch tỉnh, Bộ Giao thông vận tải đã có Công văn số 1818/BGTVT-KHĐT ngày 25/02/2022 tham gia ý kiến quy hoạch tỉnh Lai Châu. Một số nội dung góp ý đã được tiếp thu, hoàn thiện trong quy hoạch tỉnh, tuy nhiên nhiều nội dung chưa được nghiên cứu tiếp thu, trong đó việc bổ sung kết quả dự báo nhu cầu vận tải và phân chia theo các phương thức vận tải, hành lang liên tỉnh, liên huyện... là chưa đáp ứng được yêu cầu làm cơ sở cho việc nghiên cứu, xác định quy mô, thời điểm đầu tư, thứ tự ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, tiếp thu bổ sung vào Báo cáo TH: mục "1. Dự báo nhu cầu" (nội dung Dự báo nhu cầu đã có trong Báo cáo chuyên đề Thực trạng và phương án phát triển GTVT).</p>
6	<p><b>2.3. Nội dung quy hoạch tỉnh</b></p> <p>- Thông tin, số liệu đã được cập nhật đến năm 2020, đề nghị bổ sung đánh giá thêm về ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến số liệu thống kê về vận tải, trường hợp cần thiết cần kiến nghị loại bỏ số liệu bất thường trong quá trình phân tích, dự báo; về dự báo các yếu tố và điều kiện phát triển. Đề nghị bổ sung kết quả dự báo nhu cầu vận tải có phân chia theo các phương thức vận tải, các tuyến luồng cụ thể.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, tiếp thu bổ sung vào Báo cáo TH: mục "1. Dự báo nhu cầu" (nội dung Dự báo nhu cầu đã có trong Báo cáo chuyên đề Thực trạng và phương án phát triển GTVT).</p>
7	<p>- Về kịch bản phát triển tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030: chỉ tiêu tăng trưởng GRDP của Tỉnh đạt 10,6% với nhu cầu vốn đầu tư phát triển cần huy động khoảng 16.800 tỷ đồng/năm là khá cao so với vùng Trung du và miền núi Bắc bộ, theo đó mục tiêu đến năm 2030 tăng trưởng GRDP của Vùng đạt 8,0 - 9,0%/năm (Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị), đề nghị rà soát, tính toán lại để đảm bảo tính khả thi của mục tiêu tăng trưởng.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: các luận chứng cho các kịch bản tăng trưởng và kết quả tính nhu cầu huy động vốn đầu tư phát triển. Xin bảo lưu kết quả tính toán.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
8	<p><b>2.4. Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện:</b> Việc xác định dự án ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông được đề xuất căn cứ vào quy hoạch cấp cao hơn; ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tính cấp thiết, tháo gỡ khắc phục những hạn chế; hiệu quả kinh tế - xã hội, lan tỏa sâu rộng giữa các vùng miền; phù hợp cân đối tổng thể về nguồn lực là cơ bản hợp lý. Danh mục chưa đề xuất các dự án để ưu tiên thực hiện trong từng giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030. Đề nghị nghiên cứu, tách danh mục các dự án để phân định rõ giai đoạn ưu tiên đầu tư, nguồn vốn dự kiến và thẩm quyền đầu tư của trung ương và địa phương.</p> <p>Đề nghị rà soát, nghiên cứu xây dựng lộ trình đầu tư hợp lý các công trình, đặc biệt là các công trình giao thông bảo đảm phát huy hiệu quả và phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn lực; làm cơ sở để triển khai đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật khác đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với định hướng chung của Tỉnh.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Danh mục dự án trong báo cáo chuyên đề giao thông đã chia giai đoạn có chia giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030. Danh mục dự án tại Phụ lục 14 của Thuyết minh được trình bày tích hợp tổng thể, căn cứ theo tiến độ lập và phê duyệt QH, tỉnh xin không chia giai đoạn thực hiện dự án vì hơn 1/2 giai đoạn đã diễn ra.</p>
9	<p>3.1. Về hiện trạng</p> <p>- Đề nghị bổ sung đánh giá công tác quản lý hành lang và đấu nối đường bộ vào quy hoạch; bổ sung số liệu về các bãi đỗ xe phục vụ giao thông tỉnh trên địa bàn; quỹ đất dành cho giao thông; phương án bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong phát triển mạng lưới giao thông tỉnh và phân tích, đánh giá làm cơ sở xây dựng quy hoạch tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo mục 6, Phụ lục 2, văn bản số 373/BKHĐT- QLQH ngày 22/01/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát,</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tiếp thu bổ sung tiểu mục "1.1.8. Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng Giao thông đường bộ".</li> <li>+ Trên địa bàn tỉnh chưa có bãi đỗ xe công bố, đã được bổ sung đoạn "Bãi đỗ xe trên địa bàn tỉnh hiện chỉ có tại các trụ sở cơ quan, doanh nghiệp, nhà riêng và vị trí tạm thời ...".</li> <li>+ Tổng hợp quỹ đất và phương án bảo vệ môi trường đã bổ sung (trùng ý đã góp ý).</li> </ul>
10	<p>- Đề nghị rà soát, cập nhật hiện trạng các bến cảng đang khai thác; đánh giá sơ bộ giữa hiện trạng và quy hoạch.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Địa bàn tỉnh chưa có bến cảng thủy nội địa, đã được nêu rõ trong báo cáo Chuyên đề tích hợp và báo cáo thuyết minh Tổng hợp.</p>



STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
11	<p>3.2. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông</p> <p>- Nhận xét chung: Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trong báo cáo chỉ trình bày định hướng sơ bộ quy hoạch kết cấu hạ tầng, đề nghị bổ sung vào phương án mục tiêu đến năm 2030 về khối lượng vận tải hàng hóa, hành khách dự kiến đạt được/thông qua; bổ sung chỉ tiêu về vận tải hành khách công cộng do trong giai đoạn tới tỉnh Lai Châu định hướng phát triển nhiều khu công nghiệp, khu du lịch; bổ sung định hướng phân đầu đến năm 2030 đưa vào cấp kỹ thuật các tuyến đường tỉnh quan trọng, mở mới một số tuyến cần thiết làm cơ sở xác định phương án phát triển KCHTGT.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và bổ sung: mục tiêu về vận tải hàng hóa, hành khách, vận tải hành khách công cộng ("khối lượng vận tải toàn tỉnh đạt khoảng 3,1 triệu HK, 4,15 triệu Tấn năm 2030, vận tải công cộng đáp ứng tối thiểu 10% nhu cầu"). Đầu tư nâng cấp, mở mới một số tuyến đường tỉnh, liên tỉnh đã được đề cập trong mục tiêu.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
12	<p>- Về đường bộ:</p> <p>+ Tuyến cao tốc Bảo Hà (Lào Cai) - Lai Châu (CT.13): Theo Quyết định 1454, tuyến được quy hoạch với chiều dài khoảng 203km, quy mô 4 làn xe, tiến trình đầu tư sau năm 2030, đề nghị Tư vấn nghiên cứu, cập nhật cho phù hợp.</p> <p>+ Các tuyến quốc lộ: 4D, 12, 32 có quy mô chưa phù hợp với Quyết định 1454. Đề nghị rà soát, cập nhật quy hoạch các quốc lộ trên địa bàn tỉnh Lai Châu cho phù hợp với phạm vi, quy mô được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1454. Trong đó cần lưu ý quy hoạch các tuyến quốc lộ có quy mô “tối thiểu” để bảo đảm tính mở của quy hoạch, quy mô đầu tư được xác định theo nhu cầu vận tải và nguồn lực, tránh phải điều chỉnh trong quá trình thực hiện.</p> <p>+ Các tuyến đường địa phương trong quy hoạch tỉnh chỉ xác định về chiều dài, quy mô, đề nghị bổ sung điểm đầu, điểm cuối, tiến trình đầu tư. Tương tự như trên, đối với các tuyến đường do địa phương quản lý, nghiên cứu bổ sung cụm từ quy mô tối thiểu; các đoạn qua đô thị xác định quy mô phù hợp quy hoạch đô thị (không phải quy mô tối thiểu).</p> <p>+ Nội dung quy hoạch chưa thể hiện được nội dung về quy hoạch giao thông đô thị, đề nghị bổ sung. Đây là quy hoạch có tính dài hạn, nghiên cứu quy hoạch hệ thống vận tải theo các hành lang liên vùng, liên huyện, gắn với các tuyến giao thông quốc gia trên địa bàn, định hướng phát triển du lịch, khu công nghiệp, đô thị,..., trong đó đường bộ có vai trò chủ đạo.</p> <p>+ Đối với giao thông đô thị, đề nghị nghiên cứu quy hoạch hệ thống đường vành đai thành phố Lai Châu làm cơ sở định hướng phát triển đô thị, quản lý quỹ đất, hạn chế xe quá cảnh qua thành phố Lai Châu.</p> <p>+ Đối với các đường trục chính đô thị đi trùng hệ thống quốc lộ, đề nghị quy hoạch xây dựng hệ thống đường gom, đường song hành để đảm bảo không làm ảnh hưởng đến năng lực thông hành của các quốc lộ.</p> <p>+ Đề nghị bổ sung quy hoạch các tuyến kết nối các phương thức vận tải, đầu mối giao thông trên địa bàn tỉnh theo định hướng tại Phụ lục IV, Quyết định 1454;</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình như sau:</p> <p>+ Tuyến cao tốc CT.13 được quy hoạch 4 làn xe, đầu tư sau 2030 nhưng hiện tại đang triển khai dự án (vốn ADB) đường nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai theo hướng tuyến của cao tốc CT.13.</p> <p>+ Tiếp thu cập nhật quy mô cấp đường theo hướng quy mô tối thiểu đối với các QL 4D, 12, 32.</p> <p>+ Tiếp thu rà soát bổ sung nội dung điểm đầu/cuối các tuyến đường tỉnh.</p> <p>+ Nội dung về giao thông đô thị đã có định hướng, báo cáo đã được chỉnh sửa bổ sung cho rõ hơn.</p> <p>+ Tiếp thu ý kiến và bổ sung ý về quy hoạch đường bên, đường gom song hành quốc lộ qua đô thị.</p> <p>+ Tiếp thu bổ sung danh mục tuyến đường kết nối CHK, cửa khẩu, cảng bến trên địa bàn tỉnh.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
13	<p>- Về đường thủy nội địa: Theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Lai Châu quy hoạch cụm cảng Lai Châu tiếp nhận cỡ tàu 400 tấn, công suất 1,6 triệu tấn/năm, nhu cầu sử dụng đất khoảng 24 ha (gồm cảng vùng hồ Sơn La công suất 500 nghìn tấn/năm; cảng vùng hồ Lai Châu công suất 700 nghìn tấn/năm; cảng khác công suất 400 nghìn tấn/năm). Đề nghị cập nhật, bổ sung nội dung quy hoạch cảng thủy nội địa vào báo cáo. Quy hoạch cảng thủy nội địa cần phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương, phù hợp với nhu cầu thông qua hàng hóa, hành khách vận tải bằng phương thức đường thủy nội địa tránh dư thừa công suất và tiết kiệm nguồn lực đầu tư. Đề nghị rà soát, cập nhật nội dung quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, tiếp thu bổ sung chi tiết thông tin quy hoạch cảng thủy nội địa</p>
14	<p>- Về hàng không: Đề nghị rà soát, cập nhật nội dung Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, cập nhật Quy hoạch cảng hàng không theo Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023.</p>
15	<p>3.3. Về bản vẽ, đề nghị nghiên cứu tăng tỷ lệ bản đồ của phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải để phục vụ cho công tác quản lý, thực hiện phương án phát triển giao thông trên địa bàn tỉnh và thuận lợi cho công tác tích hợp với các quy hoạch sử dụng đất, các phương án phát triển kết cấu hạ tầng khác: điện, nước, viễn thông...</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình Hồ sơ QH đã có bản đồ tỷ lệ 1/100.000 và bản vẽ khổ A3.</p>
16	<p>4. Yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch - Đề nghị bổ sung nội dung dự báo nhu cầu vận tải và phân chia theo các phương thức vận tải, các tuyến luồng cụ thể là cơ sở cho việc hoạch định quy mô quy hoạch, xác định thời điểm cần thiết đầu tư và đánh giá, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát ý kiến tham gia về nội dung dự báo nhu cầu vận tải,... đã được trình bày chi tiết tại báo cáo đề xuất "Thực trạng và phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Lai Châu" là một thành phần của Hồ sơ Quy hoạch. Để đảm bảo các nội dung được thống nhất về hàm lượng nội dung giữa các phần (các lĩnh vực), thông tin chi tiết này xin phép không trình bày trong Thuyết minh Quy hoạch.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
17	<p>- Hồ sơ quy hoạch chưa tiếp thu đầy đủ ý kiến tham gia của Bộ Giao thông vận tải tại Công văn số 1818/BGTVT-KHĐT ngày 25/02/2022, vì vậy đề nghị rà soát, chỉnh sửa hồ sơ theo các ý kiến tham gia nêu trên để hoàn thiện hồ sơ quy hoạch tỉnh làm cơ sở trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; cập nhật, chỉnh sửa nội dung dự thảo quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho phù hợp.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, và đảm bảo các nội dung tham gia tại Công văn số 1818/BGTVT-KHĐT ngày 25/02/2022 đã được tiếp thu và trình bày tại Thuyết minh QH tỉnh và báo cáo tích hợp lĩnh vực giao thông.</p>
<b>Bộ Thông tin và Truyền thông</b>		.
1	<p>Đề nghị bổ sung những căn cứ lập quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 1497/QĐ-TTg ngày 8/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển thông tin quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn 2030.</li> <li>- Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025.</li> <li>- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.</li> <li>- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.</li> <li>- Quyết định số 654/QĐ-TTg ngày 30/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.</li> <li>- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung theo góp ý về các căn cứ.</p>
<b>Bộ Nội vụ</b>		.

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
1	<p>1. Về Hồ sơ Quy hoạch tỉnh</p> <p>a) Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 4461/BNV-CQĐP ngày 13/9/2021 (kèm theo) gửi UBND tỉnh Lai Châu góp ý Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tuy nhiên, Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lai Châu gửi kèm theo Văn bản số 5862/CV-HĐTĐ của Hội đồng thẩm định chưa có nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến của Bộ Nội vụ về bổ sung phương án quy hoạch đơn vị hành chính. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh Lai Châu nghiên cứu, tiếp thu ý kiến nêu trên của Bộ Nội vụ.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Tỉnh Lai Châu đã xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2021. Trong quá trình xây dựng Quy hoạch tỉnh, Lai Châu đã bám sát văn kiện đại hội đảng lần thứ XIII, Nghị quyết số 11/NQ-TW về phát triển trung du miền núi phía Bắc, trong kỳ quy hoạch giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó tỉnh Lai Châu giữ nguyên số lượng đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã là: 8 đơn vị hành chính cấp huyện (7 huyện, 1 thành phố) và 106 đơn vị hành chính cấp xã để tạo điều kiện ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội cũng như đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh. Thể hiện tại Phần VIII, mục I.1 về Phân bố trung tâm chính trị - hành chính.</p>
2	<p>b) Về phương án phát triển hệ thống đô thị (tại Mục III Phần VIII Báo cáo thuyết minh và khoản 3 Mục IV Điều 1 Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ):</p> <p>- Đề nghị bổ sung làm rõ các phương án thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính đô thị trong thời kỳ quy hoạch; trong đó lưu ý các phương án này cần bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Căn cứ theo Luật Quy hoạch và các văn bản quy phạm liên quan, chi tiết phương án thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính đô thị sẽ được xây dựng cụ thể tại các Quy hoạch xây dựng cấp thấp hơn, cụ thể là các Quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch vùng huyện và Quy hoạch chung các xã.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
3	<p>- Đề nghị rà soát, bảo đảm thống nhất số lượng đô thị trong thời kỳ quy hoạch. Tại trang 14 dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có định hướng đến năm 2030 toàn tỉnh Lai Châu có 11 đô thị nhưng chỉ bao gồm 01 đô thị loại III, 05 đô thị loại IV và 04 đô thị loại V; đồng thời, tính theo tên đô thị loại V được liệt kê thì số đô thị loại V lại là 06 đơn vị (thị trấn Mường Tè, thị trấn Nậm Nhùn, đô thị Nậm Tăm, đô thị cửa khẩu Ma Lù Thàng, đô thị Phúc Than, đô thị Pắc Ta).</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: Các nội dung đã được chỉnh sửa thống nhất với Thuyết minh quy hoạch "Đến năm 2030, toàn tỉnh Lai Châu có 11 đô thị, bao gồm: 01 đô thị loại III (thành phố Lai Châu), 05 đô thị loại IV là các thị trấn: Tân Uyên, Than Uyên, Phong Thổ, Sìn Hồ, Tam Đường; 05 đô thị loại V bao gồm: Thị trấn Mường Tè, thị trấn Nậm Nhùn, đô thị Nậm Tăm, đô thị cửa khẩu Ma Lù Thàng, đô thị Phúc Than, huyện Than Uyên, đô thị Pắc Ta".</p>
	<b>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>	
1	<p>Ngày 16/9/2021, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có Công văn số 3382/BVHTTDL-KHTC gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc góp ý dự thảo Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p> <p>Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu nghiên cứu các ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 3382/BVHTTDL-KHTC để hoàn thiện dự thảo Quy hoạch, đảm bảo tất cả các ý kiến được tiếp thu, giải trình đầy đủ, cụ thể; đồng thời, tại Báo cáo tiếp thu, giải trình, đề nghị nêu rõ tiếp thu tại mục nào, trang nào để thuận lợi rà soát, đối chiếu.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, các nội dung giải trình chi tiết tại báo cáo số 1184/BC-SKHĐT ngày 29/7/2022 (kèm hồ sơ trình thẩm định).</p>
2	<p><b>2.1. Đối với các nội dung liên quan đến các lĩnh vực văn hóa:</b></p> <p>- Về đánh giá thực trạng phát triển văn hóa và thể dục thể thao: Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá về thực trạng gia đình, kết quả thực hiện công tác phòng, chống bạo lực gia đình của tỉnh.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, đã bổ sung theo góp ý tại Phần II, mục II.4.1.</p>
3	<p>- Về phương hướng phát triển văn hóa, thể dục thể thao:</p> <p>+ Đề nghị bổ sung các mục tiêu, định hướng, giải pháp phát triển gia đình bền vững của tỉnh Lai Châu vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030; đảm bảo hài hòa với các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và phù hợp với Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2238/QĐ-TTg ngày 30/12/2021.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và bổ sung theo góp ý tại Phần II, mục I.1.1, 1.2 và 1.3.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
4	<p>+ Ngày 08/9/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1755/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; theo đó, xác định ở Việt Nam có 12 ngành công nghiệp văn hóa. Đề nghị cơ quan lập Quy hoạch cân nhắc, bổ sung một số nội dung đề xuất phát triển mạng lưới cơ sở các ngành công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh Lai Châu, phù hợp với tiềm năng của tỉnh và mục tiêu phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và bổ sung vào quan điểm phát triển du lịch (Phần VI, mục IV.1 và phần IX, mục VII.3.2.2).</p>
5	<p>+ Về phương hướng phát triển hoạt động thư viện, đề nghị bổ sung nội dung như sau: Phát triển thư viện tỉnh trở thành thư viện trung tâm về hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong mạng lưới thư viện công cộng và phát triển văn hóa đọc trên địa bàn theo định hướng chuyển đổi số; thực hiện việc liên thông với các thư viện công cộng trong tỉnh và hệ thống thư viện quốc gia, trở thành trung tâm thông tin, văn hóa, giáo dục, khoa học phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập, giải trí của nhân dân trên địa bàn. Kiện toàn, củng cố thư viện cấp huyện đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, tài nguyên thông tin, tiện ích thư viện và trang thiết bị theo quy định của Luật Thư viện. Duy trì, phát triển và từng bước hình thành mạng lưới thư viện năng động, đa dạng, với sự kết hợp giữa thư viện truyền thống và chuyển đổi số trên cơ sở liên thông, liên kết giữa các thư viện trên địa bàn; mở rộng hợp tác quốc tế. Kiện toàn, xây dựng và phát triển hệ thống thư viện trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, biên tập bổ sung theo góp ý tại phần VII, Mục I 1.3.</p>
6	<p><b>2.2. Đối với các nội dung liên quan đến lĩnh vực du lịch:</b> - Về thực trạng phát triển hệ thống khu du lịch: + Nội dung đánh giá hiện trạng hệ thống các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Lai Châu còn mang tính liệt kê, chưa phân tích được cụ thể hiện trạng phát triển các khu, điểm du lịch trọng điểm trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: Nội dung đã được trình bày tại Phần II, Mục I.4.3 và Phần III, Mục IV.2.</p>
7	<p>+ Cần xem xét lại nhận định “Một số khu, điểm du lịch cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận cấp quốc gia” vì Luật Du lịch 2017 không còn quy định về điểm du lịch quốc gia.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, biên tập, bỏ từ điểm để chính xác theo nội dung và Luật Du lịch 2017.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
8	<p><i>- Về phương án phát triển hệ thống khu du lịch:</i>  Nội dung về phát triển khu du lịch và điểm du lịch vẫn còn bị trộn lẫn vào nhau, cần phân tách thành hai nội dung cụ thể, riêng biệt.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, biên tập tách nội dung, hình thành mục 3.1 phát triển các điểm du lịch.</p>
	<b>Bộ Nông nghiệp và PTNT</b>	
1	<p><b>2. Góp ý vào thuyết minh QH:</b>  <i>a) Căn cứ pháp lý</i>  - Bổ sung Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.  - Thay “Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/08/2008 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” bằng “Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung theo góp ý.</p>
2	<p><i>b) Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh:</i> Đề nghị bổ sung mục “các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh” quy định tại Điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình Nội dung các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh này đã có tại Phần I, mục III.4.</p>
3	<p><i>c) Hiện trạng phát triển kinh tế:</i>  Đề nghị bổ sung số liệu dẫn chứng cho các đánh giá:  + Trang 72: “năng suất lao động của ngành NLTS thấp hơn nhiều so với năng suất lao động nhóm ngành CN-XD và DV”.  + Trang 94: Nhiều sản phẩm được đánh giá phân hạng OCOP từ 3 đến 4 sao.  + Trang 95: Một số sản phẩm đã được Cục Sở hữu Trí tuệ cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung số lượng sản phẩm 3 sao và 4 sao, các nội dung ko chính xác đã được lược bỏ.</p>



STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
4	<p><i>d) Phương hướng phát triển ngành nông, lâm và thủy sản:</i></p> <p>- Đối với định hướng phát triển sản phẩm OCOP tỉnh Lai Châu: Đề nghị nghiên cứu các mục tiêu của Quyết định 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025 để hoàn thiện định hướng của tỉnh</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung theo góp ý tại Phần VI, mục V1.3.4.2.</p>
5	<p><i>e) Phương án sử dụng đất:</i></p> <p>- Đề nghị bổ sung biểu/cột hiện trạng sử dụng đất đến năm 2020 để so sánh các chỉ tiêu đến năm 2030</p> <p>- Theo bảng diện tích đất cần thu hồi đến năm 2030, trong đó đất rừng phòng hộ: 1504 ha, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 196 ha. Làm rõ căn cứ và tính cấp thiết về chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp nhằm đảm bảo độ che phủ rừng và nâng cao chất lượng rừng. Hạn chế tối đa việc sử dụng đất rừng làm thủy điện, khoáng sản, sân golf. không đánh đổi tăng trưởng bằng sự suy thoái môi trường, làm mất đi đa dạng sinh học, cân bằng tự nhiên.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Hồ sơ QH đã thể hiện chi tiết tại Phụ biểu 10 trong Báo cáo Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;</p> <p>- Căn cứ chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng:</p> <p>+ Căn cứ nhu cầu sử dụng đất của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, hộ gia đình cá nhân và các tổ chức.</p> <p>+ Căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh;</p> <p>+ Căn cứ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;</p> <p>- Đồng thời, để bù lại diện tích đất rừng bị mất đi do chuyển sang các mục đích khác và phù hợp với chỉ tiêu quốc gia phân bổ, đảm bảo độ che phủ rừng, đảm bảo cân bằng môi trường sinh thái, đa dạng sinh học đã khai thác đưa quỹ đất chưa sử dụng vào trồng rừng.</p>
6	<p><i>f) Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó BĐKH:</i></p> <p>Phương án ứng phó với BĐKH chủ yếu đề cập đến các giải pháp thích ứng, các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính chưa nêu cụ thể phương án của tỉnh mà chỉ trích dẫn khuyến nghị của FAO trong ngành Nông nghiệp là chưa đầy đủ và phù hợp.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, và xin giải trình: Hộp 1 chỉ là trích dẫn minh họa, các giải pháp cụ thể được trình bày theo bảng các nhms giải pháp ưu tiên trong ứng phó BĐKH.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
7	<p>g) <i>Một số nội dung khác:</i>  Hiện nay trên địa bàn tỉnh Lai Châu có khá nhiều dự án thủy điện nhỏ. Việc định hướng xây dựng thêm thủy điện nhỏ cần được tính toán kỹ lưỡng theo hướng không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên; không làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai trong thời gian xây dựng, hoạt động cũng như xử lý các vấn đề phát sinh chưa lường hết được sau khi nhà máy thủy điện hết thời gian hoạt động</p>	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và tiếp thu ý kiến của Bộ NN&PTNT, bên cạnh đó, để thực hiện các dự án thủy điện nhỏ cũng như các công trình thủy điện nói chung, tỉnh Lai Châu sẽ yêu cầu các nhà đầu tư xây dựng báo cáo tiền khả thi, báo cáo đánh giá tác động môi trường... nhằm đảm bảo yêu cầu về môi trường, phòng chống rủi ro thiên tai theo quy định của pháp luật.
8	Về phương án phát triển thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản: Đề nghị rà soát, hạn chế không đưa vào quy hoạch những điểm khai thác khoáng sản có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sạt lở bờ sông, đe dọa và ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và đảm bảo các điểm khai thác khoáng sản có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sạt lở bờ sông, đe dọa và ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân.
9	<p><b>3. Góp ý báo cáo đánh giá môi trường chiến lược</b>  Các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu trong nông nghiệp mới chủ yếu đề cập đến hạ tầng thủy lợi và phòng chống thiên tai, đề nghị nghiên cứu bổ sung một số nội dung như: Điều chỉnh kế hoạch canh tác, bố trí hợp lý cơ cấu mùa vụ và nhân rộng các mô hình nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu; Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng; Phát triển, nâng cao chất lượng rừng thông qua các giải pháp tái sinh, phục hồi rừng, làm giàu rừng, thay đổi cơ cấu cây trồng</p>	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, nội dung đã được trình bày cụ thể tại báo cáo ĐMC và báo cáo giải trình chỉnh sửa ĐMC.
<b>Bộ Khoa học và Công nghệ</b>		
1	Vị trí địa lý tỉnh Lai Châu có ranh giới tiếp giáp với các tỉnh: Lào Cai, Điện Biên, Sơn La. Do đó, để bảo đảm sự kết nối, tăng cường liên kết, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, đề nghị trong quá trình lập quy hoạch cần quan tâm xem xét định hướng phát triển có sự kết nối liên thông phát triển giữa tỉnh Lai Châu với các tỉnh nêu trên.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình nội dung theo góp ý đã trình bày trong phần quan điểm phát triển phần V mục I.3.

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
2	Về căn cứ lập quy hoạch (trang 2): Đề nghị bổ sung Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung căn cứ theo góp ý.
3	Về khoa học và công nghệ (KH&CN) (trang 142): Báo cáo đã đánh giá tiềm lực KH&CN; các lĩnh vực hoạt động nghiên cứu triển khai; hoạt động năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân; hoạt động phát triển bảo vệ tài sản trí tuệ, sở hữu trí tuệ; hoạt động quản lý, đổi mới, ứng dụng, công nghệ tiên tiến; hoạt động sáng kiến, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Đề nghị chuyển mục hoạt động kiểm định phương tiện đo (trang 146) thành nội dung thuộc mục hoạt động tiêu chuẩn, đo lường chất lượng (trang 145).	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung theo góp ý.
4	Về phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (trang 482): Đề nghị bổ sung phương án phát triển hạ tầng KH&CN như: hạ tầng các khu thực nghiệm KH&CN; khu nghiên cứu về cây trồng phù hợp với điều kiện của tỉnh; không gian làm việc chung cho hoạt động khởi nghiệp sáng tạo...	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung và đảm bảo đồng bộ thông tin.
5	Về Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Dự thảo Báo cáo đã đánh giá được sự phù hợp giữa các quan điểm mục tiêu của Quy hoạch với các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường, dự báo tác động phát triển bền vững và xu thế môi trường liên quan với quy hoạch	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, nội dung đã được trình bày cụ thể tại báo cáo ĐMC và báo cáo giải trình chỉnh sửa ĐMC.

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
6	<p>Đề nghị Ban soạn thảo loại bỏ các căn cứ lập quy hoạch đối với các văn bản đã hết hiệu lực và cập nhật các văn bản có hiệu lực mới như: Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; Quyết định số 2412/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn cả nước giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 37/2013/QĐ-TTg ngày 26/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006-2020; thay thế Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 14/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020 bằng Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, chỉnh sửa theo góp ý.</p>
	<p><b>Ủy ban Dân tộc</b></p>	
1	<p>Đối với Báo cáo thuyết minh Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu nghiên cứu, rà soát, bám sát nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 349/QĐ-TTg ngày 06/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ và bảo đảm thể hiện đầy đủ, rõ ràng các nội dung theo yêu cầu tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.</p>	<p>Tỉnh đã rà soát báo cáo thuyết minh Quy hoạch và bám sát theo nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>
2	<p>Phần IX, “Phương án phát triển kết cấu hạ tầng” (tr439): đề nghị bổ sung “Phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực và những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn”: để làm cơ sở xác định các dự án ưu tiên đầu tư</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung tại Phần VIII, mục I.2 và I.3.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
3	<p>Tại Khoản 1, Mục I, Phần XIII, “Các tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư (từ ngân sách nhà nước)” (tr687): đề nghị bổ sung tiêu chí ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ kết nối các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với những khu vực có vai trò động lực của tỉnh. Tuy nhiên quy hoạch chưa đưa ra “Danh mục dự án ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ kết nối các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với những khu vực có vai trò động lực của tỉnh” và đề nghị cần xác định rõ tổng vốn đầu tư, nguồn vốn, kế hoạch thực hiện, giải pháp, cơ chế huy động vốn.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung tại Phần XIII, mục I.1.</p>
4	<p>Lai Châu là tỉnh có 20 dân tộc thiểu số với 386.960 người, chiếm khoảng 84,09% dân số toàn tỉnh. Trong đó tỷ lệ hộ nghèo chiếm 31,2%, hộ cận nghèo chiếm 13,7%. Vì vậy Quy hoạch cần đi sâu đánh giá thực trạng, nguyên nhân và định hướng ưu tiên phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, phù hợp với mục tiêu tích hợp các chính sách đã được Đảng, Nhà nước xác định trong các văn kiện, các chương trình, chính sách dân tộc; mục tiêu phát triển tổng thể, bền vững về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Quy hoạch đã đánh giá thực trạng, nguyên nhân và định hướng ưu tiên phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, phù hợp với đặc thù văn hóa, cơ cấu dân tộc và phù hợp với mục tiêu tích hợp các chính sách đã được Đảng, Nhà nước xác định trong các văn kiện, các chương trình, chính sách dân tộc; mục tiêu phát triển tổng thể, bền vững về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.</p>
	<p><b>Bộ Công Thương</b></p>	<p>.</p>
1	<p>Đối với căn cứ lập quy hoạch, đề nghị bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quyết định số 879/QĐ-TTg, ngày 09/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.</li> <li>+ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (CCN); Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;</li> <li>+ Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;</li> <li>+ Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;</li> <li>+ Quyết định số 493/QĐ-TTg ngày 19/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Xuất nhập khẩu hàng hóa giai đoạn 2021-2030;</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung các căn cứ mới vào quy hoạch.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
2	<p><b>Về phát triển công nghiệp:</b></p> <p>- Bên cạnh giá trị sản xuất công nghiệp, đề nghị nghiên cứu, bổ sung phân tích về giá trị tăng thêm của các phân ngành công nghiệp, nhằm đánh giá toàn diện cả về lượng và về chất của hoạt động sản xuất công nghiệp tỉnh Lai Châu. Đồng thời nghiên cứu, bổ sung mục tiêu về giá trị tăng thêm đối với các phân ngành công nghiệp chủ yếu của tỉnh Lai Châu giai đoạn 2030, tầm nhìn 2050</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung tại phần 2.2. Thực trạng phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ yếu như sau:</p> <p>(1) Công nghiệp sản xuất điện: Năm 2020, GRDP (hh) của ngành đạt 5.191,1 tỷ đồng, chiếm gần 95% cơ cấu công nghiệp của tỉnh. Tăng trưởng GRDP giai đoạn 2011-2020 đạt bình quân 79,7%/năm trong đó giai đoạn 2011-2015 đánh dấu mức tăng trưởng nhảy vọt của ngành, đạt bình quân 131%/năm, giai đoạn 2016-2020 giảm xuống còn 40%/năm</p> <p>(2) Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản: Là ngành mũi nhọn của tỉnh Tuy nhiên, do công tác điều tra đánh giá, thăm dò khoáng sản trên địa bàn Tỉnh còn hạn chế, dẫn đến cơ sở đánh giá trữ lượng tài nguyên có độ tin cậy rất thấp... Giai đoạn 2011-2020 ngành khai khoáng tăng trưởng âm (bình quân giảm 0,61%/năm).</p> <p>(3) Công nghiệp chế biến chế tạo: Giai đoạn vừa qua, ngành công nghiệp chế biến chế tạo đang dần từng bước trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn, được Tỉnh quan tâm ưu tiên phát triển, tập trung chủ yếu ở ngành sản xuất vật liệu xây dựng và chế biến nông lâm sản nhằm tận dụng tiềm năng, thế mạnh của địa phương. GRDP năm 2020 của ngành đạt 151,6 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng khoảng 2,8% trong cơ cấu GRDP toàn ngành công nghiệp. Giai đoạn 2011-2020, tăng trưởng GRDP bình quân đạt 2,14%/năm (trong đó giai đoạn 2011-2020 đạt bình quân 1,3%/năm, giai đoạn 2016-2020 đạt 2,98%/năm).</p> <p>(4) Sản xuất và cung cấp nước sạch: là ngành có quy mô nhỏ, GRDP năm 2020 chỉ đạt khoảng 55,1 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
3	<p><b>Về phát triển hạ tầng cụm công nghiệp (CCN):</b>  - Nêu rõ cơ sở bổ sung và hiện trạng đất đai đối với các cụm công nghiệp (CCN) dự kiến bổ sung quy hoạch (giai đoạn 2021-2030, bổ sung CCN Mường Tè - 46,24 ha; giai đoạn 2031-2050, bổ sung CCN Tam Đường và CCN Sìn Hồ).</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình:  (1).Hiện trạng các KCN, CCN đã được đánh giá chi tiết từng KCN, CCN trong mục 1. Kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp (T209); Đối với hiện trạng đất KCN, CCN được đánh giá trong nội dung hiện trạng đất đai. Ngoài ra, cụm CCN Mường Tè, CCN Tam Đường, CCN Sìn Hồ chưa thành lập do đó chưa có hiện trạng về đất đai.  (2) Cơ sở dự kiến bổ sung quy hoạch CCN: Việc bổ sung các CCN Mường Tè, Tam Đường, Sìn Hồ đảm bảo các địa phương trong giai đoạn đến 2050 đều có hạ tầng CCN. Mục đích việc bổ sung CCN nhằm thu hút đầu tư các doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn các huyện tập trung vào trong CCN, tạo điều kiện tốt cho việc quản lý, đầu tư cơ sở hạ tầng dùng chung; Các yếu tố tài nguyên có sẵn, hệ thống hạ tầng tốt tại các địa phương sẽ tạo điều kiện cho ngành công nghiệp được lựa chọn có chi phí so sánh thấp. Chi phí so sánh thấp cũng là yếu tố để lựa chọn phân bố vùng công nghiệp. Đặc biệt đối với công nghiệp chế biến việc gắn phân bố công nghiệp với vùng nông lâm nghiệp làm đầu vào cho công nghiệp sẽ làm giảm chi phí so sánh và tăng giá trị gia tăng cho ngành nông nghiệp.</p>
4	<p>- Rà soát lại địa điểm quy hoạch CCN Tân Uyên; tên gọi, địa điểm quy hoạch CCN Nậm Nhùn cho thống nhất giữa Bảng 64 (trang 303 Dự thảo) và phần thuyết minh phân bổ phát triển hệ thống khu, CCN đến năm 2030 (trang 303 Dự thảo).</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, chỉnh sửa tại Bảng 64. Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021- 2030 theo đó địa điểm CCN Tân Uyên thuộcThị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên. CCN Nậm Nhùm và địa danh Nậm Nhùm thành Nậm Nhùn.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
5	- Trong nội dung Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh Lai Châu, đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh thể hiện rõ Danh mục các CCN dự kiến phát triển (gồm: tên gọi cụ thể, vị trí, diện tích, ngành nghề hoạt động, giai đoạn đầu tư).	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, đảm bảo thông tin cô đọng, Phụ lục của Quyết định đã có danh sách các CCN phát triển trong GD quy hoạch. Các thông tin chi tiết khác đã được cụ thể trong Thuyết minh quy hoạch.
6	<b>Về hạ tầng điện:</b> - Đề nghị rà soát nguồn điện, lưới điện 220 kv, 500 kv, phương án cấp điện trên địa bàn của tỉnh Lai Châu, đảm bảo phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020, có xét đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2016. Việc triển khai đầu tư các dự án phát triển điện lực căn cứ vào Quy hoạch phát triển điện lực được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi Quy hoạch điện VIII được phê duyệt, đề nghị UBND tỉnh Lai Châu xem xét, đề xuất cấp có thẩm quyền chỉnh sửa các nội dung liên quan theo quy định, đảm bảo phù hợp với nội dung Quy hoạch điện VIII.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, tiếp thu ý kiến của Bộ Công Thương, Tỉnh đã thực hiện rà soát, cập nhật các công trình nguồn điện và lưới điện 220kV, 500kV theo điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020, có xét đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2016 vào hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; - Đã cập nhật chỉnh sửa phù hợp với Quy hoạch điện VIII được phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg.
7	- Để đảm bảo tính khả thi đề nghị tham vấn thêm ý kiến của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia và Tổng công ty Điện lực miền Bắc về danh mục các công trình nguồn điện, lưới điện dự kiến phát triển trong thời kỳ quy hoạch trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, việc lấy ý kiến vào Nội dung Quy hoạch đã được Cơ quan lập Quy hoạch thực hiện theo đúng quy định.
8	<b>Về khoáng sản</b> Hiện nay Bộ Công Thương đã hoàn thiện nội dung Dự thảo Quy hoạch thăm dò, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong quá trình xây dựng Dự thảo Quy hoạch nêu trên, Bộ Công Thương đã lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan có liên quan (trong đó có UBND tỉnh Lai Châu) để hoàn thiện nội dung Dự thảo Quy hoạch. Theo đó, đối với các điểm mỏ khoáng sản nêu tại Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên tỉnh Lai Châu cần được rà soát, đối chiếu về tài nguyên, trữ lượng, ranh giới, tọa độ, diện tích với các mỏ, điểm mỏ nằm trong các Quy hoạch khoáng sản (thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về khoáng sản của Bộ) đã được công bố, đảm bảo thống nhất về nội dung, đúng thẩm quyền và theo quy định pháp luật về khoáng sản và quy hoạch.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh thống nhất theo các QH



STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
9	<p><b>Về hạ tầng thương mại:</b></p> <p>- Trên cơ sở đó, xây dựng định hướng và phương án phát triển các loại hình hạ tầng thương mại đảm bảo bám sát, phù hợp với các quy hoạch về hạ tầng thương mại quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch có liên quan (Đề nghị ban soạn thảo tham khảo các nội dung liên quan đã được ban hành tại Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045). Đồng thời, chú ý việc tích hợp các quy hoạch về hạ tầng thương mại vào quy hoạch tỉnh theo quy định</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Để định hướng phát triển hạ tầng thương mại của tỉnh Lai Châu tư vấn đã tham khảo Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045), tham khảo Đề án Phát triển hạ tầng thương mại quốc gia đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 (Quy hoạch quốc gia đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050).</p>
10	<p>- Đề nghị có sự so sánh tổng mức bán lẻ hàng hóa của Tỉnh với Vùng và cả nước, rút ra một số kết luận về xu thế phát triển của ngành thương mại trong giai đoạn vừa qua thông qua tổng mức bán lẻ hàng hóa để thấy rõ mức độ tập trung hàng hóa phân theo vùng, lãnh thổ.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát bổ sung mức bán lẻ của tỉnh với Vùng (tại Phần II, mục I.4.2.3).</p>
11	<p>- Đối với hệ thống hạ tầng xăng dầu, khí đốt, đề nghị bổ sung đánh giá hiện trạng hệ thống kho xăng dầu, khí đốt trên địa bàn, đánh giá về hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng; dự báo nhu cầu về quy mô, sức chứa của hệ thống kho xăng dầu, khí đốt trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở xác định tổng quy mô sức chứa trong thời gian tới; xác định hệ thống dự trữ xăng dầu khí đốt quy mô cấp tỉnh đảm bảo an ninh năng lượng, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế và sinh hoạt của người dân, đồng thời bố trí quỹ đất phù hợp. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương trong quá trình cập nhật, xây dựng Quy hoạch hạ tầng, dự trữ xăng dầu khí đốt Quốc gia thời kỳ 2021-2030 để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Theo Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 không còn các quy hoạch cấp tỉnh về các ngành dịch vụ và sản phẩm cụ thể. Bổ sung: Hiện nay có 61 cửa hàng kinh doanh bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu của 25 doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh. Hệ thống cửa hàng xăng dầu hiện tại được xây dựng khang trang, hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn về kỹ thuật xây dựng, bảo vệ môi trường, an toàn phòng cháy, chữa cháy, đảm bảo an toàn giao thông, đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu xăng dầu của tổ chức doanh nghiệp, nhân dân trên địa bàn tỉnh.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
12	<p><b>Về xuất nhập khẩu</b></p> <p>- Đối với Mục II.2. Phần VI (nội dung mở, nâng cấp cửa khẩu tạo điều kiện thuận lợi cho xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới - trang 286), đề nghị địa phương trao đổi thống nhất với địa phương Trung Quốc, đồng thời kịp thời cung cấp thông tin tới Bộ Ngoại giao (Bộ Ngoại giao là cơ quan chủ trì đàm phán với phía Trung Quốc sửa đổi, bổ sung Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc). Bộ Công Thương sẽ căn cứ chức năng nhiệm vụ phụ trách thúc đẩy triển khai các công việc liên quan</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: nội dung trao đổi thống nhất với địa phương Trung Quốc, đồng thời kịp thời cung cấp thông tin tới Bộ Ngoại giao này sẽ thực hiện triển khai khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt.</p>
13	<p>- Đối với Mục II. 3.5 phần VI (trang 293) tại Báo cáo xác định định hướng phát triển xuất nhập khẩu:</p> <p>Liên quan tới nhận định thị trường Trung Quốc thay đổi liên tục chính sách biên mậu, Bộ Công Thương cho rằng chính sách thương mại của Trung Quốc về cơ bản là nhất quán. Tuy nhiên, tại một số thời điểm, các địa phương biên giới phía Trung Quốc có thể áp dụng linh hoạt một số biện pháp để điều hành hoạt động thông quan hàng hóa tại khu vực cửa khẩu. Những biện pháp này tác động chủ yếu đến hoạt động xuất khẩu “tiểu ngạch”, không theo thông lệ, tiêu chuẩn của thương mại quốc tế. Trong khi đó, doanh nghiệp Việt Nam lâu nay vẫn phụ thuộc vào hoạt động xuất khẩu tiểu ngạch, chưa có sự quan tâm thỏa đáng đến các quy định, tiêu chuẩn của thị trường nhập khẩu. Do đó, trong thời gian tới, tỉnh Lai Châu cần tăng cường công tác định hướng phát triển thương mại với thị trường Trung Quốc theo hướng “chính ngạch” bền vững với thị trường Trung Quốc; đồng thời đưa nội dung trở thành một trong những nội dung định hướng chủ đạo phát triển Khu kinh tế cửa khẩu tại Báo cáo.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, biên tập "định hướng phát triển thương mại với thị trường Trung Quốc theo hướng “chính ngạch” bền vững với thị trường Trung Quốc".</p>
14	<p><b>Về Danh mục các Dự án đầu tư:</b></p> <p>Ngoài danh mục các dự án ưu tiên đầu tư cần xác định các danh mục dự án đầu tư trong giai đoạn Quy hoạch, có phân kỳ để làm căn cứ triển khai thực hiện. Trong đó, đối với các dự án thuộc Quy hoạch ngành quốc gia mặc dù không thuộc đối tượng Quy hoạch tỉnh cần cập nhật trong Quy hoạch tỉnh để bố trí quỹ đất, triển khai thực hiện đồng bộ.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Danh mục dự án (Phụ lục 14) bao gồm cả 2 nhóm dự án ngân sách nhà nước và từ ngân sách ngoài nhà nước, đồng thời, cũng đã liệt kê các dự án trong QH cấp trên.</p>
	<p><b>Bộ Tài Nguyên và Môi trường</b></p>	<p>.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
1	<p>Tại Bảng 7: Cân đối chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 theo từng đơn vị hành chính cấp huyện tỉnh Lai Châu, trong đó Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu xác định 24/26 chỉ tiêu sử dụng đất bằng chỉ tiêu cấp quốc gia phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ (Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này), có 01 chỉ tiêu sử dụng đất xác định cao hơn cấp quốc gia phân bổ (đất phát triển hạ tầng là 421,43 ha) và 01 chỉ tiêu sử dụng đất không xác định (đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng).</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, chỉnh sửa bổ sung đất chưa sử dụng còn lại tại mục II.1.3, phần V và STT I.3 tại biểu 03/CT.</p> <p>- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn. Chỉ tiêu đất hạ tầng là chỉ tiêu cấp tỉnh được xác định (tỉnh đang xác định cao hơn 228,42 ha để đảm bảo cho việc xây dựng các công trình thủy lợi,...). Đảm bảo chỉ tiêu đất phi nông nghiệp bằng chỉ tiêu quốc gia phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.</p>
2	<p>Về các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu rà soát để đảm bảo phù hợp với các chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia phân bổ theo Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Quốc hội Khóa XV kỳ họp thứ II thông qua tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021, tuân thủ chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2030 và đến năm 2025 phân bổ trên địa bàn tỉnh Lai Châu tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ (Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này); thực hiện theo đúng chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Nghị quyết số 499/NQ-UBTVQH15 ngày 28 tháng 3 năm 2022, Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và đảm bảo Các chỉ tiêu sử dụng đất phù hợp với chỉ tiêu quốc gia phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
3	<p>Theo Bảng 42, Bảng 76, diện tích đất trồng lúa trong thời kỳ 2021-2030 giảm 870 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2020; đất trồng lúa tăng thêm từ đất chưa sử dụng và các loại đất khác là 455 ha (Bảng 90), thực giảm đất trồng lúa so với năm 2020 là 415 ha; tuy nhiên, tại Bảng 88, Bảng 89 diện tích đất trồng lúa cần thu hồi và chuyển mục đích sử dụng là 2.836 ha, giảm 2.791,65 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2020. Như vậy còn 2.421 ha đất trồng lúa giảm so với năm 2020 không rõ chuyển sang mục đích gì. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu giải trình rõ nội dung này.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đất trồng lúa năm 2020 có diện tích 33.479,74 ha.</li> <li>- Đất trồng lúa không thay đổi mục đích sử dụng là 31.687,72 ha.</li> <li>- Đất trồng lúa giảm 1.792,02 ha do: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chuyển trong nội bộ trong đất nông nghiệp 253,65 ha (chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác).</li> <li>+ Chuyển sang đất phi nông nghiệp là 1.538,37 ha.</li> </ul> </li> <li>- Diện tích đất trồng lúa phải thu hồi là 1.309,90 ha.</li> <li>- Đất trồng lúa tăng 922,28 ha do đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang; đất rừng sản xuất và do đất chưa sử dụng chuyển sang.</li> </ul> <p>Đến năm 2030 diện tích đất trồng lúa là 32.610,00 ha, thực giảm 869,74 ha so với năm 2020.</p>
4	<p>Về căn cứ lập quy hoạch: Đề nghị bổ sung Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, chỉnh sửa theo góp ý</p>
5	<p>Về mục tiêu: Đề nghị rà soát các mục tiêu, chỉ tiêu về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại để phù hợp với Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đề nghị bổ sung mục tiêu về thu gom, xử lý chất thải rắn, nước thải sinh hoạt.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và đảm bảo nội dung đã được trình bày cụ thể tại Phần XII. Mục I.1.4.2</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
6	<p>Về nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh:          Đề nghị nêu rõ nội dung phân tích, đánh giá về môi trường của địa phương theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, trong đó bao gồm các nội dung về phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; khu xử lý chất thải tập trung; mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường đất, nước, không khí.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, tiếp thu, bổ sung theo góp ý</p>
7	<p>Trong nội dung đánh giá hiện trạng, tình hình thực hiện, chỉ tiêu quy hoạch cần thống nhất nội dung về: (1) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt; (2) Quản lý chất thải nguy hại; (3) Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; (4) Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và đảm bảo nội dung đã được chỉnh sửa thống nhất với Thuyết minh quy hoạch</p>
8	<p>Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá sự phù hợp với quy hoạch hiện hữu của các khu/cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại (nếu có) đang hoạt động hoặc đã được chấp thuận chủ trương đầu tư trên địa bàn để từ đó điều chỉnh, bổ sung nội dung quản lý chất thải vào quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho phù hợp.</p>	<p>Trong quá trình lập QH, tỉnh đã có nghiên cứu, rà soát các vị trí, cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt cũ đang hoạt động, các khu vực này đều đã được QH và triển khai thực hiện từ lâu, đến kỳ QH này tiếp tục sử dụng các cơ sở cũ và đề xuất thêm các cơ sở mới nhằm đáp ứng nhu cầu của nhân dân và phát triển chung của tỉnh.</p>
9	<p>Về phương án phân vùng môi trường: đề nghị rà soát, bổ sung các vùng đất ngập nước quan trọng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, tiếp thu, bổ sung theo góp ý.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
10	<p>Về phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học:</p> <p>- Đề nghị làm rõ và bổ sung các đối tượng quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh như sau: làm rõ và bổ sung các đối tượng quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh bao gồm: khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 9 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch. Đối với các đối tượng đề xuất thành lập mới cần bổ sung các thông tin chi tiết về mục tiêu, diện tích, vị trí địa lý, giới hạn, biện pháp tổ chức quản lý và các đánh giá khả thi để làm căn cứ quyết định việc đưa vào quy hoạch.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung định hướng bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: "Giai đoạn 2021-2030, Tổng điều tra, đánh giá tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn toàn tỉnh để đánh giá, tư liệu hóa tài nguyên đa dạng sinh học phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và cung cấp nguồn vật liệu cho lai tạo giống, phát triển rừng trồng, tạo sản phẩm mới, thương hiệu mới; nâng cao khả năng cạnh tranh trong xu thế hội nhập quốc tế và tập trung nguồn lực để quản lý, bảo vệ, bảo tồn các khu rừng có giá trị bảo tồn cao. Đối tượng quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh Lai Châu bao gồm: khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học".</p> <p>Đơn vị Bổ sung phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh theo các ý chính (Chi tiết thể hiện trong báo cáo):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Huy động nguồn lực trong nước và quốc tế để thực hiện tổng điều tra, đánh giá tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn toàn tỉnh.</li> <li>+ Thực hiện bảo vệ và phát triển hệ sinh thái rừng tự nhiên tỉnh Lai Châu.</li> <li>+ Đẩy mạnh công tác quy hoạch khu bảo tồn thiên nhiên.</li> <li>+ Tăng cường bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên của các vùng đất ngập nước của tỉnh.</li> </ul>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
11	<p>- Trong quá trình triển khai phương án cần lưu ý tuân thủ quy chế quản lý với mục tiêu gắn kết, lồng ghép giữa mục tiêu bảo tồn và phát triển sinh kế, trước hết cho các cộng đồng sống trong vùng đệm khu bảo tồn, hướng tới giảm thiểu áp lực lên tài nguyên thiên nhiên trong vùng lõi; giảm thiểu hoạt động khai thác trái phép, bảo vệ, phát triển động, thực vật quý, hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao, đảm bảo cân bằng sinh thái, phục vụ mục đích du lịch, nghiên cứu, giáo dục, điều hòa khí hậu, ứng phó và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, tiếp thu, bổ sung quan điểm chung của phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: “- Quy hoạch bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học tỉnh Lai Châu phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Kết hợp hài hòa giữa bảo tồn, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên Đa dạng sinh học; duy trì và phát triển các dịch vụ sinh thái, bảo vệ môi trường, bảo vệ và tôn tạo cảnh quan thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.</p> <p>- Huy động mọi nguồn lực, kinh nghiệm của các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư và công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, đẩy mạnh công tác quy hoạch khu bảo tồn thiên nhiên, lồng ghép giữa mục tiêu bảo tồn và phát triển sinh kế, hướng tới giảm thiểu áp lực lên tài nguyên thiên nhiên. Nâng cao công tác quản lý nhằm giảm thiểu hoạt động khai thác trái phép, bảo vệ, phát triển động, thực vật quý, hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao; phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với bảo tồn đa dạng sinh học”.</p>
12	<p>Về phương án phát triển các khu xử lý chất thải tập trung: - Đề nghị bổ sung định hướng đầu tư hoặc đưa vào vận hành các nhà máy xử lý chất thải rắn theo hướng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, hạn chế chôn lấp; bổ sung các giải pháp để giảm tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, tiếp thu, bổ sung tại Phần XII, Mục I.3.3</p>
13	<p>- Đề nghị bổ sung phương án về vị trí, quy mô, công suất, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận chất thải của các dự án/cơ sở xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP nêu trên; bổ sung nội dung phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; ban hành quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, tiếp thu: Nội dung đã được trình bày chi tiết tại Phần XII, Mục I.3.3</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
14	<p>- Đề nghị rà soát nội dung “Đối với các thị tứ và trung tâm cụm xã: Cần có một bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh 2-3 ha. Đối với các xã: quy hoạch các điểm xử lý CTR sinh hoạt tập trung cho mỗi xã với quy mô mỗi điểm khoảng 0,3-0,5 ha” nêu tại trang 529 của Báo cáo quy hoạch để bảo đảm theo hướng xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung, hạn chế quy mô nhỏ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020. Đồng thời, đề nghị rà soát, hạn chế quy hoạch các khu xử lý chất thải có quy mô, công suất nhỏ và sử dụng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên địa bàn; bổ sung nội dung, giải pháp cải tạo phục hồi môi trường các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh, các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đã đóng cửa.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, tiếp thu và đã điều chỉnh phù hợp với Phần XII, Mục I.3.3</p>
15	<p>Hiện nay Bộ Tài nguyên và Môi trường đang thực hiện nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia và Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia trong đó bao gồm các nội dung về phân vùng môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại; quan trắc và cảnh báo môi trường. Do đó, trong thời gian tới, đề nghị cơ quan chủ trì lập quy hoạch tỉnh Lai Châu phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>Tỉnh đảm bảo thực hiện đúng quy hoạch, sẽ liên tục cập nhật với Bộ Tài nguyên và Môi trường (khi có thông báo)</p>
16	<p>Liên quan đến Khoáng sản: Bổ sung nội dung phân tích, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch khoáng sản đã được tỉnh phê duyệt theo quy định của Luật Khoáng sản (được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh theo Nghị quyết 110/NQ-CP ngày 02/02/2019 của Chính phủ). Trong đó có đánh giá thực trạng của hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu. Những thuận lợi, khó khăn trong việc thực hiện quy hoạch, công tác phối hợp của các cơ quan chuyên môn của tỉnh, chính quyền các cấp trong việc triển khai quy hoạch.</p>	<p>Nội dung thực hiện các quy hoạch khoáng sản đã được tỉnh rà soát, bổ sung vào các khoáng sản chính (tại Phần I, mục III.1.4)</p>
17	<p>Cập nhật hiện trạng cấp phép thăm dò, khai thác các mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu. Nghiên cứu, dự báo nhu cầu nguyên liệu khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên cơ sở thực tế và định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu trong thời kỳ quy hoạch.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, tiếp thu, Báo cáo đã cập nhật các điểm mỏ (Phần phụ lục 11)</p>



STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
18	<p>Lập quy hoạch đối với các loại khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Khoáng sản. Đối với các khu vực khoáng sản không phải là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn đã phát hiện, chưa được giao cho tỉnh quản lý, chỉ cần thống kê các thông số của mỏ để làm cơ sở quản lý.</p> <p>Hiện nay, việc lập Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản (kể cả khoáng sản làm vật liệu xây dựng) cả nước theo Luật Quy hoạch đang được Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng tiến hành. Do đó, cần cập nhật các khu vực khoáng sản theo quy hoạch Trung ương để đưa ra số liệu dự báo về sử dụng đất đai, lao động, phát triển hạ tầng,... nhằm đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, tiếp thu, Báo cáo đã cập nhật các điểm mỏ (Phần phụ lục 11)</p>
19	<p>Đối với các khu vực cát, sỏi lòng sông, cần phải đánh giá mức độ ảnh hưởng của hoạt động khai thác khoáng sản đến dòng chảy, sạt lở bờ, bãi sông, ô nhiễm môi trường và các công trình xây dựng trên sông,... theo quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, đảm bảo các điểm khai thác dự kiến không ảnh hưởng đến dòng chảy, không gây sạt lở bờ, bãi sông, ô nhiễm môi trường và các công trình xây dựng trên sông</p>
20	<p>Liên quan đến Tài nguyên nước:</p> <p>+ Về mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch, đề nghị thể hiện rõ quan điểm lấy tài nguyên nước là yếu tố cốt lõi, phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước. Hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh phải gắn với khả năng nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước, không vượt quá ngưỡng khai thác đối với các tầng chứa nước và có các biện pháp bảo đảm đời sống dân cư theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung và biên tập phù hợp tại Phần XII, Mục III.1</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
21	+ Về nội dung Tài nguyên nước trong Quy hoạch tỉnh, đề nghị: Rà soát, bổ sung thông tin, số liệu về hiện trạng tài nguyên nước, xu thế diễn biến tài nguyên nước; những vấn đề nổi cộm về tài nguyên nước cần giải quyết trong kỳ quy hoạch vào nội dung tài nguyên nước. Trong đó, cần đặc biệt lưu ý tác động của phát triển nóng trong khai thác, sử dụng nước phát điện địa bàn tỉnh Lai Châu (theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh Lai Châu có trên 140 dự án thủy điện, trong đó có 54 công trình đã vận hành) đến tài nguyên nước (tại mục III.1.3 thuộc phần I về phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Lai Châu).	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung trong mục 3.1.1.1,d
22	Tại Mục III.1.3 thuộc phần I về hiện trạng tài nguyên nước: chưa làm rõ các đặc trưng nguồn nước trên các lưu vực sông lớn trên địa bàn (như sông Đà (thượng và trung lưu), sông Nậm Na, sông Nậm Mạ và sông Nậm Mu), chưa tính toán phân phối dòng chảy cho các sông chính trên địa bàn tỉnh.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung trong mục 3.1.1.1,c
23	- Về phương án khai thác, sử dụng tài nguyên nước: + Dự thảo đã phân ra 05 tiểu vùng quy hoạch với 15 sông, suối, bao gồm: thượng lưu sông Đà (04 tiểu vùng), trung lưu sông Đà (04 tiểu vùng), sông Nậm Na (02 tiểu vùng), sông Nậm Mạ (01 tiểu vùng) và sông Nậm Mu (04 tiểu vùng). Tuy nhiên, chưa phân vùng chức năng nguồn nước cũng như phân vùng mục tiêu chất lượng nước cho các sông chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Để làm căn cứ cho việc định hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước, đánh giá khả năng chịu tải, phân vùng xả thải, hạn ngạch xả nước thải theo quy định tại Điều 9 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì việc phân vùng chức năng của nguồn nước mặt cần phải cụ thể chức năng (sinh hoạt, cấp nước, nông nghiệp) cho từng đoạn sông thuộc tiểu vùng quy hoạch.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Việc đánh giá khả năng chịu tải, phân vùng xả thải, hạn ngạch xả nước thải chưa đủ cơ sở và dữ liệu để tính toán. Khối lượng tính toán quá lớn, không thuộc phạm vi của QH, nên được phân thành 1 dự án riêng. Đã bổ sung đánh giá chất lượng nước mặt dựa trên chỉ số WQI tính toán theo Quyết định số 879 /QĐ-TCMT ngày 01 tháng 7 năm 2011 hướng dẫn tính toán chỉ số chất lượng nước tại mục 3.1.1.1.

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
24	+ Cần thuyết minh rõ phương pháp, số liệu sử dụng để tính toán lượng nước mặt (theo các tần suất), nước dưới đất và tổng lượng nước mặt, nước dưới đất có thể khai thác đối với từng sông thuộc các tiểu vùng quy hoạch.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, và xin giải trình như sau: Đối với tài nguyên nước mặt - Số liệu sử dụng để tính toán: Đã bổ sung trong mục a, 3.1.1.1 - Phương pháp tính toán: Đã bổ sung trong mục b, 3.1.1.1 Đối với tài nguyên nước dưới đất: đã bổ sung trong mục 3.1.2.1
25	+ Xác định dòng chảy tối thiểu trên các sông suối chính trong kỳ quy hoạch: Báo cáo đã có tính toán dòng chảy tối thiểu trên 15 sông, suối chính trên địa bàn tỉnh (Bảng số 98). Tuy nhiên, cần căn cứ vào hiện trạng, yêu cầu duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông để đưa ra cụ thể đoạn sông, vị trí điểm quy định dòng chảy tối thiểu, lưu lượng yêu cầu xả dòng chảy tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung thông tin về đoạn sông, vị trí điểm quy định dòng chảy tối thiểu trong Bảng số 105
26	+ Cần thuyết minh rõ phương pháp, số liệu sử dụng để tính toán nhu cầu khai thác sử dụng nước của các ngành sử dụng nước chính theo các tháng trong năm đối với từng tiểu vùng quy hoạch.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung thuyết minh phương pháp, số liệu sử dụng để tính toán nhu cầu khai thác sử dụng nước của các ngành sử dụng nước chính theo các tháng trong năm đối với từng tiểu vùng quy hoạch.
27	+ Bổ sung thứ tự ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán thiếu nước. Cần xác định cụ thể tỷ lệ, lượng nước phân bổ cho các ngành khai thác, sử dụng nước chính theo thứ tự ưu tiên đối với từng tiểu vùng quy hoạch trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước, trong đó lưu ý đến sự tham gia điều tiết của thủy điện Lai Châu (thuộc quy trình vận hành liên hồ chứa lưu vực sông Hồng) có vai trò điều tiết quan trọng không chỉ cho riêng địa bàn tỉnh Lai Châu mà còn ảnh hưởng đến toàn bộ vùng đồng bằng sông Hồng.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và bổ sung trong mục b, 3.5.3. Trong nội dung quy hoạch tỉnh chỉ đưa ra nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên trong trường hợp hạn hán, thiếu nước, không phân bổ và xác định cụ thể tỷ lệ mà căn cứ vào tình hình thực tế của hạn hán, mức độ thiếu nước thực tế trong quá trình thực hiện để phân bổ đảm bảo các yêu cầu phát triển của thực tiễn.
28	+ Báo cáo đã đề xuất nguồn nước dưới đất để dự phòng và lượng nước có thể dự phòng để cấp cho từng khu vực, tuy nhiên cần bổ sung kết quả tính toán lượng nước có thể dự phòng và rà soát tính khả thi của các phương án khai thác dự phòng.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, và xin giải trình: Lượng nước dưới đất dự phòng được tính toán dựa trên kết quả tính toán lượng nước dưới đất có thể khai thác tại mục 3.1.2.2

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
29	+ Đề phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch, trong quy hoạch cần rà soát và lập Danh mục công trình điều tiết, khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải bao gồm danh mục hiện trạng, quy hoạch tất cả các công trình hồ, đập thủy lợi, công trình cấp nước, cống, trạm bơm... có nhiệm vụ điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước trong kỳ quy hoạch để đảm bảo với quy định pháp luật về Quy hoạch.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Đã có thông tin ở Bảng 56 Danh sách các công trình điều tiết nước trên địa bàn tỉnh
30	+ Hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước cần cụ thể các vị trí đặt trạm, nguồn nước giám sát, nội dung giám sát.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung phụ lục 13 Vị trí các điểm giám sát tài nguyên nước mặt
31	- Về phương án bảo vệ Tài nguyên nước và phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, đề nghị bổ sung nội dung: + Điều tra đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước quan trọng, lập hành lang bảo vệ nguồn nước, thực hiện các biện pháp phòng chống sạt lở lòng bờ, bãi sông,...	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, đã bổ sung trong Bảng 116
32	+ Xây dựng vận hành, tích hợp hệ thống thông tin dữ liệu tài nguyên nước của địa phương với trung ương, nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo tài nguyên nước và kiểm soát các hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước thông qua việc kết nối, truyền dữ liệu về hệ thống giám sát theo quy định. Ngoài ra, tỉnh Lai Châu đã ban hành danh mục về nguồn nước nội tỉnh, đề nghị khẩn trương ban hành danh mục hành lang bảo vệ nguồn nước, danh mục vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt làm căn cứ lập các phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng, theo loại đất (quy định tại khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP), trong đó có đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng (quy định tại Điều 10 Luật Đất đai).	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, đã bổ sung tại phần giải pháp (Phần XII, mục III.4.1)

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
33	<p>Đề nghị bổ sung thêm vào dự thảo Báo cáo tổng hợp căn cứ vào Luật Đo đạc và Bản đồ năm 2018, Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ.</p> <p>Rà soát toàn bộ hệ thống bản đồ dùng cho quy hoạch, ghi rõ nguồn gốc và thống nhất sử dụng nguồn bản đồ địa hình quốc gia và cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia làm dữ liệu bản đồ nền để thể hiện và thành lập các bản đồ trong quá trình lập quy hoạch. Rà soát đường biên giới quốc gia theo bản đồ Nghị định thư phân giới cắm mốc giữa Việt Nam với Trung Quốc. Cập nhật chính xác đường địa giới hành chính các cấp, tên đơn vị hành chính các cấp theo tài liệu hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính tỉnh Lai Châu thực hiện theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời cần xem lại trong phạm vi lập quy hoạch còn khu vực giáp ranh giữa xã Sơn Bình và xã Bản Bo, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu với phường Ô Quý Hồ, xã Hoàng Liên thuộc thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai chưa thống nhất đường địa giới cấp tỉnh.</p> <p>Ngoài ra bổ sung thêm quy định vào trong Dự thảo Báo cáo tổng hợp quy hoạch, sau khi hoàn thành phải thực hiện việc kết nối dữ liệu bản đồ quy hoạch nêu trên với Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật Đo đạc và bản đồ. Sản phẩm bản đồ quy hoạch phải ở định dạng GeoTiff hoặc GeoPDF để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ và sử dụng chung với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia khác.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát các bản đồ và đảm bảo căn cứ theo Luật Đo đạc và Bản đồ 2018 và Nghị định số 27/2019/NĐ-CP</p>
13	<p>Vấn đề Biến đổi khí hậu:</p> <p>Đề nghị nghiên cứu, bổ sung các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26) nhằm góp phần thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.</p> <p>Tại Chương IV, Phần XII “Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh”, đề nghị nghiên cứu sử dụng thông tin, dữ liệu của Kịch bản biến đổi khí hậu tại Việt Nam, phiên bản cập nhật năm 2020.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Hồ sơ quy hoạch đã cứu sử dụng thông tin, dữ liệu của Kịch bản biến đổi khí hậu tại Việt Nam, phiên bản cập nhật năm 2020.</p>
	<p><b>Đồng chí Nguyễn Huy Dũng</b></p>	<p>.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
1	<p>- Hệ thống sơ đồ, bản đồ trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lai Châu được xây dựng theo thành phần bản đồ được quy định tại mục IX Phụ lục I của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP. Tuy nhiên một số bản đồ còn thiếu, như Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện; một số bản đồ, có phần chú giải quá nhỏ khó theo dõi, cần có điều chỉnh tỷ lệ phù hợp. Nội dung các bản đồ cơ bản bám sát nội dung báo cáo quy hoạch.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Đã có bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên (Số 19)</p>
2	<p>Báo cáo cấu trúc thành 14 phần là quá nhiều, dàn trải nội dung, khó theo dõi. Báo cáo nên gộp lại, phân chia làm 3 phần: Phần I. Mở đầu; Phần II. Đặc điểm tự nhiên và kinh tế, xã hội; Phần III. Nội dung quy hoạch. Rà soát các nội dung, để sắp xếp vào các phần cho thích hợp.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Cấu trúc quy hoạch được xây dựng theo nhiệm vụ quy hoạch đã được lập. Việc phân chia theo các mục được chia theo tuyến vấn đề. Tiếp thu ý kiến đóng góp, để tránh nội dung bị tản mát và chồng chéo, tỉnh đã rà soát lược bỏ, tái cấu trúc một số nội dung như đã trình bày trong thuyết minh quy hoạch.</p>
3	<p>Một số nội dung bố trí chưa hợp lý cần ghép gộp, tránh trùng lặp, thiếu nội dung, như Phần VII. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác (trang 391), các nội dung liên quan đến: văn hoá, thể dục, thể thao, giáo dục đào tạo, y tế chăm sóc sức khoẻ nhân dân... gộp vào mục VII. Phương án phát triển hạ tầng xã hội (trang 482) của Phần IX...</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và đã gộp phần phương án phát triển hạ tầng của các lĩnh vực xã hội vào thành 1 mục của phương án phát triển ngành để việc theo dõi thuận tiện và không trùng lặp</p>
4	<p>Các nội dung còn thiếu, cần bổ sung: - Phần II (trang 67) cần bổ sung nội dung Đánh giá thực trạng các khu chức năng trên địa bàn tỉnh (quy định tại khoản 2, điều 28, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP).</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, sắp xếp các nội dung và bổ sung phần III, mục IV về các khu chức năng</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
5	<p>- Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh, còn thiếu nội dung bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh, cần bổ sung.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung quan điểm chung của phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: “- Quy hoạch bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học tỉnh Lai Châu phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Kết hợp hài hòa giữa bảo tồn, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên Đa dạng sinh học; duy trì và phát triển các dịch vụ sinh thái, bảo vệ môi trường, bảo vệ và tôn tạo cảnh quan thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học. - Huy động mọi nguồn lực, kinh nghiệm của các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư và công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, đẩy mạnh công tác quy hoạch khu bảo tồn thiên nhiên, lồng ghép giữa mục tiêu bảo tồn và phát triển sinh kế, hướng tới giảm thiểu áp lực lên tài nguyên thiên nhiên. Nâng cao công tác quản lý nhằm giảm thiểu hoạt động khai thác trái phép, bảo vệ, phát triển động, thực vật quý, hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao; phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với bảo tồn đa dạng sinh học”</p> <p>Bổ sung định hướng bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: " Giai đoạn 2021-2030, Tổng điều tra, đánh giá tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn toàn tỉnh để đánh giá, tu liệu hóa tài nguyên đa dạng sinh học phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và cung cấp nguồn vật liệu cho lai tạo giống, phát triển rừng trồng, tạo sản phẩm mới, thương hiệu mới; nâng cao khả năng cạnh tranh trong xu thế hội nhập quốc tế và tập trung nguồn lực để quản lý, bảo vệ, bảo tồn các khu rừng có giá trị bảo tồn cao. Đối tượng quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh Lai Châu bao gồm: khu vực đa dạng sinh</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
6	<p>Các phương án phát triển còn thiếu, cần bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung nội dung tại Mục 3.4.2, Phần III. báo cáo Thực trạng phân bố dân cư nông thôn và phương án quy hoạch phân bố dân cư nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; sắp xếp, bố trí ổn định các điểm dân cư tại những vùng: thiên tai; đặc biệt khó khăn; biên giới; di cư tự do trên địa bàn tỉnh Lai Châu.</p>
7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, cần bổ sung phương án khu sản xuất nông nghiệp tập trung.</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình nội dung đã được trình bày tại Phần VI, mục V.1.3.1</p>
8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực trên địa bàn tỉnh.</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung nội dung theo góp ý tại Phần I.2 và I.3</p>
9	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương án phát triển các trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Nội dung đã được lồng ghép trong phần không gian thương mại dịch vụ tại Phần VI, Mục III.4.1 của từng đơn vị hành chính cấp huyện.</p>
10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương án phát triển mạng lưới cơ sở khoa học - công nghệ</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung mục VII.5.3 tại Phần IV</p>
11	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương án phát triển không gian xanh.</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Tỉnh Lai Châu là địa phương có tỷ lệ che phủ rừng cao, đô thị hóa chậm hơn so với mức bình quân của cả nước, không gian xanh của Lai Châu được thể hiện trong quan điểm phát triển đô thị xanh</p>



STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
12	<p>Căn cứ lập quy hoạch và phương pháp lập quy hoạch</p> <p>a) Bổ sung một số văn bản liên quan đến chủ trương, chính sách, chiến lược, quy hoạch có liên quan, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 đã được Quốc hội Khóa XV, Kỳ họp thứ 2 thông qua tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021.</li> <li>- Cần bổ sung một số Luật có liên quan: Luật Du lịch, số 9/2017/QH14, ngày 19 tháng 6 năm 2017; Luật Thủy sản số 18/2017/QH14, ngày 21/11/2017; Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12, ngày 13 tháng 11 năm 2008...</li> <li>- Bổ sung một số chiến lược phát triển ngành có liên quan, như: Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định 150/QĐ-TTg năm 2022 phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030; Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, theo Quyết định số 339/QĐ-TTg, ngày 11/3/2021; Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 123/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, chỉnh sửa theo góp ý về cập nhật các căn cứ pháp lý.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
13	<p>Phương pháp lập quy hoạch:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã trình bày các phương pháp luận và 7 phương pháp quy hoạch, tuy nhiên nội dung trình bày còn chung chung, cần bổ sung các nội dung chủ yếu của phương pháp và áp dụng như thế nào để xây dựng báo cáo. Một số phương pháp còn thiếu, chưa được đề cập như: phương pháp tích hợp quy hoạch; phương pháp tổng hợp... cần bổ sung. Một số phương pháp nên viết cụ thể hơn như phương pháp Bản đồ, nên thay bằng phương pháp GIS: ứng dụng công nghệ GIS để thành lập bản đồ, chồng xếp, phân tích... cần được rà soát bổ sung.</li> <li>- Bổ sung nội dung báo cáo về việc thu thập, xử lý tài liệu, thời điểm lấy số liệu, dữ liệu đầu vào phục vụ lập quy hoạch tỉnh và việc xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch; làm rõ các điều kiện thuận lợi, khó khăn trong việc triển khai thực hiện, đặc biệt là tính đầy đủ, cập nhật của thông tin, dữ liệu; đánh giá tác động do thiếu số liệu, công cụ, mô hình phân tích, đánh giá dự báo chưa cập nhật và các biện pháp khắc phục.</li> </ul>	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và chỉnh sửa theo góp ý
14	<p>Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của địa phương:</p> <p>a) Phân tích, tổng hợp, đánh giá về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên: Đã tổng hợp, đánh giá tổng quan chung về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, điều kiện xã hội, tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên du lịch của tỉnh, mục I (trang 18-66). Tuy nhiên, một số nội dung phân tích, đánh giá còn thiếu thông tin, số liệu; chưa phân tích đánh giá sâu và tập trung làm nổi bật các điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh, cần bổ sung làm rõ thêm các nội dung:</p>	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, các nội dung đánh giá đã được bổ sung thêm số liệu và luận cứ.
15	- Bổ sung phân tích khả năng khai thác sử dụng hợp lý vị trí địa lý, địa hình và điều kiện tự nhiên, những lợi thế và bất lợi đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Các đánh giá vị trí địa lý, địa hình và điều kiện tự nhiên, những lợi thế và bất lợi đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã được phân tích trong phân tích SWOT phần IV mục IV
16	- Các số liệu về khí hậu, như nhiệt độ, lượng mưa (bảng 1,2,3)... cần bổ sung khoảng thời gian tính các trị số trung bình	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Số liệu trình bày tại bảng 1, 2, 3 là số liệu hiện trạng trung bình ghi nhận trong 20 năm từ 2000 đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
17	<p>- Rà soát, thống nhất số liệu diện tích đất lâm nghiệp (trang 33-34; 150), theo QĐ số 1435/QĐ-BTNMT, ngày 22 tháng 7 năm 2021, của bộ TN&amp;MT, công bố kết quả Kiểm kê đất đai năm 2019, diện tích đất Lâm nghiệp của tỉnh 490.911 ha, trong đó diện tích đất rừng sản xuất 196.076 ha; diện tích đất rừng phòng hộ 253.560 ha; diện tích rừng đặc dụng 41.275 ha, các số liệu này còn sai khác với số liệu của tỉnh. Bổ sung về hiện trạng và phân bố các loại rừng; công tác quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển các loại rừng trên địa bàn tỉnh</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, sử dụng số liệu hiện trạng đến thời điểm 31/12/2020 theo Quyết định 387/QĐ-BTNMT ngày 02/3/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2020.</p> <p>- Đã chỉnh sửa tại mục 2.1.4.4, phần II; Mục 3.1.3, phần III của Phương án lâm nghiệp.</p>
18	<p>- Tài nguyên đất, mới chỉ nêu hiện trạng (trang 30-33), thiếu thông tin số liệu, cần tổng hợp, đánh giá hiện trạng sử dụng đất của tỉnh; tính hợp lý và hiệu quả sử dụng đất của tỉnh;</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình Tài nguyên đất được thể hiện chi tiết tại mục 1.2.1 (Phần I: I.1.2.1.) báo cáo Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai</p> <p>- Hiện trạng sử dụng đất được thể hiện chi tiết tại mục 1.1 (Phần II: I.1.1.) báo cáo Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai.</p> <p>- Tính hợp lý và hiệu quả sử dụng đất được thể hiện chi tiết tại mục 1.3 (Phần II: I.1.3.) báo cáo Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
19	Tài nguyên rừng cần bổ sung số liệu, thông tin đánh giá hiện trạng rừng: diện tích, trữ lượng, phân bố, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Về hiện trạng diện tích, phân bố rừng: đơn vị thể hiện bằng số liệu hiện trạng diện tích đất từng loại rừng trên địa bàn các huyện thuộc tỉnh Lai Châu tại mục 3.1. hiện trạng phát triển lâm nghiệp</p> <p>+ Về Công tác quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển các loại rừng: bổ sung nội dung "Giai đoạn 2011 - 2020, tỉnh Lai Châu đã thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Trung ương, ban hành nhiều chương trình, đề án, kế hoạch và tổ chức thực hiện, góp phần nâng cao chất lượng rừng Lai Châu, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân làm nghề rừng và thích ứng với biến đổi khí hậu. Để có chiến lược phù hợp từng bước trong phát triển bền vững lâm nghiệp, đến nay Lai Châu đã bước đầu thực hiện xong việc thống kê phân loại rừng phục vụ cho kế hoạch phát triển kinh tế rừng bền vững. Từ nhiều năm qua, các cơ quan chính quyền các cấp: tỉnh, huyện, xã có Chi cục Kiểm lâm, hạt kiểm lâm các huyện, kiểm lâm viên xã. Các đơn vị chuyên ngành này đã liên tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống đánh giá, giám sát diễn biến rừng để kịp thời có giải pháp hợp lý trong bảo tồn và phát triển rừng." tại mục Mục 2.1.4.4. Tài nguyên rừng.</p>
20	- Phân tích, tổng hợp, đánh giá hiện trạng sử dụng các tài nguyên khác của tỉnh: đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, tính hợp lý và hiệu quả sử dụng tài nguyên khác của tỉnh	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình Nội dung này đã có tại Phần I, mục I.1.4

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
21	<p>- Bổ sung vào phần hiện trạng môi trường các nội dung về điều tra, đánh giá các khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; hệ thống quan trắc môi trường theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP và điểm d khoản 3 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Bổ sung cụ thể tỷ lệ thu gom, xử lý xử lý các loại chất thải, gồm: CTR sinh hoạt, nước thải ở các đô thị loại I; IV; V và ở nông thôn; chất thải Y tế; chất thải rắn xây dựng; chất thải từ hoạt động trồng trọt; chăn nuôi</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Nội dung đã được trình bày tại Phần I, Mục III.2</p>
22	<p>- Bổ sung phân tích, đánh giá cụ thể hơn thực trạng và diễn biến môi trường ở tỉnh gắn với chuỗi số liệu cụ thể</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Nội dung đã được trình bày tại Phần I, Mục III.2 và phụ lục 2</p>
23	<p>- Tổng hợp, đánh giá ô nhiễm môi trường, mục 2 (trang 44) trong các hoạt động cần bổ sung số liệu, địa điểm, mức độ... cụ thể trên địa bàn tỉnh, nhất là diễn biến chất lượng nước dưới đất, nước mặt, suy thoái đất, ô nhiễm không khí. Đánh giá hiện trạng bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học của tỉnh, cần bổ sung tình hình quản lý bảo vệ về môi trường, ĐDSH trên địa bàn tỉnh. Các hệ sinh thái, mục 3 (trang 51) cần bổ sung thông tin các hệ sinh thái chủ yếu về rừng, nông nghiệp... không phân chia các hệ sinh thái lớn chung chung, theo phạm vi quốc gia, không phản ánh được đặc điểm của tỉnh</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Nội dung đã được trình bày tại Phần I, Mục III.2, đồng thời đã được biên tập theo góp ý.</p>
24	<p>- Bổ sung phân tích xu hướng di cư thuần của tỉnh; tỷ lệ hộ nghèo; trình độ chuyên môn và tay nghề. Người lao động ngoài tỉnh, chuyên gia quốc tế đến làm việc tại địa phương trong thời gian vừa qua theo các ngành, lĩnh vực</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình bổ sung xu hướng di cư thuần tại phần I. Mục II.1.1 và bổ sung các thông tin theo góp ý</p>
25	<p>- Cần đánh giá về đặc trưng văn hoá, dân tộc của người dân, phân tích các tác động của văn hoá, dân tộc đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là các làng nghề truyền thống</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Nội dung này đã được trình bày tại phần I, mục II</p>
	<p>- Đánh giá mức độ thụ hưởng về điều kiện xã hội của tỉnh, so sánh với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc (TDMNPB) và cả nước, đây là chỉ tiêu làm cơ sở cho việc định hướng xây dựng tỉnh trong tương lai</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và tiếp thu tương tự cho tỉnh Lai Châu</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
27	<p>- Vị thế, vai trò của tỉnh Lai Châu đối với vùng và cả nước (trang 65-66). Báo cáo đã đưa ra đánh giá các điểm chính để xác định vị trí của tỉnh Lai Châu, tuy nhiên cần bổ sung: (i) Phân tích, đánh giá tổng quan và so sánh các ngành được xác định là ngành mũi nhọn như: công nghiệp; nông, lâm nghiệp, thủy sản; dịch vụ... với các tỉnh trong vùng, quốc gia để thấy rõ vị thế, vai trò của tỉnh (ii) Phân tích, đánh giá vị thế, vai trò của tỉnh đối với vùng TDMNPB và cả nước về an ninh quốc phòng trong 10 năm qua và dự báo vị trí, vai trò của tỉnh đối với vùng, cả nước trong thời kỳ quy hoạch; (iii) Đánh giá vị thế của tỉnh trong mối quan hệ với các tỉnh, thành phố lân cận, với cả nước về giao thông, giao lưu kinh tế và văn hoá. Những lợi thế về vị trí địa lý của tỉnh đã được phát huy, những mặt chưa được phát huy. Dự báo khả năng phát huy lợi thế về vị trí địa lý vào phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Nội dung đánh giá đã có tại Phần IV, Mục I.1.1. Để hợp lý hơn, đã gộp một số nội dung ở phần này vào nội dung ở Phần I, mục IV</p>
28	<p>- Cần bổ sung đánh giá các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển kinh tế xã hội của tỉnh: (i) Các yếu tố quốc tế: Bối cảnh và định hướng phát triển của khu vực, các Hiệp định thương mại tự do (FTAs) có liên quan đến thị trường các sản phẩm chủ lực của tỉnh; bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; <b>hành lang kinh tế khu vực sông Mê Công mở rộng...</b> tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; (ii) Các yếu tố quốc gia: Bối cảnh và định hướng lớn của quốc gia liên quan đến hội nhập quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, vị thế quốc gia trong khu vực và thế giới đặt ra các yêu cầu đối với phát triển của tỉnh; (iii) Các yếu tố vùng: <b>Bối cảnh và định hướng lớn của vùng Đồng bằng sông Cửu Long</b> đặt ra các yêu cầu phát triển đối với tỉnh; (iv) Các yếu tố tác động từ các tỉnh, khu vực lân cận: Nhu cầu và thực trạng liên kết phát triển, giải quyết các mâu thuẫn phát triển giữa tỉnh và các địa phương lân cận</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và đảm bảo ND QH của tỉnh Lai Châu đã báo sát các yếu tố bối cảnh và định hướng của vùng Trung du và miền núi phía Bắc</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
29	<p>b, Dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh</p> <p>Dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh, chưa được đề cập trong báo cáo. Nội dung này được quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, đây là cơ sở chính cho việc luận chứng lựa chọn các ngành quan trọng, xây dựng kịch bản phát triển cho kỳ quy hoạch. Cần bổ sung các nội dung gồm: Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển kinh tế; dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển văn hóa và xã hội; dự báo triển vọng và nhu cầu về tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; dự báo nhu cầu kết cấu hạ tầng</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Các nội dung về dự báo các yếu tố, điều kiện đặc thù của vùng tỉnh đã nêu tại Phần IV, mục I.1.2 đồng thời, đã bổ sung nội dung dự báo tăng dân số</p>
30	<p>Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn:</p> <p>a) Thực trạng phát triển kinh tế, xã hội</p> <p>- Bổ sung phân tích, đánh giá thực trạng phân bố không gian của các hoạt động kinh tế - xã hội chi tiết đến cấp huyện để nhận diện những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Căn cứ theo Luật Quy hoạch và các văn bản hướng dẫn liên quan, nội dung đánh giá thực trạng phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội đã trình bày đầy đủ thực trạng phát triển theo các ngành, lĩnh vực và kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội trên toàn tỉnh Lai Châu theo đó, Báo cáo đã xác định các khu vực có vai trò động lực và các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn. Bên cạnh đó, báo cáo đã bám sát theo Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới.. của Thủ tướng Chính phủ làm căn cứ xác định những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn trong tỉnh.</p>
31	<p>- Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá việc thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu năm 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030, theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Đánh giá làm rõ kết quả đạt được so với các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra, những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân chủ yếu, để làm cơ sở xác định các mục tiêu, chỉ tiêu trong quy hoạch thời kỳ tới;</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và bổ sung theo góp ý tại Phần IV, mục III.1.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
32	- Bổ sung đánh giá thực trạng của phát triển các ngành Nông nghiệp, Lâm nghiệp sau khi thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, theo quyết định số 899/QĐ-TTg của Thủ tướng, ngày 10/6/2013, làm rõ những kết quả đạt được, những tồn tại và nguyên nhân chủ yếu.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Nội dung chi tiết đã được trình bày tại Báo cáo Thực trạng và phương án phát triển các vùng sản xuất tập trung; vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, xây dựng các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh
33	- Bổ sung đánh giá việc triển khai thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 về việc phê duyệt chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020, làm cơ sở xây dựng phương án phát triển ngành trong kỳ quy hoạch	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Nội dung được cụ thể hóa tại Báo cáo Thực trạng và phương án phát triển các vùng sản xuất tập trung; vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, xây dựng các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh
34	- Bổ sung đánh giá về đặc trưng văn hoá, dân tộc của người dân, phân tích các tác động của văn hoá, dân tộc đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Nội dung đánh giá về đặc trưng văn hoá, dân tộc của người dân, phân tích các tác động của văn hoá, dân tộc đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã được phân tích trong phân tích SWOT phần IV mục IV
35	- Mục 3. Thực trạng ngành Nông nghiệp (trang 86), cần bổ sung làm rõ các hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển trong lĩnh vực Lâm nghiệp: các đơn vị quản lý, các loài cây trồng, các hoạt động khai thác, bảo vệ, diện tích các khu bảo tồn... đánh giá về quản lý, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, những kết quả, tồn tại, nguyên nhân.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, đã bổ sung mục: Hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển trong lĩnh vực Lâm nghiệp
36	b, Hiện trạng sử dụng đất Hiện trạng sử dụng đất: đánh giá hiện trạng sử dụng đất của tỉnh tại bảng 38 (trang 156), cần so sánh với số liệu công bố tại Quyết định số 1435/QĐ-BTNMT ngày 22/7/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt và công bố kết quả kiểm kê diện tích đất đai năm 2019. Một số diện tích đất nông nghiệp, lâm nghiệp... còn có sự sai khác cần rà soát và giải thích	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, sử dụng số liệu hiện trạng đến thời điểm 31/12/2020 theo Quyết định 387/QĐ-BTNMT ngày 02/3/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2020.



STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
37	<p>c)Hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng</p> <p>- Bổ sung đánh giá thực trạng liên kết đô thị với nông thôn của tỉnh trong xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng đô thị và điểm dân cư nông thôn; bổ sung đánh giá sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh. Đánh giá tổng quát những khó khăn, hạn chế và thiếu sót của hệ thống đô thị - nông thôn toàn tỉnh.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Báo cáo Quy hoạch tỉnh đã trình bày tổng quát những khó khăn, hạn chế, thiếu sót của hệ thống đô thị - nông thôn và được thể hiện cụ thể ở thực trạng phát triển hệ thống đô thị và thực trạng phát triển hệ thống nông thôn. Về cơ bản, khó khăn lớn nhất trong liên kết đô thị và nông thôn nằm ở vị trí, điều kiện đặc thù về địa hình đồi núi dẫn tới hiệu suất đầu tư cho hạ tầng cao, gây hạn chế trong việc phát triển đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; bên cạnh đó, văn hóa, lối sống của người dân cũng dẫn tới việc phân bố dân cư không đồng đều gây khó khăn trong việc phát triển các đô thị tập trung và hình thành các điểm dân cư nông thôn mới</p>
38	<p>- Bổ sung nội dung đánh giá thực trạng các khu chức năng trên địa bàn tỉnh (quy định tại khoản 2, điều 28, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP). Các khu chức năng nên phân thành các nhóm: khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch, khu thể dục thể thao; khu nghiên cứu, đào tạo để làm cơ sở xây dựng các nội dung đề xuất có liên quan được tích hợp vào quy hoạch tỉnh</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, sắp xếp các nội dung và bổ sung phần III, mục IV về các khu chức năng</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
39	<p>-Việc đánh giá các KCN, CCN, cần đánh giá bổ sung theo các nội dung: (i) việc kết nối cơ sở hạ tầng của các KCN, CCN với hệ thống hạ tầng của địa phương; (ii) nhà ở cho lực lượng lao động, cũng như các công trình tiện ích phục vụ tại các KCN, CCN; (iii) đánh giá tổng quát những thuận lợi và khó khăn trong việc thu hút nhà đầu tư vào KCN, các CCN. Bổ sung đánh giá về khả năng đáp ứng các chỉ tiêu về môi trường trong quản lý, phát triển KCN, CCN trên địa bàn tỉnh</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình:          Đã bổ sung đánh giá kết nối hạ tầng của KCN Mường So, CCN Tân Uyên, CCN Than Uyên, CCN Nậm Nhùn tại Phụ lục 3, Báo cáo chuyên đề công nghiệp, nội dung này khá dài, hỗ trợ cho đánh giá về thuận lợi, khó khăn khi phát triển các KCN,CCN, do đó đề nghị không đưa vào báo cáo tổng hợp.          (ii) Về nhà ở cho người lao động, giải trình như sau:          KCN Tam Đường đã loại khỏi quy hoạch; KCN Mường So hiện tại chưa thu hút được chủ đầu tư, cơ sở hạ tầng kỹ thuật chưa được đầu tư đồng bộ, đến hết năm 2020 có 08 dự án hoạt động tuy nhiên đều là các dự án khai thác mỏ và sản xuất VLXD lượng lao động rất ít (khoảng 20-30 lao động địa phương). Do vậy tại đây vẫn chưa xây dựng nhà ở hay các tiện ích khác cho người lao động. Người lao động chủ yếu sử dụng các tiện ích tại các khu vực đô thị lân cận (TT. Mường So).          Đối với các CCN trong quy hoạch: Ngoài CCN Tp. Lai Châu bị loại ra khỏi quy hoạch thì đối với các CCN còn lại, CCN Tân Uyên đã được chuyển sang vị trí mới tại thị trấn Tân Uyên và đang trong quá trình quy hoạch; CCN Than Uyên được điều chỉnh lại địa giới hành chính tại xã Phúc Than (trước là tại TT. Than Uyên), cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư xây dựng, chưa thu hút được dự án đầu tư; CCN Nậm Nhùn vẫn trong quá trình quy hoạch.          Do vậy, tại toàn bộ các CCN của tỉnh chưa hình thành hệ thống nhà ở xã hội và các công trình tiện ích cho người lao động          (iii) Báo cáo đã đánh giá tổng quát những thuận lợi và khó khăn</p>
40	<p>- Đối với hạ tầng xã hội cần bổ sung đánh giá lĩnh vực xử lý chất thải, nghĩa trang trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Nội dung theo góp ý đã được trình bày chi tiết tại Phần II, mục III.7.1</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
41	- Đối với nội dung đánh giá thực trạng các ngành và lĩnh vực xã hội của tỉnh cần bổ sung phân tích, tổng hợp đánh giá thực trạng phát triển xã hội nói chung, bao gồm cả tình hình trật tự an ninh, an toàn xã hội; vấn đề tôn giáo, an ninh biên giới trên địa bàn tỉnh	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung này đã được trình bày tại Phần II, mục II.8.1 và 8.2
42	d) Hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật - Cần bổ sung đánh giá theo các nội dung (i) Rà soát so sánh, đánh giá tình hình triển khai các quy hoạch giai đoạn 2010-2020 liên quan đến cơ sở hạ tầng ngành; (ii) Đánh giá hiện trạng và mức độ đáp ứng của các cơ sở hạ tầng ngành đối với nhu cầu phát triển của tỉnh; (iii) Đánh giá các nguyên nhân yếu kém và tồn tại trong xây dựng cơ sở hạ tầng ngành	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Các nội dung được nêu cụ thể tại báo cáo tích hợp của từng lĩnh vực (là một phần của hồ sơ quy hoạch).
44	d) Hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật - Cần bổ sung đánh giá theo các nội dung (i) Rà soát so sánh, đánh giá tình hình triển khai các quy hoạch giai đoạn 2010-2020 liên quan đến cơ sở hạ tầng ngành; (ii) Đánh giá hiện trạng và mức độ đáp ứng của các cơ sở hạ tầng ngành đối với nhu cầu phát triển của tỉnh; (iii) Đánh giá các nguyên nhân yếu kém và tồn tại trong xây dựng cơ sở hạ tầng ngành	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Nội dung liên quan đến hạ tầng cấp điện đã được tổng hợp, đánh giá, so sánh như ý kiến góp ý của TS. Nguyễn Huy Dũng
46	- Năng lượng: Báo cáo quy hoạch đã mô tả hiện trạng nguồn điện và hệ thống lưới điện, cần bổ sung thêm đánh giá về khả năng phát triển năng lượng tái tạo điện gió và mặt trời trên địa bàn tỉnh.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Tiếp thu ý kiến của Tiến sỹ - Nguyễn Huy Dũng. Hiện tại, trên địa bàn tỉnh đã cho phép một số doanh nghiệp tiến hành khảo sát, đánh giá về khả năng phát triển năng lượng tái tạo điện gió và mặt trời trên địa bàn tỉnh.
47	- Thương mại - dịch vụ: bổ sung đánh giá chất lượng của các công trình hiện trạng (sự xuống cấp của các chợ, siêu thị hiện có, cần cải tạo đầu tư nâng cấp hoặc xây dựng mới...) và phân tích các yếu tố có ảnh hưởng đến việc phát triển hạ tầng thương mại của tỉnh như xu thế phát triển thương mại điện tử, chủ trương, định hướng mới về đầu tư phát triển giao thông vận tải và logistic...	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, tiếp thu, do nội dung chi tiết cấp độ lĩnh vực nên bổ sung trong Báo cáo Thực trạng và phương án phát triển ngành Thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Lai Châu (là một phần của hồ sơ quy hoạch).
48	- Y tế (trang 217): Nội dung này cần bổ sung thống kê phân tích, đánh giá làm rõ cơ sở vật chất, trang thiết bị, phân bố hệ thống các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh, làm rõ các vấn đề cần giải quyết, nhất là các cơ sở y tế tuyến huyện, xã trong kỳ quy hoạch.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung nội dung về cơ sở vật chất tuyến tỉnh và huyện tại Phần II, Mục II.5.1

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
49	<p>- Kết cấu hạ tầng cơ sở giáo dục (trang 218-221): bổ sung thông tin và phân tích, đánh giá kỹ hơn về hạ tầng, cơ sở vật chất của hệ thống giáo dục, đào tạo trong tỉnh. Đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo cho các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh và vùng, tiểu vùng Tây Bắc trong giai đoạn vừa qua; xác định các vấn đề chủ yếu về quy mô, sắp xếp hệ thống các cơ sở giáo dục đào tạo trong thời kỳ quy hoạch</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, Nội dung chi tiết đã được trình bày cụ thể trong Báo cáo Thực trạng và phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Lai Châu</p>
50	<p>2.5. Các điểm mạnh và yếu, các khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm: - Đã đề xuất 9 điểm yếu của tỉnh, nhưng cần rà soát, bỏ điểm yếu về thiết chế văn hoá, ghép gộp thành 5 vấn đề lớn, như: - Tỉnh nằm xa trung tâm kinh tế, chính trị lớn của đất nước, có địa hình chia cắt...; - Tỉnh có xuất phát điểm thấp trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội...so với các tỉnh vùng TDMNBB...; - Nằm ở khu vực có nguy cơ chịu tác động lớn bởi thiên tai và biến đổi khí hậu...; - Nguồn nhân lực có tỷ lệ đào tạo thấp...; - Môi trường đầu tư chưa hấp dẫn so với một số tỉnh trong vùng và của cả nước...</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và ghép nhóm các nội dung, đảm bảo ngắn gọn, xúc tích, tập trung</p>
51	<p>- Theo báo cáo, tỉnh có 7 điểm mạnh, tuy nhiên nên ghép gộp điểm mạnh thứ 2 và điểm mạnh thứ 7 và viết gọn, cô đọng các điểm mạnh của tỉnh</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và chỉnh sửa theo góp ý</p>
52	<p>2.6. Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển:  - Báo cáo đã đưa mục tiêu tổng quát và đề xuất 24 mục tiêu cụ thể của lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường và an ninh quốc phòng để thực hiện, tuy nhiên cần rà soát và bổ sung một số chỉ tiêu về xã hội: mức giảm bệnh tật và tệ nạn xã hội, chỉ số phát triển con người HDI, chỉ số phát triển giới GDI; đối với môi trường bổ sung chỉ tiêu tỷ lệ thu gom xử lý nước thải sinh hoạt tại các đô thị và khu vực nông thôn, thu gom, xử lý CTR tại khu vực nông thôn.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình như sau: Mục "quan điểm, mục tiêu" chỉ nêu các mục tiêu phát triển KTXH, môi trường, an ninh cơ bản nhất. Các mục tiêu khác được nêu cụ thể tại các mục về dân số - lao động, tài nguyên và môi trường...</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
53	<p>2.7. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn Tỉnh:</p> <p>- Định hướng hoạt động của một số ngành, cần rà soát các định hướng quy hoạch phải xây dựng được những định hướng lớn, chủ yếu của ngành, như ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, dược liệu cần bố trí mở rộng hay xây dựng mới các nhà máy chế biến, công suất thiết kế bao nhiêu, sản phẩm chủ yếu là gì? địa điểm đặt nhà máy, quy mô đầu tư... hoặc công nghiệp sản xuất và phân phối điện, dự kiến bao nhiêu nhà máy thủy điện xây mới, công suất bao nhiêu?...theo quy hoạch ngành điện...các ngành khác cũng phải rà soát cụ thể, nhất là các công trình quan trọng, để phù hợp với dự báo giá trị sản xuất cũng như đạt được mục tiêu, chỉ tiêu quy hoạch các ngành trong kỳ quy hoạch</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: các nội dung cụ thể như góp ý đã được trình bày trong các phụ lục của thuyết minh quy hoạch (từ Phụ lục 9 đến Phụ lục 14), và các báo cáo tích hợp - một thành phần của hồ sơ quy hoạch (từ 1 đến 14, như đã liệt kê trong phụ lục 15)</p>
54	<p>- Rà soát bổ sung nội dung xác định không gian địa lý, gắn với bố trí diện tích sử dụng đất cho hoạt động của các ngành cụ thể còn thiếu như công nghiệp, Giáo dục đào tạo, lĩnh vực an ninh, quốc phòng...</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và đảm bảo các nội dung cụ thể đã được đề cập trong báo cáo ở nội dung phân bổ đất đai</p>
55	<p>- Cần lồng ghép kinh tế tuần hoàn (KTTH) trong định hướng, phương án, giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực theo như quy định tại Khoản 2, Điều 142, Luật BVMT, năm 2020. Lồng ghép phát triển các mô hình KTTH trong QHT sẽ giúp Lai Châu tăng trưởng kinh tế, giảm thiểu ô nhiễm, suy thoái tài nguyên môi trường, đồng thời thích ứng với BĐKH, giảm phát thải KNK.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, và bổ sung nội dung về kinh tế tuần hoàn ở phần quan điểm và các phần liên quan, như đã trình bày trong Nội dung thuyết minh quy hoạch</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
56	<p>- Đã đề xuất thành lập 1 KCN và 4 CCN, tuy nhiên để thành lập các KCN và CCN, cần bổ sung thêm: (i) Thông tin về hiện trạng sử dụng đất và điều kiện phát triển cụ thể của KCN, CCN đề xuất bổ sung mới; đánh giá và giải trình về khả năng đáp ứng các điều kiện về việc bổ sung mới KCN, CCN. (ii) Đánh giá và giải trình cụ thể về khả năng xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, quy hoạch phát triển đô thị, phân bố dân cư, nhà ở và các công trình xã hội, văn hóa, thể thao phục vụ lực lượng làm việc của KCN, CCN;(iii) Đánh giá về khả năng cung cấp và đáp ứng nhu cầu về lao động cho phát triển KCN, CCN; đảm bảo phù hợp của phương án phát triển KCN, CCN với các yêu cầu về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên và di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh;</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình như sau:</p> <p>(1) Về bổ sung thông tin về hiện trạng sử dụng đất: Đối với hiện trạng các KCN, CCN trong báo cáo đã nêu tương đối rõ nét hiện trạng từng KCN, CCN tại mục 1. Kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp (T209).</p> <p>(2) Về điều kiện hình thành các KCN, CNN: Trong báo cáo đã xác định rõ việc phát triển không gian các KCN, CCN cần đảm bảo đáp ứng được các yếu tố, điều kiện như: Kết nối giao thông thuận lợi, gần các yếu tố tài nguyên, nguồn nguyên liệu sẵn có, đảm bảo có thể cung cấp đầy đủ các điều kiện thiết yếu (như: cung cấp điện, nước, thu gom, xử lý rác thải, nước thải, thu hút lao động, bố trí các dịch vụ phục vụ người lao động...); đồng thời, phải đảm bảo khai thác, sử dụng có hiệu quả về đất đai. Phát triển không gian sản xuất công nghiệp gắn với không gian phát triển đô thị, hình thành một số cụm công nghiệp - đô thị - dịch vụ. Phát triển các ngành nghề thủ công, phát huy thế mạnh của từng địa phương trong tỉnh, phát triển làng nghề, mở rộng các mặt hàng theo hướng sản xuất hàng hóa.</p> <p>Trên cơ sở các yêu cầu cần có đối với các khu, cụm công nghiệp và phù hợp với điều kiện thực tế địa hình của địa phương, xác định các khu vực phát triển công nghiệp tập trung như sau: Các KCN nghiệp được phân bố chủ yếu nằm trong vùng có điều kiện thuận lợi, là vùng động lực kinh tế của tỉnh. Phân bố các cụm công nghiệp tại các địa phương có điều kiện khó khăn hơn, theo hướng cơ bản địa bàn nào cũng có CCN-Trục kinh tế của tỉnh được xác định theo các tuyến giao thông</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
57	<p>- Đề phát triển Lâm nghiệp cần rà soát bổ sung: (i) Xác định tổng diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh; diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh đầu kỳ quy hoạch. (ii) Dự báo nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất lâm nghiệp sang mục đích khác trong thời kỳ quy hoạch; (iii) Xác định các chỉ tiêu bảo vệ và phát triển rừng theo các loại rừng: diện tích rừng phải bảo vệ, diện tích rừng giao khoán bảo vệ, diện tích đất lâm nghiệp giao khoán trồng rừng theo các chương trình mục tiêu quốc gia; chỉ tiêu phát triển rừng: rừng khoanh nuôi, rừng trồng mới, cải tạo rừng; trồng cây phân tán; (iv) xác định các công trình xây dựng hạ tầng: Trụ sở Ban quản lý, các trạm bảo vệ, đường(đã đề xuất 200 km), bến bãi...</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình như sau: Tại báo cáo Quy hoạch tỉnh: Việc xác định diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh, dự báo nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất lâm nghiệp sang mục đích khác trong thời kỳ quy hoạch đã được thể hiện rõ ràng trong phương án Phân bổ đất đai. Để tránh trùng lặp nội dung, đơn vị không thể hiện số liệu này trong phương án Phát triển lĩnh vực Lâm nghiệp.</p> <p>Tại Báo cáo Thực trạng và phương án phát triển Lâm nghiệp, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Lai Châu : Đơn vị đã xác định diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh, dự báo nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất lâm nghiệp sang mục đích khác trong thời kỳ quy hoạch.</p> <p>Các chỉ tiêu bảo vệ và phát triển rừng theo các loại rừng: rừng khoanh nuôi, rừng trồng mới, cải tạo rừng; trồng cây phân tán; (iv) xác định các công trình xây dựng hạ tầng đã được thể hiện chi tiết tại mục 2. Lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc mục V. Phương hướng phát triển ngành nông nghiệp trong báo cáo Quy hoạch tỉnh và tại Phần IV. Phương án phát triển Lâm nghiệp, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh và trong Báo cáo Thực trạng và phương án phát triển Lâm nghiệp, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Lai Châu.</p>
58	<p>- Giải pháp phát triển giáo dục, đào tạo: cần bổ sung các giải pháp cụ thể hơn về đào tạo lao động cho các ngành, lĩnh vực chủ yếu, trong đó chú trọng các hoạt động liên đào tạo giữa các trường đại học, cao đẳng, cơ sở đào tạo nghề với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hoặc các tỉnh lân cận để tận dụng nguồn nhân lực chất lượng cao; chú trọng các giải pháp hỗ trợ việc chuyển đổi việc làm cho người lao động từ khu vực nông thôn.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và trình bày nội dung giải pháp tại Phần XIII, Mục III.2.3.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
59	<p>2.8. Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội:</p> <p>- Rà soát, bổ sung việc bố trí không gian cho các công trình, dự án quan trọng, như khu công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ logistic, du lịch, thương mại...Phân bố khu bảo tồn (trang 421), đối với vùng bảo vệ, bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá, danh lam, thắng cảnh còn nêu chung chung, cần bổ sung các công trình cụ thể.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và đảm bảo Danh mục công trình dự án cụ thể được nêu tại Phụ lục 14</p>
60	<p>- Bổ sung phương án xác định khu vực khuyến khích phát triển và khu vực hạn chế phát triển trên địa bàn toàn tỉnh; đề xuất cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên vùng, liên huyện của 2 vùng kinh tế: vùng kinh tế động lực QL 32 và QL 4D, bao gồm 4 huyện và 1 thành phố (TP Lai Châu, huyện Phong Thổ, Tam Đường, Than Uyên, Tân Uyên); vùng kinh tế lâm nông nghiệp sinh thái sông Đà (bao gồm 3 huyện Mường Tè, Nậm Nhùn, Sìn Hồ).</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và đã xác định khu vực khuyến khích phát triển và khu vực hạn chế phát triển (tại Phần VIII, Mục I.4); cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên vùng, liên huyện của 2 vùng kinh tế được luận giải thông qua nội dung Kết nối kết cấu hạ tầng (tại Phần VIII, Mục II)</p>
61	<p>2.9. Phương án phát triển hệ thống đô thị, phân bố hệ thống điểm dân cư</p> <p>a) Phương án phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh</p> <p>- Cần rà soát, đối chiếu giữa Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021–2030 với Báo cáo quy hoạch. Trong Báo cáo mục 3. Định hướng phát triển đến năm 2030 (trang 428), Bảng 69 (trang 429) đề xuất đến năm 2030 thành lập 11 đô thị từ cấp III, IV, V, số liệu sai khác với quyết định của Chính phủ chỉ có 7 đô thị, cần có luận giải cụ thể.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình như sau: Để phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Báo cáo Quy hoạch tỉnh đề xuất thành lập 11 đô thị từ cấp III, IV và V, trong đó đã bao gồm các đô thị hiện trạng và các đô thị đề xuất nâng loại đô thị.</p>
62	<p>- Bổ sung thêm nội dung đề xuất mô hình, cấu trúc hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Lai Châu.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và bổ sung theo quy hoạch</p>
63	<p>- Cần bổ sung phân tích rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đối với hệ thống đô thị để có định hướng phù hợp cho sự phát triển đô thị quy hoạch.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung nội dung về khả năng chống chịu, thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu</p>
64	<p>b) Phương án phân bố hệ thống điểm dân cư nông thôn</p> <p>- Bổ sung nguyên tắc tổ chức, phân bố điểm dân cư nông thôn phù hợp với điều kiện tự nhiên, phong tục tập quán địa phương; giảm thiểu tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu; thuận tiện trong kết nối giao thông; đáp ứng yêu cầu theo tiêu chí nông thôn mới.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung nội dung tại Mục 3.4.1, Phần III. báo cáo Thực trạng phân bố dân cư nông thôn và phương án quy hoạch phân bố dân cư nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; sắp xếp, bố trí ổn định các điểm dân cư tại những vùng: thiên tai; đặc biệt khó khăn; biên giới; di cư tự do trên địa bàn tỉnh Lai Châu</p>



STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
65	- Bổ sung định hướng xây dựng các trung tâm cụm xã, có bao nhiêu trung tâm cụm xã, mỗi trung tâm cụm xã có những xã nào; địa điểm cụ thể; xác định các tiêu chuẩn lựa chọn, khai thác phát triển quỹ đất cho phát triển điểm dân cư trên địa bàn tỉnh theo giai đoạn.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung nội dung tại Mục 3.4.4, Phần III. Báo cáo Thực trạng phân bố dân cư nông thôn và phương án quy hoạch phân bố dân cư nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; sắp xếp, bố trí ổn định các điểm dân cư tại những vùng: thiên tai; đặc biệt khó khăn; biên giới; di cư tự do trên địa bàn tỉnh Lai Châu
66	- Bổ sung danh mục dự án quan trọng' cấp tỉnh cần ưu tiên đầu tư để phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư: tên dự án, dự kiến tổng mức đầu tư, thứ tự ưu tiên thực hiện và phân kỳ đầu tư. Đề xuất giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Danh mục dự án được nêu cụ thể tại Phụ lục 14
67	- Bổ sung danh mục dự án quan trọng' cấp tỉnh cần ưu tiên đầu tư để phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư: tên dự án, dự kiến tổng mức đầu tư, thứ tự ưu tiên thực hiện và phân kỳ đầu tư. Đề xuất giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung đề xuất giải pháp quy hoạch tại Mục 4.2, Phần IV. - Bổ sung danh mục dự án quan trọng cấp tỉnh cần ưu tiên đầu tư để phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư: tên dự án, dự kiến tổng mức đầu tư, thứ tự ưu tiên thực hiện và phân kỳ đầu tư tại Phụ lục 6,7,8. Trong báo cáo thuyết minh, đơn vị tư vấn đã nêu giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch
68	2.10. Phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật a) Phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải: - Rà soát, bổ sung xây dựng, mở rộng các trung tâm logistic theo Quyết định số 200/QĐ-TTg, ngày 14/2/2017 của Thủ tướng về phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistic Việt Nam đến năm 2025 và Quyết định của UBND tỉnh Lai Châu số 335/QĐ-UBND, ngày 5/4/2018 về việc ban hành Kế hoạch phát triển dịch vụ logistic trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và giải trình: Phương án phát triển các trung tâm logistics đã được thuyết minh tại Tiểu mục "3.6 Phát triển dịch vụ logistics" thuộc Phần VI, mục III "Phương hướng phát triển các ngành thương mại - dịch vụ. Về lĩnh vực Giao thông đã bổ sung nội dung kết nối giao thông đến trung tâm logistics
69	-Xác định nhu cầu sử dụng đất cho phát triển mạng lưới giao thông trên địa bàn tỉnh thời kỳ quy hoạch: Diện tích đất cho phát triển mạng lưới đường bộ; diện tích đất cho phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa...	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung nhu cầu sử dụng đất từ báo cáo chuyên đề

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
70	-Xác định nhu cầu vốn đầu tư phát triển mạng lưới giao thông thuộc thẩm quyền của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch, phân kỳ đầu tư giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030. Xác định các dự án quan trọng thuộc thẩm quyền cấp tỉnh cần ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch; Đề xuất giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình như sau: Báo cáo Thực trạng và phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Lai Châu (một phần của hồ sơ quy hoạch) đã có mục về giải pháp thực hiện quy hoạch, và được chọn lọc đề đưa vào nhóm các giải pháp trong báo cáo Tổng hợp
71	b) Phương án phát triển mạng lưới cấp nước, thoát nước thải: - Xác định nhu cầu sử dụng đất cho phát triển mạng lưới cấp nước, xả nước thải huyện, thị, liên huyện trên địa bàn tỉnh thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình như sau: căn cứ theo mức độ chi tiết cần bổ sung, các nội dung theo góp ý đã được bổ sung trong Báo cáo Thực trạng và phương án phát triển kết cấu hạ tầng Thủy lợi, cấp nước sinh hoạt đô thị, nông thôn và các công trình phòng, chống thiên tai (đê, kè,...) trên địa bàn tỉnh Lai Châu
72	- Bổ sung các dự án quan trọng của tỉnh cần ưu tiên đầu tư để phát triển hệ cấp nước và nước thải trong thời kỳ quy hoạch, như dự án cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình như sau: căn cứ theo mức độ chi tiết cần bổ sung, các nội dung theo góp ý đã được bổ sung trong Báo cáo Thực trạng và phương án phát triển kết cấu hạ tầng Thủy lợi, cấp nước sinh hoạt đô thị, nông thôn và các công trình phòng, chống thiên tai (đê, kè,...) trên địa bàn tỉnh Lai Châu
73	- Bổ sung nhu cầu vốn đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước, xả nước thải thuộc thẩm quyền của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch, phân kỳ đầu tư giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030; xác định nguồn vốn; xây dựng các giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình như sau: căn cứ theo mức độ chi tiết cần bổ sung, các nội dung theo góp ý đã được bổ sung trong Báo cáo Thực trạng và phương án phát triển kết cấu hạ tầng Thủy lợi, cấp nước sinh hoạt đô thị, nông thôn và các công trình phòng, chống thiên tai (đê, kè,...) trên địa bàn tỉnh Lai Châu

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
74	<p>c) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi</p> <p>- Bổ sung nội dung xác định nhu cầu sử dụng đất cho phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước liên huyện trên địa bàn tỉnh thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình như sau: căn cứ theo mức độ chi tiết cần bổ sung, các nội dung theo góp ý đã được bổ sung trong Báo cáo Thực trạng và phương án phát triển kết cấu hạ tầng Thủy lợi, cấp nước sinh hoạt đô thị, nông thôn và các công trình phòng, chống thiên tai (đê, kè,...) trên địa bàn tỉnh Lai Châu</p>
75	<p>- Xác định các dự án quan trọng của tỉnh cần ưu tiên đầu tư để phát triển hệ thống thủy lợi, cấp nước trong thời kỳ quy hoạch; xác định nhu cầu vốn và nguồn vốn đầu tư phát triển mạng lưới thủy lợi cấp nước thuộc thẩm quyền của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch, phân kỳ đầu tư giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030; xây dựng các giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình như sau: Nội dung theo ý kiến tham gia đã được trình bày cụ thể trong Phụ lục 14 của thuyết minh</p>
76	<p>d) Phương án phát triển mạng lưới cấp điện</p> <p>- Bổ sung nội dung xác định nhu cầu sử dụng đất của ngành điện; danh mục dự án quan trọng của tỉnh cần ưu tiên đầu tư để phát triển mạng lưới truyền tải và phân phối điện địa bàn tỉnh thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình: Tiếp thu ý kiến của Tiến sỹ - Nguyễn Huy Dũng. Sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các sở ngành có liên quan xác định nhu cầu sử dụng đất chi tiết cụ thể của từng dự án tại Báo cáo quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và cấp huyện.</p>
77	<p>- Xác định cơ chế và nguồn vốn đầu tư xây dựng nguồn phát, lưới điện, cơ chế huy động vốn đầu tư; tổng hợp vốn đầu tư theo từng giai đoạn thời kỳ quy hoạch (2021-2025 và 2026-2030).</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình như sau: Theo các quy hoạch cũ đã được phê duyệt đều giao cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc gia, Tổng Công ty Điện lực miền Bắc và các nhà đầu tư phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh để tổ chức thực hiện. Do đó, đề nghị Bộ Kế hoạch và đầu tư tiếp tục giao cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc gia, Tổng Công ty Điện lực miền Bắc và các nhà đầu tư thực hiện quy hoạch.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
78	đ) Phát triển hạ tầng thông tin truyền thông - Bổ sung nội dung xác định nhu cầu sử dụng đất; xây dựng đề xuất giải pháp quản lý, thực hiện nội dung quy hoạch; xác định danh mục dự án quan trọng của tỉnh cần ưu tiên đầu tư để phát triển hạ tầng viễn thông thụ động.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và tiếp thu ý kiến điều chỉnh bổ sung nội dung hạng mục Trung tâm bưu chính phù hợp với tình hình thực tế phát triển của tỉnh (điểm 3.7, mục V, phần IX).
79	- Xác định nhu cầu vốn đầu tư và nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh theo từng giai đoạn thời kỳ quy hoạch (2021-2025 và 2026-2030).	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình như sau: Căn cứ mục độ chi tiết của nội dung, các chi tiết đã được trình bày trong Báo cáo Thực trạng và Phương án phát triển kết cấu hạ tầng Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Đồng thời, được tổng hợp và tích hợp các nội dung chính vào thuyết minh
80	e) Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy Bổ sung nội dung xác định nhu cầu sử dụng đất; xây dựng đề xuất giải pháp quản lý, thực hiện nội dung quy hoạch; xác định danh mục dự án quan trọng của tỉnh cần ưu tiên đầu tư để phát triển hạ tầng viễn thông thụ động.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát đảm bảo nội dung hạ tầng phòng cháy chữa cháy đã tích hợp các nội dung phù hợp trên cơ sở tham mưu với Ngành công an
81	f) Bổ sung nội dung các phương án phát triển còn thiếu: - Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực trên địa bàn tỉnh.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung như góp ý tại Phần VIII, mục I.2 và I.3
82	f) Bổ sung nội dung các phương án phát triển còn thiếu: - Phương án phát triển các KCN, CCN	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát đảm bảo nội dung đã có trong QH tại phần VI, mục II.4
83	2.11. Phương án phát triển hạ tầng xã hội a) Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo: - Đề nghị ghép gộp với mục II.Phương hướng phát triển giáo dục đào tạo (trang 396), để hợp lý và theo quy định.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: Thuyết minh quy hoạch đã tái cấu trúc, đưa nội dung về phát triển hạ tầng phục vụ ngành lên gộp chung cho nội dung trình bày về định hướng phát triển ngành để đảm bảo tính logic, không trùng lặp
84	- Rà soát bổ sung tổng số cơ sở giáo dục – đào tạo trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021-2030, đối với cơ sở giáo dục cao đẳng có trên địa bàn tỉnh. Xác định chỉ tiêu sử dụng đất đối với từng loại cơ sở giáo dục – đào tạo và dự kiến tổng diện tích đất sử dụng và nhu cầu vốn đầu tư để phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục – đào tạo của tỉnh.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, bổ sung theo góp ý tại Phần IX, Mục VII.1.2

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
85	- Xác định danh mục các cơ sở giáo dục – đào tạo do tỉnh quản lý được ưu tiên đầu tư nâng cấp và xây dựng mới trong thời kỳ quy hoạch phân kỳ theo từng giai đoạn (2021-2025 và 2026-2030); dự kiến nhu cầu vốn đầu tư để xây dựng mới và nâng cấp các cơ sở giáo dục – đào tạo do tỉnh quản lý, phân kỳ theo từng giai đoạn (2021-2025 và 2026-2030); xác định khả năng huy động vốn từ các nguồn vốn; đề xuất các giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch.	Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát: Nội dung đã được cụ thể hóa trong phụ lục thuyết minh số 14 và Báo cáo Thực trạng và Phương án phát triển mạng lưới Cơ sở giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Lai Châu (Một phần của hồ sơ quy hoạch)
86	b) Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế - Đề nghị ghép gộp với mục III.Phương hướng phát triển Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân (trang 404).	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình: Thuyết minh quy hoạch đã tái cấu trúc, đưa nội dung về phát triển hạ tầng phục vụ ngành lên gộp chung cho nội dung trình bày về định hướng phát triển ngành để đảm bảo tính logic, không trùng lặp
87	- Bổ sung định hướng chung: tổng số cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021-2030; tổng số giường bệnh các tuyến ...; dự kiến tổng diện tích đất sử dụng để phát triển các cơ sở y tế; xác định vị trí, quy mô diện tích từng cơ sở y tế cấp tỉnh và liên huyện/huyện trên địa bàn.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung đã được nêu cụ thể tại Phần IX, Mục VII.2.3
88	- Xác định nhu cầu vốn đầu tư phát triển mạng lưới cơ sở y tế của tỉnh, gồm cấp tỉnh, huyện/liên huyện; danh mục các dự án được ưu tiên đầu tư nâng cấp và xây dựng mới trong thời kỳ quy hoạch phân kỳ theo từng giai đoạn (2021-2025 và 2026-2030); xác định khả năng huy động vốn từ các nguồn vốn; đề xuất các giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung đã được trình bày cụ thể tại báo cáo tích hợp
89	c) Phương án phát triển các thiết chế văn hoá, thể thao, du lịch - Rà soát tên mục, nên bổ sung thêm hoạt động du lịch vào mục này, thành Phương án phát triển các thiết chế văn hoá, thể thao, du lịch.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch xin được giải trình: Do lĩnh vực Du lịch được xác định là lĩnh vực động lực nên đã tách riêng để đảm bảo trình bày cân đối với các lv động lực khác
90	- Bổ sung, cập nhật các khu du lịch, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích đã được xác định ở quy hoạch vùng và quy hoạch ngành quốc gia.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Hiện nay quy hoạch Vùng chưa được phê duyệt

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
91	- Bổ sung nội dung Định hướng phát triển hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao trên địa bàn tỉnh phục vụ công nhân lao động trong các khu công nghiệp	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã biên tập theo góp ý: Khi KCN Mường So được thành lập, đảm bảo chủ đầu tư thực hiện xây dựng các thiết chế văn hóa – thể thao trong KCN phục vụ công nhân lao động trong các khu công nghiệp.
92	- Xác định chỉ tiêu sử dụng đất cho một thiết chế văn hóa thể thao theo từng cấp độ và nhu cầu sử dụng diện tích đất cho phát triển hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao trên địa bàn tỉnh thời kỳ quy hoạch phân theo giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030; xác định các dự án thiết chế văn hóa – thể thao cấp tỉnh quan trọng cần ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch phân theo giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030. Xác định nhu cầu vốn đầu tư và nguồn vốn đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa thể thao cấp tỉnh trong thời kỳ quy hoạch, phân kỳ đầu tư giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch xin được giải trình: Do công tác lập quy hoạch triển khai phức tạp, mất nhiều thời gian, việc phê duyệt QH có thể hoàn thành trong năm 2023 hoặc 2024 nên việc phân kỳ 2021-2025 và 2026-2030 không còn phù hợp. Tỉnh đề xuất giai đoạn quy hoạch ko phân kỳ đối với DM dự án để đảm bảo tính phù hợp khi triển khai
93	- Bổ sung nội dung Định hướng phát triển hệ thống thiết chế du lịch (cơ sở lưu trú, cơ sở vui chơi giải trí, cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch) trên địa bàn tỉnh, bao gồm:(i) Định hướng phát triển các tuyến du lịch trên cơ sở liên kết vùng; (ii) Dự báo nhu cầu và quy mô phục vụ khách du lịch; số lượng khách thu hút hàng năm; dự kiến doanh thu... (iii) Định hướng phân bố không gian mạng lưới thiết chế du lịch trên địa bàn tỉnh gồm: Danh mục, địa điểm, quy mô phục vụ của các thiết chế du lịch; Nhu cầu sử dụng đất của các thiết chế du lịch; (iv) Xây dựng danh mục dự án phát triển các thiết chế du lịch của tỉnh cần ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch, phân theo giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030; (iv) Xác định nhu cầu vốn đầu tư phát triển hệ thống thiết chế du lịch của tỉnh, nguồn vốn, phân kỳ theo từng giai đoạn (2021-2025 và 2026-2030); đề xuất các giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung này đã được trình bày tại Phần VI, mục IV

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
94	<p>2.12. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện :</p> <p>- Bổ sung các cơ sở xác định chỉ tiêu sử dụng đất cho từng loại đất ở cấp tỉnh, phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, làm rõ hơn cơ sở đề xuất chuyển mục đích sử dụng đất của một số loại đất.</p>	<p>Tỉnh đã rà soát, nghiên cứu và xin giải trình như sau: Cơ sở xác định chỉ tiêu sử dụng đất đã được thể hiện chi tiết tại Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025</li> <li>+ Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, các huyện, thành phố, các tổ chức và hộ gia đình cá nhân</li> <li>+ Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh</li> </ul> <p>- Nội dung được thể hiện tại Phần III; Mục II (Phần V) báo cáo Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai</p>
95	<p>- Rà soát mục 2. Định hướng sử dụng đất theo các khu chức năng (trang 498), định hướng xác định chỉ tiêu sử dụng đất đối với khu phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh, còn thiếu, cần bổ sung.</p>	<p>Tỉnh đã rà soát, nghiên cứu và xin giải trình: Định hướng sử dụng đất theo các khu chức năng được thể hiện chi tiết tại mục 2.2 (Phần IV: II.2.2.) báo cáo Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai</p> <p>- Chỉ tiêu sử dụng đất đối với khu phát triển công được thể hiện chi tiết tại mục 2 (Phần V: II.2) báo cáo Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai</p>
96	<p>- Bổ sung đánh giá sự phù hợp của phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai của tỉnh với các phương án phát triển ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Tỉnh đã rà soát, nghiên cứu và chỉnh sửa tại mục 6.4 (Phần V: VI.6.4) báo cáo Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai.</p>
97	<p>- Diện tích đất cần thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất tương đối lớn 11.976,12 ha, trong đó đất trồng lúa 1.303,98 ha; đất trồng cây lâu năm 1.595,07 ha; đất rừng phòng hộ 1.504,39 ha; đất rừng sản xuất 2.304,74 ha, do vậy cần xây dựng lộ trình cụ thể về kế hoạch thời gian, địa điểm, diện tích chuyển đổi ...trong thu hồi, chuyển đổi đất cụ thể để thực hiện, tránh gây xáo động lớn đối với hoạt động kinh tế, xã hội trên địa bàn.</p>	<p>Tỉnh đã rà soát, nghiên cứu ý kiến góp ý, Tỉnh xin giải trình như sau: Sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 sẽ thể hiện chi tiết (danh mục, thời gian, địa điểm,...) đến từng năm và trên địa bàn từng huyện</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
98	<p>2.13. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện/ huyện cần làm rõ một số vấn đề liên quan:</p> <p>- Đối với các vùng liên huyện/huyện cần bổ sung: Dự báo quy mô dân số; dân số đô thị, dân số nông thôn; tỷ lệ đô thị hoá của vùng, trong thời kỳ quy hoạch giúp cho việc bố trí, sắp xếp hệ thống các thị trấn, trung tâm cụm xã theo nhu cầu phân bố sản xuất và phân bố dân cư trong vùng.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Để thuận lợi cho việc xây dựng các Quy hoạch cấp dưới, nội dung dự báo quy mô dân số sẽ được xác định cụ thể là Quy hoạch chung đô thị, quy hoạch vùng huyện và quy hoạch chung các xã</p>
99	<p>- Vùng liên huyện/huyện, cần bổ sung quy hoạch bố trí sắp xếp các thị trấn, trung tâm cụm xã theo nhu cầu phân bố sản xuất và phân bố dân cư trong vùng; định hướng phát triển đô thị trong thời kỳ quy hoạch phân ra từng giai đoạn (2021-2025 và 2026-2030); định hướng sử dụng đất.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch xin được giải trình: Căn cứ theo Luật Quy hoạch và các quy hoạch đô thị, nông thôn được thực hiện theo quy định hiện hành, các nội dung trên sẽ được xác định cụ thể là Quy hoạch chung đô thị, quy hoạch vùng huyện và quy hoạch chung các xã</p>
100	<p>- Xác định dự án quan trọng thuộc thẩm quyền cấp tỉnh cần ưu tiên đầu tư trên địa bàn vùng trong thời kỳ quy hoạch (tên dự án, quy mô đầu tư, diện tích đất sử dụng, nguồn vốn đầu tư, phân kỳ đầu tư); đề xuất các giải pháp thực hiện phương án quy hoạch</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung đã được trình bày tại Phụ lục 14 và cụ thể hóa cho từng ngành, lĩnh vực theo 14 Phương án đề xuất tích hợp</p>



STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
101	<p>2.14. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh bổ sung:</p> <p>a) Xử lý chất thải</p> <p>Báo cáo đã đề xuất mục tiêu đến năm 2025 có 50% các đô thị và 90% lượng CTR sinh hoạt, đến năm 2030 có 80% các đô thị có công trình tái chế và có 100% CTR sinh hoạt được thu gom và xử lý, tuy nhiên cần chú ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lai Châu là tỉnh có địa hình cao dốc là vùng đầu nguồn của hệ thống sông Đà, trong khi phương pháp xử lý của thành phố Lai Châu và 7 huyện, chủ yếu vẫn là chôn lấp lượng CTR còn lại sau khi tái chế hoặc sản xuất phân bón. Trong khi việc đầu tư các nhà máy tái chế, sản xuất phân bón chưa kịp thời và đồng bộ tại các địa phương. Do vậy ngăn ngừa việc ô nhiễm môi trường đầu nguồn phải được đặt ra và có biện pháp xử lý. Cần xây dựng lộ trình xây dựng các nhà máy xử lý CTR, hoạch các lò đốt CTR cụ thể.</li> <li>- Cần bổ sung phương án xử lý CTR sinh hoạt theo quy định của Luật BVMT, năm 2020. Theo quy định, tỉnh phải thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn thành: (i) CTR có thể tái chế; (ii) chất thải thực phẩm và; (iii) chất thải khác (Điều 75, Luật BVMT 2020, chậm nhất đến năm 2024).</li> <li>- Bổ sung xác định các dự án phát triển khu xử lý chất thải rắn quan trọng cấp tỉnh cần ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch phân theo giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030. Bổ sung xác định nhu cầu vốn đầu tư và nguồn vốn đầu tư phát triển các khu xử lý chất thải rắn liên huyện trong thời kỳ quy hoạch, phân kỳ đầu tư giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030.</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung đã được nêu cụ thể tại Phần XII, Mục I.1.4</p>
102	<p>b) Khu nghĩa trang</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung dự án ưu tiên xây dựng trên địa bàn tỉnh (tên, phạm vi phục vụ chính, địa điểm, diện tích đất sử dụng) phân theo giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030..</li> <li>- Xác định nhu cầu vốn đầu tư và nguồn vốn đầu tư xây dựng các khu nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ phục vụ liên huyện trong thời kỳ quy hoạch, phân kỳ đầu tư giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030; xây dựng các giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch.</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung đã được nêu cụ thể tại Phần XII, Mục I.1.6</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
103	<p>c) Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh:</p> <p>- Đối với các loại khoáng sản chuẩn bị cấp phép thăm dò khai thác cần xác định quy mô công suất khai thác cụ thể, định hướng mục tiêu sản phẩm chế biến và sử dụng, yêu cầu về công nghệ khai thác, chế biến đối với từng loại khoáng sản cụ thể.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung quy mô từng dự án đã được nêu tại phụ lục 11</p>
104	<p>- Đề xuất các biện pháp ngăn ngừa nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường và phục hồi môi trường trong và sau khi khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản. Đề xuất giải pháp, nguồn lực thực hiện nội dung quy hoạch.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung đã được trình bày trong Quy hoạch tại phần XI, Mục II</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
105	<p>d) Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra , cần bổ sung:</p> <p>- Bổ sung thêm nội dung xác định các khu vực cấm, hạn chế khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung liên quan đến xác định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất được quy định theo Nghị định 167/2018/NĐ-CP. Đến thời điểm hiện tại, tỉnh Lai Châu mới thực hiện QH TNN mặt, chưa tích hợp cả Nước dưới đất trong QH này. Tài liệu về nước dưới đất của tỉnh được thu thập và kế thừa từ Dự án “Biên hội thành lập bản đồ TNN Dưới đất tỷ lệ 1:200.000 cho các tỉnh toàn quốc” do Trung tâm QH và Điều tra TNN Quốc Gia thực hiện năm 2018.</p> <p>- Theo đó, các thông tin làm cơ sở để xác định vùng hạn chế khai thác như hiện trạng khai thác nước dưới đất (vị trí lỗ khoan, chiều sâu và tầng chứa khai thác, lưu lượng khai thác...), các vùng sụt lún địa hình, mức độ hạ thấp mực nước dưới đất và mực nước khai thác cho phép chưa có hoặc chưa đầy đủ. Các thông tin này nên được thực hiện trong 1 dự án chuyên môn khác thì sẽ đảm bảo tính chính xác và cập nhật hơn, làm cơ sở để Tỉnh ban hành Quyết định về Vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.</p> <p>- Do đó, tư vấn kiến nghị bổ sung nội dung “Ưu tiên triển khai thực hiện phân vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất” trong Nhóm giải pháp phi công trình/Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về TNN</p>
106	<p>- Xây dựng danh mục dự án quan trọng của tỉnh cần ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch để nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng, bảo vệ nguồn nước trong thời kỳ quy hoạch, phân theo từng giai đoạn 2021-2025 và 2026 -2030; xác định nguồn vốn đầu tư; xây dựng giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung đã được nêu cụ thể tại Phụ lục 14</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
107	e) Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh: Cần rà soát, cập nhật các công trình, dự án phát triển trạm khí tượng thủy văn; các công trình dự án phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu đã được xác định trong Quy hoạch mạng lưới trạm thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ TN&MT xây dựng; Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ NN&PTNT xây dựng; xác định các công trình trên ở quy hoạch vùng TDMNPB.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung này đã được trình bày tại Phụ lục 13 Thuyết minh báo cáo
108	- Đề nghị rà soát, chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ các nội dung theo văn bản số 5858/BNN-PCTT ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đảm bảo phù hợp với pháp luật về quy hoạch và pháp luật về phòng, chống thiên tai.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung giải trình chi tiết tại báo cáo số 1184/BC-SKHĐT ngày 29/7/2022
109	- Xây dựng danh mục dự án quan trọng của tỉnh cần ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch để phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ quy hoạch, phân theo từng giai đoạn 2021-2025 và 2026 -2030; xác định nguồn vốn đầu tư; xây dựng giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung đã được nêu cụ thể tại Phụ lục 14

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
110	f) Trong mục này còn thiếu phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học Cần bổ sung phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh	<p>Tỉnh đã rà soát, nghiên cứu và xin giải trình cụ thể như sau:  Đã bổ sung quan điểm chung của phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: “- Quy hoạch bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học tỉnh Lai Châu phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Kết hợp hài hòa giữa bảo tồn, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên Đa dạng sinh học; duy trì và phát triển các dịch vụ sinh thái, bảo vệ môi trường, bảo vệ và tôn tạo cảnh quan thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học. - Huy động mọi nguồn lực, kinh nghiệm của các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư và công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, đẩy mạnh công tác quy hoạch khu bảo tồn thiên nhiên, lồng ghép giữa mục tiêu bảo tồn và phát triển sinh kế, hướng tới giảm thiểu áp lực lên tài nguyên thiên nhiên. Nâng cao công tác quản lý nhằm giảm thiểu hoạt động khai thác trái phép, bảo vệ, phát triển động, thực vật quý, hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao; phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với bảo tồn đa dạng sinh học”</p> <p>Bổ sung định hướng bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: " Giai đoạn 2021-2030, Tổng điều tra, đánh giá tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn toàn tỉnh để đánh giá, tu liệu hóa tài nguyên đa dạng sinh học phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và cung cấp nguồn vật liệu cho lai tạo giống, phát triển rừng trồng, tạo sản phẩm mới, thương hiệu mới; nâng cao khả năng cạnh tranh trong xu thế hội nhập quốc tế và tập trung nguồn lực để quản lý, bảo vệ, bảo tồn các khu rừng có giá trị bảo tồn cao. Đối tượng quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
111	<p>2.15. Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện</p> <p>-Báo cáo đã xây dựng được quy trình lựa chọn dự án ưu tiên và xếp hạng dự án quan trọng tương đối phù hợp, đã đề xuất 212 dự án thuộc 18 ngành, lĩnh vực, trong đó có 88 dự án ưu tiên, 113 dự án thu hút đầu tư, 2 dự án BOT và 9 dự án từ nhiều nguồn khác nhau. Các dự án đề xuất, nên có phụ lục kèm theo để có thể rà soát cụ thể.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung đã được nêu cụ thể tại Phụ lục 14</p>
112	<p>2.16. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch</p> <p>Các giải pháp, thực hiện quy hoạch được đề xuất gồm 9 nhóm giải pháp tương đối đầy đủ, tuy nhiên cần rà soát bổ sung: Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực, nên rà soát, bổ sung các hình thức đào tạo lao động cụ thể như liên kết với các trường đào tạo trên địa bàn tỉnh hoặc vùng; thu hút lực lượng lao động ngoại tỉnh... để nâng cao chất lượng lao động của tỉnh.</p> <p>Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách bổ sung giải pháp phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã trong đó chú trọng phát triển các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp hàng hóa, hiện đại, quy mô lớn, nông nghiệp hữu cơ, hiệu quả cao và các hợp tác xã xuất khẩu sản phẩm nông sản chủ lực gắn với vùng nguyên liệu đảm bảo phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030 được phê duyệt tại Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ...</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát hồ sơ quy hoạch và xin giải trình: Các giải pháp thực hiện quy hoạch đã bám sát yêu cầu của Luật QH. Theo đó chỉ nêu các giải pháp tổng thể, không đi sâu vào giải pháp phát triển từng ngành, lĩnh vực.</p>
113	<p>3. Bản đồ</p> <p>Bản đồ xây dựng gồm 92 bản đồ các loại, trên khổ A4 có tỷ lệ nhỏ: 1/1.000.000 và 1/100.000 nên khó theo dõi; do tỷ lệ nhỏ, các thông tin thể hiện không hết. Các bản đồ còn trùng lặp như 2 Bản đồ hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn, 2 Bản đồ quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn ... các loại bản đồ khác cũng tương tự, cần, đối với bản đồ cần rà soát, bổ sung</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã đảm bảo các tỷ lệ bản đồ và danh mục như góp ý</p>
114	<p>- Cần rà soát in ấn các bản đồ với tỷ lệ 50.000, thể hiện đủ thông tin theo lĩnh vực trên 1 bản đồ, không cần in 2 bản đồ cùng một mục tiêu, khó theo dõi. Mặt khác ngoài màu sắc cần dùng thêm ký hiệu để thể hiện, tránh các tông màu gần nhau, dễ nhầm lẫn.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và xin giải trình: Bản đồ in tỷ lệ 1/100.000 theo đúng quy phạm của Bộ Tài nguyên Môi trường theo diện tích tự nhiên của tỉnh Lai Châu</p>
115	<p>- Rà soát các bản đồ cần thiết theo quy định tại mục Mục IX, Phụ lục I, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã đảm bảo các tỷ lệ bản đồ và danh mục như góp ý</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
116	- Bổ sung các bản đồ còn thiếu: Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình: Đã có bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên (Số 19)
	<b>Đồng chí Nguyễn Đức Hùng</b>	
1	<p>1) Về căn cứ lập quy hoạch</p> <p>Các căn cứ, thông tin, số liệu, dữ liệu đầu vào để xây dựng các nội dung trong báo cáo quy hoạch tỉnh rất nhiều; tuy nhiên, đề nghị cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu, rà soát lại các căn cứ lập quy hoạch đảm bảo tính thời sự, thống nhất; trong đó loại bỏ một số văn bản đã hết hiệu lực hoặc không có liên quan; đồng thời bổ sung một số văn bản, tài liệu (hiện nay, trong báo cáo còn thiếu nhiều các văn bản có liên quan đến việc lập quy hoạch tỉnh) như: Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022, Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày ngày 16/6/2022, Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021, Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020...; sắp xếp lại các tài liệu theo đúng nơi ban hành.</p>	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung theo góp ý
2	<p>2) Về mục tiêu quy hoạch</p> <p>Đề nghị cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu, rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các mục tiêu thể hiện trong báo cáo phù hợp, đồng bộ và thống nhất với các mục tiêu đã được nêu tại Điều 1 Quyết định số 349/QĐ-TTg ngày 06/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ</p>	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã xây dựng bộ chỉ tiêu, mục tiêu phù hợp như ý kiến tham gia
3	<p>3) Về phương pháp lập quy hoạch:</p> <p>Đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát lại tiêu đề và các phương pháp lập quy hoạch cho phù hợp; phương pháp điều tra, thu thập thông tin đang bị trùng lặp, nội dung phương pháp chưa phù hợp và đầy đủ; theo tôi, hiện nay không có phương pháp bản đồ mà đây là nội dung kỹ thuật làm và thể hiện trên bản đồ.</p>	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã chỉnh sửa

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
4	<p>4) Về bố cục của báo cáo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị rà soát, bố cục lại một số nội dung của báo cáo quy hoạch tỉnh Lai Châu theo trình tự đã được quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và bổ sung chi tiết, hoàn thiện các nội dung của quy hoạch tỉnh theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 37/2013/NĐ - CP và Quyết định số 349/QĐ-TTg ngày 06/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ để tránh trùng lặp giữa các nội dung và đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực. Hiện nay, nhiều nội dung đánh giá hiện trạng tại Phần II và Phần III; Phần VII, Phần VIII và Phần XI có sự trùng lặp.</li> <li>- Cần rà soát, nghiên cứu lồng ghép nội dung, tiêu đề đối với các nội dung trong báo cáo tổng hợp theo hướng ngắn gọn; tránh phân mục quá tràn lan, nội dung thể hiện không được nhiều. không có sự gắn kết giữa các ngành lĩnh vực trong phương án quy hoạch.</li> <li>- Theo Luật Quy hoạch thì đây là lần đầu thực hiện việc lập quy hoạch theo hướng tích hợp đa ngành, đa lĩnh vực; tuy nhiên theo Khoản 10 Điều 3 Luật Quy hoạch thì “Tích hợp quy hoạch là phương pháp tiếp cận tổng hợp và phối hợp đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường...”. Do đó, để có cơ sở và bài học kinh nghiệm trong việc lập quy hoạch tỉnh thì cần bổ sung phần đánh giá kết quả thực hiện các quy hoạch trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2020 như: quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, đô thị, nông nghiệp, lâm nghiệp. Hơn nữa, bản chất hiện nay chúng ta vẫn đang xây dựng các hợp phần và tích hợp vào quy hoạch tỉnh Lai Châu; đồng thời trong báo cáo có ngành, lĩnh vực thì có nội dung này có ngành, lĩnh vực thì không.</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã điều chỉnh bố cục cho phù hợp</p>
5	<p>5) Về nội dung phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh lai châu</p> <p>Đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát, cập nhật theo kịch bản biến đổi khí hậu 2020 do Bộ TNMT công bố theo Công văn số 8272/BTNMT-BĐKH ngày 31/12/2021 tại trang 20, 40 của báo cáo tổng hợp. Trên cơ sở đó, rà soát, cập nhật lại Kịch bản biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh tỉnh Lai Châu tại trang 64 cho phù hợp.</p> <p>Ngoài ra phần này viết quá dài, các nội dung đề xuất, chương trình, giải pháp còn rất chung chung, có thể áp dụng được tại nhiều tỉnh. Đề nghị nghiên cứu bổ sung các nội dung đề xuất thiết thực gắn với các địa bàn, vị trí cụ thể của Lai Châu</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung chỉnh sửa theo góp ý</p>



STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
6	<p>6) Về nội dung hiện trạng sử dụng đất, hệ thống đô thị và nông thôn và kết cấu hạ tầng tỉnh lai châu giai đoạn 2011-2020</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát, bổ sung nội dung tiềm năng đất đai theo Điểm c Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 37/2013/NĐ - CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ: đây là nội dung rất quan trọng, làm cơ sở phân vùng sử dụng đất, phân vùng phát triển của tỉnh đảm bảo phù hợp với tiềm năng đất đai, tiềm năng của các ngành, lĩnh vực</li> <li>- Rà soát, thống nhất lại số liệu về hiện trạng đất đai giữa nội dung phân tích và bảng biểu, phụ lục kèm theo đảm bảo tính phù hợp, đồng bộ và thống nhất.</li> <li>- Rà soát, cập nhật không nên đưa thông tin quy hoạch vào phần đánh giá hiện trạng các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh tại Mục IV phần III của báo cáo.</li> <li>- Phần này nên bổ sung nội dung đánh giá biến động, xu thế chuyển dịch đất đai, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 là cơ sở để khoanh vùng đất đai, cũng như các ngành lĩnh vực khác có sử dụng đất.</li> </ul>	<p>Tỉnh đã rà soát, nghiên cứu và xin giải trình: nội dung tiềm năng đất đai thể hiện chi tiết tại Mục III, phần II Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã rà soát, thống nhất số liệu giữa báo cáo và bảng biểu.</li> <li>- Nội dung đánh giá biến động, xu thế chuyển dịch đất đai thể hiện chi tiết tại phần II, mục I.2 trong báo cáo Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai</li> </ul>
7	<p>7) Về nội dung đánh giá bối cảnh, nhận định về thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh lai châu thời gian tới</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần rà soát, làm rõ thực trạng và định hướng phát triển của các tỉnh lân cận có tác động tới định hướng phát triển của tỉnh Lai Châu là gì; từ đó làm cơ sở xác định các mục tiêu, định hướng và giải pháp phát triển tỉnh Lai Châu trong giai đoạn 2021 - 2030 đảm bảo tính liên tỉnh, tháo gỡ những khó khăn như đã phân tích tại phần hiện trạng. Hiện nay, nội hàm nội dung này chưa có mà mới chỉ phân tích một số thực trạng và định hướng phát triển của các tỉnh lân cận; đồng thời cần rà soát cập nhật các thông tin mới nhất quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 của các tỉnh đến thời điểm hiện tại. Ngoài ra, cần nghiên cứu, sắp xếp lại các yếu tố, điều kiện tác động cho phù hợp theo hướng từ quốc tế đến quốc gia, vùng rồi mới đến các tỉnh lân cận trong vùng.</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát hồ sơ quy hoạch và xin giải trình: Để làm rõ thực trạng và định hướng phát triển của các tỉnh lân cận, tỉnh đã tham khảo các dự thảo quy hoạch của các tỉnh đã xin ý kiến tham gia, đảm bảo nội dung Định hướng phát triển của các tỉnh lân cận là cập nhật nhất tại thời điểm lập báo cáo. Đồng thời, tỉnh đã rà soát sắp xếp lại các nội dung đánh giá Các yếu tố; điều kiện phát triển đã căn cứ theo quy định của Luật Quy hoạch.</p>
8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát, cập nhật lại những thông tin, nhận định đảm bảo tính thời sự, thống nhất giữa các nội dung báo cáo đến thời điểm 2022 tại mục 2.1 “Triển vọng kinh tế vĩ mô của Việt Nam”.</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình: Theo Luật QH, việc đánh giá hiện trạng chỉ thực hiện đến cuối kỳ QH trước - năm 2020, thuyết minh QH đã cố gắng cập nhật số liệu bổ sung của 2021 và 2022 đối với các số liệu đã công bố</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
9	<p>8) Về nội dung đánh giá bối cảnh, nhận định về thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh lai châu thời gian tới quan điểm, lựa chọn phương án, mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế- xã hội thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>- Rà soát lại tên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ cho phù hợp với tên vùng theo Quyết định 495/QĐ-TTg 20/42022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung chỉnh sửa theo góp ý</p>
10	<p>- Đề nghị rà soát các mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội, môi trường phù hợp, thống nhất với kịch bản đã lựa chọn (kịch bản 2); đồng thời phù hợp với các chủ trương, định hướng đã được nêu tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2025 vì đây là tiền đề để triển khai thực hiện các chỉ tiêu của kịch bản đã nêu.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình: việc xây xác định các mục tiêu kinh tế-xã hội đã bám sát Nghị quyết ĐH Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2021-2025.</p>
11	<p>- Đề nghị cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu, nên đưa nội dung Mục IV “Các nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá phát triển” xuống nội dung của phần XIII của báo cáo thì phù hợp hơn; trên cơ sở các phương án quy hoạch của các ngành, lĩnh vực.</p>	<p>Tỉnh đã rà soát, nghiên cứu và xin giải trình: Kết cấu của Báo cáo đã được xây dựng trên cơ sở hướng dẫn của Luật Quy hoạch và các văn bản liên quan.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
12	<p>9) Về nội dung phần VI “phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng”</p> <p>- Đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát, nghiên cứu lại giải pháp “.... Đối với diện tích đất trên, cho phép xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động trước và sau sản xuất nông nghiệp .... trên đất nông nghiệp” trong phương án phát triển ngành nông nghiệp tại mục V phần VI cho phù hợp với định hướng sửa đổi luật đất đai năm 2013. Hơn nữa; theo phân loại đất như hiện nay thì đã có loại đất nông nghiệp khác “gồm đất sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh”. Nếu cho phép xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động trước và sau sản xuất nông nghiệp (như xưởng thiết bị nông nghiệp, logistics, chế biến, lưu trữ, bảo quản nông sản) trên đất nông nghiệp như vậy sẽ làm mất tầng canh tác; hơn nữa khi xây dựng như vậy sẽ được thống kê vào các loại đất phi nông nghiệp và có chế độ sử dụng khác.</p>	<p>Tỉnh đã rà soát, nội dung theo góp ý đã được bổ sung nội dung tuân thủ Luật Đất đai (sửa đổi) nhằm đảm bảo việc thực hiện chính sách này tuân thủ pháp luật hiện hành</p>
13	<p>10) Về nội dung phần IX “Phương án phát triển kết cấu hạ tầng”</p> <p>- Cần nghiên cứu, rà soát bổ sung những căn cứ, cơ sở và luận chứng phương án phát triển kết cấu hạ tầng; đặc biệt là hạ tầng xã hội (<b>văn hoá, y tế, thể dục thể thao,..</b>) gắn với các phương hướng phát triển của các ngành tại phần VII.</p>	<p>Tỉnh đã rà soát, nghiên cứu và xin giải trình: Thuyết minh quy hoạch đã tái cấu trúc, đưa nội dung về phát triển hạ tầng phục vụ ngành lên gộp chung cho nội dung trình bày về định hướng phát triển ngành để đảm bảo tính logic, không trùng lặp</p>
14	<p>10) Về nội dung phần IX “Phương án phát triển kết cấu hạ tầng”</p> <p>- Cần nghiên cứu, rà soát bổ sung những căn cứ, cơ sở và luận chứng phương án phát triển kết cấu hạ tầng; đặc biệt là hạ tầng xã hội (<b>văn hoá, y tế, thể dục thể thao,..</b>) gắn với các phương hướng phát triển của các ngành tại phần VII.</p>	<p>Tỉnh đã rà soát, nghiên cứu và xin giải trình: Các phương án đề xuất đã được rà soát và gắn kết với phương án phát triển ngành</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
15	Đối với phương án phát triển lưới điện cần luận giải cụ thể căn cứ, cơ sở phương án phát triển đến năm 2030 trên cơ sở nhu cầu sử dụng điện năng; tiềm năng phát triển năng lượng, hệ thống truyền tải cung cấp năng lượng lên lưới điện quốc gia.	Tỉnh đã rà soát, nghiên cứu và xin giải trình như sau: Trên cơ sở Kế hoạch số 1798/KH-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh, Chương trình hành động số 41/CTr/TU ngày 01/6/2020 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW, ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đơn vị tư vấn quy hoạch đã thực hiện khảo sát thực tế, tính toán, thiết kế trên cơ sở nhu cầu sử dụng điện, tiềm năng phát triển nguồn điện của tỉnh và danh mục các công trình lưới điện truyền tải theo Quy hoạch điện VIII đã được phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg.
16	- Nghiên cứu, rà soát bỏ mục 5 Phần VII “Phương án phát triển các hạ tầng khác” vì nội dung không phù hợp và bị trùng lặp.	Tỉnh đã rà soát, nghiên cứu và điều chỉnh: + Mục 5.1 ở phần này đưa lên Nội dung ở Phần VI, mục V.1.3.4 + Mục 5,2 gộp chung với Phần IX, mục VII.4.3
17	11) Về nội dung phần X “phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai” - Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai là một trong những nội dung chính của Quy hoạch tỉnh; là phương án tích hợp của tất cả cả ngành, lĩnh vực và địa phương có sử dụng đất; giải quyết, xử lý mâu thuẫn, chồng chéo trong việc sử dụng đất nhưng vẫn đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và địa phương trên cơ sở quỹ đất hiện có, tiềm năng và nguồn lực để phát triển; đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý và hiệu quả. Tuy nhiên, hiện nay nội dung này thể hiện trong báo cáo còn mờ nhạt, mới chỉ là các con số mà chưa phân tích, luận giải đầy đủ các căn cứ, cơ sở theo các nội dung chính tại Khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2013/NĐ - CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.	Tỉnh đã rà soát, nghiên cứu và xin giải trình: Nội dung đánh giá chi tiết được thể hiện tại Phần V, mục II.1 báo cáo Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai
18	- Rà soát lại quan điểm sử dụng đất vì hiện nay không có khái niệm đất chuyên dùng trong các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.	Tỉnh đã rà soát, nghiên cứu và chỉnh sửa nội dung quan điểm sử dụng đất tại Mục I, Phần IV

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
19	<p>- Về nội dung “Định hướng sử dụng đất theo các khu chức năng” cần xác định, khoanh vùng và tính toán diện tích các khu chức năng làm cơ sở để xác định các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất phù hợp với từng địa bàn. Ngoài ra; trong báo cáo có xác định diện tích khu phát triển công nghiệp và khu dân cư nông thôn đang có sự nhầm lẫn và chưa chính xác.</p>	<p>Tỉnh đã rà soát, nghiên cứu, chỉnh sửa tại báo cáo phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai:  + Định hướng sử dụng đất theo các khu chức năng được thể hiện chi tiết tại mục 2.2 (Phần IV: II.2.2.)  + Chỉ tiêu sử dụng đất đối với khu chức năng được thể hiện chi tiết tại mục 2 (Phần V: II.2)</p>
20	<p>- Về các chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2030: số liệu đưa ra chưa phân tích, luận giải căn cứ, cơ sở tính toán, cân đối, xác định và phân bổ các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 trên cơ sở phương án phát triển của các ngành, lĩnh vực và địa phương đã phân tích ở các phần trên. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất chưa có sự gắn kết với các mục tiêu, định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực và địa phương có sử dụng đất.</p>	<p>Tỉnh đã rà soát, nghiên cứu và xin giải trình như sau: Nội dung căn cứ, cơ sở tính toán, cân đối, xác định và phân bổ các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được thể hiện chi tiết tại phần III và mục II.1 phần V</p>
21	<p>Đề nghị Cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu, rà soát bóc tách chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 của Chính Phủ và Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 9/3/2022. Theo Quyết định 326/QĐ-TTg thì chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng không bao gồm 05 chỉ tiêu sau: Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia; Đất cơ sở tôn giáo; Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; Đất có di tích lịch sử văn hóa và Đất bãi thải, xử lý chất thải. Ngoài ra, nếu vận dụng hướng dẫn theo Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì diện tích chỉ tiêu này cũng không đúng.</p>	<p>Tỉnh đã rà soát, nghiên cứu và đã chỉnh sửa chi tiết tại mục Bảng 22, mục II.1 phần V báo cáo phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai</p>
22	<p>- Bổ sung nội dung tầm nhìn sử dụng đất đến năm 2050, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các phương án quy hoạch khác.</p>	<p>Tỉnh đã rà soát, nghiên cứu, bổ sung nội dung định hướng đến năm 2050 tại mục III, phần IV báo cáo phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
23	<p>12) Phần VI. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng</p> <p>- Phần luận chứng phương hướng về công nghiệp nhưng báo cáo tập trung nêu về phát triển năng lượng, khai thác khoáng sản, sản xuất nông nghiệp, chế biến nông lâm, thủy sản. Phần này nên điều chỉnh bỏ phần đánh giá về năng lượng, nông nghiệp, du lịch... có thể tập trung viết về công nghiệp khai khoáng và công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản. Tuy nhiên cần lưu ý không nhầm lẫn giữa khu vực chế biến khoáng sản với khu vực khoáng sản; công nghiệp điện với năng lượng.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình: Tại mục II. Phương hướng phát triển ngành công nghiệp đã bỏ các luận chứng về tiềm năng phát triển các lĩnh vực chế biến nông lâm thủy sản, năng lượng, nội dung đi thẳng vào định hướng phát triển các ngành công nghiệp.</p>
24	<p>Bản đồ mô tả hiện có qua nhiều công nghiệp chế biến nông lâm, thủy sản, chế biến khoáng sản, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, theo tôi phần này chỉ nên thể hiện các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.</p> <p>Tóm lại phần này còn có sự lẫn lộn giữa phần công nghiệp với các lĩnh vực khác, cần có thể hiện mạch lạc, rõ ràng hơn.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung chỉnh sửa theo góp ý</p>
25	<p>- Giải pháp phát triển công nghiệp từ phát triển hạ tầng, cơ chế chính sách, huy động nguồn lực, môi trường, khoa học và công nghệ, quản lý... đều mang tính chung chung, chưa gắn vào địa bàn Lai Châu.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình: Tiếp thu ý kiến, báo cáo đã chỉnh sửa toàn bộ nội dung về giải pháp phát triển ngành công nghiệp theo hướng gắn sát với địa bàn tỉnh Lai Châu.</p>
26	<p>13) Phần VII. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác</p> <p>Nông nghiệp: cần rà soát quy hoạch trên cơ sở đánh giá về tiềm năng, chất lượng đất, khí hậu... của tỉnh; gắn kết với phần đánh giá tiềm năng đất đai, ví dụ như quy hoạch 35 nghìn ha cây Macca</p> <p>Phương hướng phát triển các ngành đều được trình bày độc lập; có ngành thì có đưa ra các giải pháp rất cụ thể, có ngành thì không (giáo dục, y tế...).</p> <p>Nói chung phần VI. VII nên gộp lại, định hướng các phần cần viết ngắn gọn, xúc tích, bám sát địa bàn quy hoạch.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch xin được giải trình: Các ngành Nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và du lịch được xác định là ngành trụ cột do đó có trình bày cụ thể giải pháp, các lĩnh vực còn lại phần giải pháp được cụ thể hóa tại báo cáo tích hợp</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
27	<p>14) Về nội dung phần XIII</p> <p>a. Về nội dung phương án tổ chức hoạt động kinh tế, xã hội, các khu chức năng và liên kết không gian</p> <p>Phần này cần cân nhắc đảm bảo tính đồng bộ thống nhất về mặt không gian, hiện đang thể hiện phân vùng theo hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm chính trị - hành chính</li> <li>- Không gian dịch vụ xã hội và khu bảo tồn: ghép 2 hoạt động này với nhau chưa phù hợp.</li> <li>- Không gian liên vùng (các vùng kinh tế): vùng kinh tế động lực QL.32 và QL.4D; Vùng kinh tế lâm - nông nghiệp sinh thái sông Đà</li> <li>- Khu quân sự, an ninh</li> </ul> <p>Theo tôi nên phân vùng không gian phát triển là rất quan trọng, là cơ sở để định hình phát triển dài hạn, đối với phương án quy hoạch, thể hiện theo hướng, phân vùng 03 khu: khu vực cần bảo vệ như đất rừng phòng hộ, đặc dụng, khu bảo tồn... đất quốc phòng an ninh; khu vực hạn chế phát triển như vùng đệm các khu bảo tồn, đất trồng lúa... và khu vực còn lại là khu vực phát triển với các vùng động lực phát triển.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã biên tập theo góp ý, phần nội dung đã được trình bày ở phần phân vùng BVMT</p>
28	<p>b. “dự án ưu tiên đầu tư, giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch”</p> <p>- Việc xác định các dự án ưu tiên đầu tư đã được thực hiện theo Khoản 13 Điều 28 Nghị định số 37/2013/NĐ - CP ngày 07/5/2019; trong đó đã xác định các tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư, quy trình lựa chọn dự án, các định hướng xác định dự án thu hút đầu tư và luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng cấp tỉnh, sắp xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện. Tuy nhiên, đây mới chỉ là tiêu chí, quy trình và cách thức thực hiện mà chưa gắn kết cụ thể với các công trình đã xác định tại Phụ lục 13; các danh mục này cần gắn với từng tiêu chí cụ thể và sắp xếp đáp ứng các tiêu chí đưa ra.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung tại Phần XIII, mục I.1</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
29	<p>- Về các nhóm giải pháp, hiện nay đang có sự trùng lặp; phương án quy hoạch của các ngành, lĩnh vực cũng có giải pháp; tuy nhiên một số giải pháp đã được thể hiện ở mục II phần XIII.</p> <p>Về nội dung này theo tôi nên tổng hợp lại và đưa toàn bộ các giải pháp của tất cả các phương án xuống mục II phần XIII; trong đó tách thành 2 nội dung là các giải pháp chung và các giải pháp theo từng ngành, lĩnh vực.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Ở các ngành có vai trò động lực, đã biên tập bổ sung thêm các giải pháp cụ thể để thuận lợi trong quá trình triển khai, đối với các ngành lĩnh vực khác sẽ cụ thể khi QH được phê duyệt. Nội dung giải pháp của Phần XIII là phần giải pháp tổng thể cho việc thực hiện quy hoạch</p>
	<b>Đồng chí Phạm Hoài Chung</b>	
1	<p>Hồ sơ Quy hoạch còn thiếu một số nội dung, đề nghị bổ sung thuyết minh làm rõ phương pháp tích hợp các hợp phần trong quy hoạch tỉnh:</p> <p>+ Thứ tự đưa các hợp phần vào quy hoạch (hợp phần nào có trước, hợp phần nào đưa vào sau, khu vực cần hạn chế phát triển,...) phải đảm bảo tính tiếp cận tổng thể từ trên xuống, tính liên ngành, liên lãnh thổ để tránh phải điều chỉnh các hợp phần nhiều lần.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung tại Phần mở đầu, mục V.2</p>
2	<p>+ Đề nghị bổ sung định hướng các hành lang kinh tế của tỉnh (liên vùng, liên tỉnh, liên huyện,...), dự kiến phân chia các khu vực phát triển đô thị, công nghiệp, khu du lịch... làm cơ sở tổng hợp thành quy hoạch hoàn chỉnh.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung này được trình bày ở nội dung Trục động lực Phần V, mục III.3.1</p>
3	<p>+ Mức độ chi tiết của quy hoạch tỉnh Lai Châu đề nghị rà soát theo khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch và văn bản số 373/BKHĐT-QLQH ngày 22/01/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cách thức, mức độ chi tiết tích hợp quy hoạch tỉnh.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã đảm bảo đáp ứng</p>
4	<p>Về hiện trạng GTVT:</p> <p>1. Báo cáo cần rà soát, cập nhật lại số liệu đường quốc lộ toàn quốc trong Bảng 50, trang 177, BCTH hiện nay là 21.550 km, sai số nhiều so với Báo cáo QH Đường bộ Việt Nam phê duyệt tại Quyết định 1454/QĐ-TTg là 24.321 km.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung cập nhật và tính toán lại theo số cập nhật của Báo cáo QH Đường bộ Việt Nam phê duyệt tại Quyết định 1454/QĐ-TTg là 24.321 km.</p>
5	<p>2. Đề nghị bổ sung số liệu đánh giá về tỷ trọng vốn đầu tư trong phân đánh giá hiện trạng từ trang 176-190; cơ cấu vốn đầu tư cho các dự án GTVT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2020 làm cơ sở phân tích, đánh giá.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình: số liệu đánh giá về tỷ trọng vốn đầu tư đã được trình bày cụ thể trong Báo cáo Thực trạng và phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Lai Châu là một phần của hồ sơ quy hoạch</p>



STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
6	3. Đề nghị sửa lại sai số năm tại mục 1.4.2, trang 186 cần sửa lại sai số năm 2017 chứ không phải là Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/2/2107 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistic Việt Nam đến năm 2025.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã sửa lỗi chính tả
7	4. Nhiều nội dung trong các mục đánh giá KCHTGT của tỉnh còn lộn xộn, như mục 1.5 trang 187, Đánh giá thực trạng, tồn tại, điểm nghẽn chính: đây là quy hoạch hạ tầng nhưng trong báo cáo đánh giá hoạt động vận tải và phương tiện là không phù hợp, đề nghị bỏ phần này (trang 187-188).	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã biên tập theo góp ý
8	5. Trong báo cáo thiếu phần đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch trước đây, do đó đề nghị tư vấn bổ sung phần đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch thời kỳ trước để rút ra những ưu điểm, tồn tại, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm cho việc triển khai lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch giao thông đã được nêu cụ thể tại Báo cáo Thực trạng và Phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Lai Châu (một phần của hồ sơ quy hoạch)
9	6. Số liệu báo cáo còn thiếu nhiều, đề nghị bổ sung đánh giá thực trạng phát triển về vận tải, phương tiện vận tải, tăng trưởng khối lượng vận tải hàng hóa, hành khách (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa) thời kỳ 2011-2020, các luồng/ tuyến vận tải hàng hóa, hành khách chính trên địa bàn tỉnh... để làm cơ sở đánh giá kết nối giao thông vận tải, đề xuất các giải pháp giảm chi phí vận tải, chi phí logistics và dự báo nhu cầu vận tải.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình: số Số liệu về vận tải, phương tiện đã có trong Phần II, Mục I, tiểu mục 4.4 (Thực trạng lĩnh vực logistics và vận tải) nên không nêu lại trong mục về kết cấu hạ tầng giao thông
10	7. Phần đánh giá tồn tại, hạn chế chưa nổi bật, còn mang tính chung chung, một số nhận định sai, chưa đánh giá được điểm nghẽn chính là kết nối giao thông, do đó, trong báo cáo phân tích cần làm rõ các tồn tại, hạn chế cụ thể: + Ví dụ nhận định trong mục 1.5 trang 188 “Nhìn chung, hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh đến nay đã tương đối hoàn chỉnh về mạng lưới, khả năng kết nối cao, liên hoàn, tạo thành một mạng lưới giao thông thông suốt từ trung ương đến địa phương, từ tỉnh đến huyện xã, thôn...” là mâu thuẫn với đánh giá chung về kinh tế xã hội về tỉnh Lai Châu là tỉnh miền núi, không thuận lợi về kết nối giao thông, gặp nhiều khó khăn, địa hình chia cắt...do đó, đề nghị tư vấn sửa lại trong Hồ sơ.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung chỉnh sửa thành: Nhìn chung, hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh đến nay đã tương đối hoàn chỉnh về mạng lưới, đáp ứng ở mức cơ bản nhu cầu đi lại và liên kết nội tỉnh và kết nối tỉnh Lai Châu và các tỉnh lân cận và nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo quốc phòng-an ninh của tỉnh trong giai đoạn hiện tại.

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
11	Về tồn tại hạn chế cần đánh giá tập trung vào các vấn đề như sau: - Kết nối nhanh liên vùng, về Thủ đô Hà Nội là điểm nghẽn lớn trong kết nối giao thông do: chưa có cao tốc; chưa có sân bay (nếu có thì khoảng cách địa lý với Vùng Thủ đô sẽ rút ngắn rất nhiều: nếu đi máy bay thì khoảng 50 phút; đi cao tốc khoảng 4h).	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã biên tập theo góp ý
12	- Kết nối cửa khẩu Ma Lù Thàng/ Kim Thủy Hà (TQ) kém do QL12, QL4D chất lượng và năng lực vận tải còn thấp (theo kế hoạch dự kiến lên cửa khẩu quốc tế năm 2022)	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã biên tập theo góp ý
13	- Kết nối liên tỉnh còn kém theo các hướng kết nối với các tỉnh liền kề Sơn La qua QL 279, 279D; kết nối Điện Biên qua QL12, QL4H, QL6, QL279; kết nối Yên Bái qua QL32, kết nối Sapa (Lào Cai) qua đèo Hoàng Liên Sơn còn kém.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã biên tập theo góp ý
14	- Điều kiện địa hình khu vực núi cao, bị chia cắt nhiều, thủy văn phức tạp nên suất đầu tư xây dựng công trình lớn (nhiều cầu cạn, hầm, dốc cao, đèo hiểm trở...).	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã biên tập theo góp ý
15	- Chất lượng đường bộ trên địa bàn tỉnh rất thấp từ quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện đa phần kém, riêng tỷ lệ đường quốc lộ thống kê lên đến 60% là từ trung bình, xấu, rất xấu.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã biên tập theo góp ý
16	- Nguồn lực đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông còn hạn chế nên đã ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu trong quy hoạch giai đoạn trước đề ra.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã biên tập theo góp ý
17	- Cơ chế, chính sách phát triển chưa tạo đột phá, quy hoạch thiếu liên kết, thiếu đồng bộ giữa các chuyên ngành.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung về các đột phá phát triển đã được nêu tại Phần V, mục IV.1. Quá trình tích hợp các nội dung đã tính toán đến sự đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực
18	- Mạng đường bộ phân bố không đều, khu vực phía Đông tỉnh (Tp Lai Châu, Tam Đường, Tân Uyên, Than Uyên, Phong Thổ) mật độ đường bộ cao hơn hẳn khu vực phía Tây tỉnh (Mường Tè, Nậm Nhùn).	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch xin được giải trình: Do đặc thù của địa hình, đồng thời, khu vực phía Đông tỉnh được xác định là trục động lực nên đầu tư cho hạ tầng giao thông tập trung hơn trong giai đoạn QH
19	- Và cần lưu ý bổ sung tồn tại, hạn chế là tình trạng sạt lở đường bộ, chia cắt do mưa lũ ảnh hưởng lớn đến chất lượng đường bộ và khả năng lưu thông vận tải đường bộ.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung ở Phần III, Mục III.1.6

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
20	<p>Về Phương án Phát triển GTVT đến năm 2030:</p> <p>1. Đối với đường tỉnh, đường huyện để đảm bảo tính mở của quy hoạch, đề nghị quy hoạch theo hướng quy mô tối thiểu; các đoạn qua đô thị xác định quy mô phù hợp với quy hoạch đô thị (không phải quy mô tối thiểu).</p>	<p>Tỉnh đã tiếp thu và biên tập theo góp ý</p>
21	<p>2. Về kết nối giao thông: cần viết trong Phương án phát triển GTVT các hướng kết nối nào cần ưu tiên, đột phá, trong báo cáo viết hiện nay chưa rõ nội dung này; cần phải có danh mục các dự án ưu tiên kết nối vùng, liên vùng kèm theo.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát hồ sơ quy hoạch và bổ sung các điểm kết nối giao thông quan trọng được tại phần VIII, mục II</p>
22	<p>3. Trong mục II, trang 691, Giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch cần bố cục lại cho phù hợp: như tiểu mục 1, 1.1 “Nhóm giải pháp về huy động, sử dụng nguồn lực, thu hút vốn đầu tư” lại có mục “Dự báo nhu cầu và cơ cấu vốn đầu tư” trong đó đưa ra kịch bản dự báo GRDP với kịch bản 1 tăng 9,5%/năm; kịch bản 2 là 10,6% để lựa chọn... cần xem lại số liệu, đồng thời chuyển nội dung dự báo và kịch bản trang 681-692 về trước phần Phương án phát triển KT-XH, để đây không phù hợp với nội dung giải pháp và lẫn lộn. Vì lựa chọn kịch bản trước sau đó mới đề ra danh mục dự án đầu tư phát triển các ngành đáp ứng, sau cùng mới là giải pháp mới đảm bảo logic trong báo cáo Quy hoạch.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung dự báo vốn đầu tư phân kỳ theo từng năm</p>
23	<p>4. Tại mục 1.2.2. Về huy động nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước: đây là vấn đề khó, đã có nêu ra, nhưng giải pháp đột phá chưa có, chưa đề xuất, cần làm rõ hơn, như tỷ lệ góp vốn nhà nước tối đa có vượt quá 50% được không, để hấp dẫn nhà đầu tư...</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình: Việc đánh giá hiện trạng không đi quá sâu và từng nội dung chi tiết của các ngành, do dung lượng báo cáo có hạn.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
24	<p>5. Một số số liệu sai, cần làm rõ và xem xét lại đánh giá “Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng là 31,9%” trang 23, Phụ lục kèm theo Báo cáo của Thị trấn Sin Hồ, theo quy định Luật Giao thông đường bộ tỷ lệ này từ 16%-26%, và đánh giá của toàn tỉnh chỉ tiêu trong báo cáo tổng hợp, Bảng 68, trang 428 mâu thuẫn lớn (hiện trạng là 12%, 2030 phấn đấu 20%)  Cụ thể: Phong Thổ 7,56%; Sin Hồ: 31,9%; Than Uyên 4,45%; Mường Tè: 6,6%; Tam Đường 12%; Tân Uyên 7,36%...</p> <p>Riêng Tân Uyên: giao thông đối ngoại 20.180 km<sup>2</sup>; diện tích giao thông trực chính và đường khu vực đô thị 35.170 km<sup>2</sup>, tại trang 27, Phụ lục báo cáo (tương đương với khoảng 5 triệu km đường mặt cắt ngang bình quân 7m), là số liệu sai, tư vấn làm ầu, không rà soát kĩ. Đề nghị rà soát kĩ và sửa lại cho đúng các số liệu trên trước khi trình Hội đồng thẩm định.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch xin được giải trình: Các số liệu đã được tỉnh rà soát và biên tập; thị trấn Sin Hồ là 3,19%; đơn vị tính của diện tích đường giao thông đối ngoại là m<sup>2</sup></p>
25	<p>6. Phần danh mục các dự án Phụ lục 13, mục VII, nên rà soát lại danh mục này, cần bổ sung thêm danh lục cảng bên thủy nội địa. Loại bỏ các dự án xử lý điểm đen ATGT, chỉ đưa vào các công trình hạ tầng chính phục vụ cho quy hoạch phát triển đến 2030, tầm nhìn đến 2050</p>	<p>Tỉnh đã biên tập theo ý kiến góp ý (phụ lục 14)</p>
26	<p>7. Trong báo cáo phần đánh giá cảng cạn, trung tâm logistics có đánh giá, như nhưng trong phần quy hoạch chưa đề xuất cảng cạn. Tư vấn cần nghiên cứu bố trí cảng cạn tại các khu kinh tế, khu công nghiệp và các khu công nghiệp với quy mô 200 ha trên địa bàn huyện Phong Thổ, đồng thời gắn với phát triển của khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng (sắp lên CKQT). Cũng như, hỗ trợ cho hoạt động của các CCN: CCN Than Uyên 50ha, CCN Mường Tè 46,66 ha, CCN Nậm Hàng 17,90 ha, CCN Tân Uyên 50 ha.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung cảng cạn đã được bổ sung tại Phần IX, Mục I.3.4</p>
27	<p>8. Về bản đồ: cần sửa lại nhiều thông tin trong báo cáo Quy hoạch để đảm bảo chất lượng cũng như phù hợp với nội dung quy hoạch được thể hiện trong báo cáo. Cụ thể:  + Chưa thể hiện đầy đủ các thông tin liên quan đến GTVT: như không thể hiện kết nối đến cửa khẩu Ma Lù Thàng, dự kiến là cửa khẩu quốc tế; bản đồ cần thể hiện kết nối về phía Trung quốc đối với cửa khẩu này.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung chỉnh sửa</p>
28	<p>+ Đề nghị bổ sung kí hiệu cửa khẩu và cập nhật vào bản đồ</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung chỉnh sửa theo góp ý</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
29	+ Đề nghị sửa lại ghi chú như: đường xã lộ thành đường xã; đường huyện lộ thành đường huyện, đường tỉnh lộ thành đường tỉnh... (dùng sai thuật ngữ)	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung, chỉnh sửa theo góp ý
30	+ Bổ sung bản đồ đường tuần tra biên giới.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung, chỉnh sửa theo góp ý
31	+ Chưa thể hiện vị trí CHK Lai Châu trên bản đồ, cần bổ sung.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung, chỉnh sửa theo góp ý
<b>Đồng chí Dương Đình Giám</b>		
1	Hệ thống quan điểm, mục tiêu và những định hướng phát triển, tổ chức không gian cho các ngành, lĩnh vực trong giai đoạn phát triển mới (2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050) được đề xuất khá phù hợp; tuy nhiên, việc luận giải một số nội dung (đặc biệt là bối cảnh quốc tế) cần được bổ sung và làm sâu sắc hơn.	Tỉnh đã rà soát và điều chỉnh phù hợp xuyên suốt
2	Về hình thức: - Bổ sung “nguồn” của một số bảng số liệu và sơ đồ. - Chỉnh sửa các lỗi kỹ thuật: (i) Rà soát và sắp xếp lại Danh mục chữ viết tắt theo quy định (Khá lộn xộn); (ii) Rà soát số liệu cho khớp (giữa các phần) và nội dung một số bình luận và bảng biểu, hình vẽ cho phù hợp; (iii) Rà soát lại diễn đạt của một số nội dung và tính toán một số chỉ tiêu; (iv) Lược bỏ những nội dung trùng lặp...	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã biên tập theo góp ý
31	2.1. Phần Mở đầu a) Về các căn cứ lập quy hoạch: Đối với các văn kiện của Đảng: - Sắp xếp khá lộn xộn, cần điều chỉnh lại; - Bổ sung một số nghị quyết quan trọng của Bộ Chính trị, như: + Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (thay thế Nghị quyết 26/2008); + Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung, chỉnh sửa theo góp ý

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
32	<p>b) Về cách tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung phương pháp tích hợp phương pháp quan trọng được yêu cầu sử dụng trong lần lập quy hoạch này.</li> <li>- Lưu ý về cách sử dụng phương pháp phân tích ma trận SWOT: Phương pháp SWOT không phải là để xác định các điểm mạnh, điểm yếu... mà là trên cơ sở xác định các điểm mạnh, điểm yếu..., xây dựng các chiến lược và giải pháp phát triển bằng cách kết hợp các yếu tố thành phần này (Đây mới là kết quả của phương pháp SWOT).</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung, chỉnh sửa theo góp ý</p>
33	<p>2.2. Phần II. Đánh giá thực trạng phát triển</p> <p>a) Về thực trạng phát triển kinh tế chung</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm rõ nguyên nhân sụt giảm mạnh tăng trưởng GRDP của tỉnh giai đoạn 2017-2019; phục hồi ở năm 2020 (14,57%; 6,71%; 0,14%; 4,05%);</li> <li>- Thu ngân sách từ nguồn thu XNK giai đoạn 2011- 2020 cũng có những biến động khá thất thường (tỷ VNĐ): 7,0; 5,1; 35,5 (2013); 40,1; 19,8 (2015); 19,2; 7,9 (2017); 37,2 (2018); 41,7; 52,7. Báo cáo cần làm rõ nguyên nhân của hiện trạng này.</li> <li>- Ngoài ra, các số liệu về kinh tế, nên được so sánh với mức bình quân chung của Vùng TDMNPB.</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung QH và đã bổ sung các đánh giá cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ về thu ngân sách (bổ sung tại Phần II, Mục I.1.4.2)</li> <li>+ về sụt giảm tăng trưởng GRDP (bổ sung tại Phần II, Mục I.1.1)</li> <li>+ QH đã so sánh với mức của Vùng TDMNPB tại Phần IV.I.1.3</li> </ul>
34	<p>b) Thực trạng phát triển ngành công nghiệp – xây dựng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung tổng quan phát triển ngành: Cần làm rõ đối với mỗi nhóm ngành (Khai khoáng, CBCT, SX và phân phối điện...; Cung cấp nước và xử lý rác thải) những nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cơ cấu (tỷ trọng) của GO và VA;</li> <li>+ Số lượng và chất lượng nhân lực;</li> <li>+ Năng lực, trình độ công nghệ;</li> <li>+ NSLĐ của các nhóm ngành này...</li> </ul> </li> </ul> <p>Những thông tin này rất quan trọng. Nó giúp cho việc xác định được thế mạnh/hạn chế của mỗi phân ngành; từ đó có giải pháp thích hợp cho phát triển ở giai đoạn sau.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát hồ sơ quy hoạch và xin giải trình như sau: Các nội dung cụ thể về Thực trạng phát triển ngành công nghiệp – xây dựng như góp ý đã được trình bày trong Báo cáo Thực trạng và phương án phát triển các ngành Công nghiệp, hệ thống các khu, Cụm công nghiệp tỉnh Lai Châu là một phần của hồ sơ quy hoạch, Trong thuyết minh QH, các định hướng được tổng hợp và đề xuất trên cơ sở xem xét các phân tích chi tiết trong các nội dung đề xuất tích hợp chứ không trình bày tại thuyết minh để đảm bảo sự cân đối giữa các phần nội dung.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
35	<p>- Nội dung liên quan đến công nghiệp chế biến, chế tạo:            Qua báo cáo có thể thấy, hai phân ngành chính của công nghiệp CBCT, gồm Chế biến NLS và SX VLXD chiếm khoảng 13% trong cơ cấu GTSX toàn ngành (đứng thứ 2, sau ngành năng lượng – chiếm tới hơn 80%). Chính vì vậy, việc đánh giá sự phát triển của các ngành này (ngoài những thông tin đã có), cần đánh giá theo các cụm liên kết ngành (LKN); với 2 mục tiêu:</p> <p>+ Thấy được mức độ phát triển của các chuỗi giá trị: (i) Khả năng cung ứng nguyên, phụ liệu và tiêu thụ sản phẩm; (ii) DN của địa phương nắm giữ khâu nào trong chuỗi giá trị (hiệu quả của DN).</p> <p>Sự phát triển của DN thuộc những ngành này mới chỉ đơn thuần là gia công (sản phẩm cuối cùng) hay đã có sự liên kết theo chuỗi hoặc manh nha có sự liên kết này và triển vọng của chúng ra sao cho giai đoạn tới.</p> <p>+ Định hướng cho phát triển CNHT trong tương lai (tùy theo khả năng của cụm LKN), nhằm vào 2 mục tiêu: (i) Phục vụ cho chính các ngành công nghiệp trên địa bàn; (ii) Phát triển theo thế mạnh để phục vụ cho các địa phương khác và từng bước hình thành ngành công nghiệp mới trên địa bàn.</p> <p>Thông qua đó, đánh giá được chất lượng và quy mô thị trường (đầu ra) của các sản phẩm này; triển vọng phát triển ra sao trong giai đoạn tới...</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung này được chi tiết tại Báo cáo Thực trạng và phương án phát triển các ngành Công nghiệp, hệ thống các khu, Cụm công nghiệp tỉnh Lai Châu</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
36	<p>c) Thực trạng phát triển ngành nông nghiệp</p> <p>Hiện trạng ngành nông nghiệp được đánh giá khá kỹ. Để hoàn thiện, cần bổ sung thêm những nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về thị trường và năng lực sản xuất: Nên đánh giá kỹ về chất lượng phát triển của mỗi nhóm sản phẩm (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản...) chủ lực, thể hiện ở các tiêu chí, như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chất lượng sản phẩm;</li> <li>+ NSLĐ (hiệu quả so với mức bình quân chung của ngành);</li> <li>+ Quy mô thị trường (nội tỉnh, ngoại tỉnh, XK) và năng lực sản xuất (khả năng đáp ứng ở mỗi khu vực thị trường nếu có nhu cầu);</li> </ul> </li> </ul> <p>Các nội dung này nếu được đánh giá kỹ, sẽ cho thấy cơ hội cung cấp các SP nông nghiệp đặc sản cho nội tỉnh (kể cả du lịch), cũng như phục vụ các thị trường lớn của Vùng, cả nước và tham gia xuất khẩu trong tương lai.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình: Các nội dung góp ý đề nghị bổ sung chi tiết đã cơ bản được trình bày tại các báo cáo nội dung đề xuất tích hợp, căn cứ theo đó, các nội dung mang tính tổng quát được trình bày tại Thuyết minh quy hoạch</p>



STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
37	<p>- Về liên kết giữa SX và dịch vụ: Mối dưng ở việc đánh giá liên kết trong sản xuất. Cần đánh giá kỹ hơn về tổ chức liên kết trong các lĩnh vực, như:</p> <p>+ Liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp chủ lực: Làm rõ hơn quá trình liên kết theo chuỗi của một số nông sản điển hình (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản...); chỉ rõ các hạn chế trong sự hình thành và phát triển của các chuỗi này.</p> <p>+ Liên kết trong cung ứng giống (cây, con đặc sản), vật tư nông nghiệp;</p> <p>+ Liên kết trong sản xuất và chế biến: Năng lực chế biến nông, lâm sản hiện tại thế nào. Khả năng cung ứng nguyên liệu (vùng nguyên liệu); liên kết theo chuỗi giữa công nghiệp chế biến và nông nghiệp trên địa bàn (hoặc trong Vùng) ra sao...</p> <p>Ngoài ra, có thể làm rõ hơn kết quả của định hướng áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp trong thời gian vừa qua. Các vướng mắc trong triển khai chủ trương này là gì... Các đánh giá này sẽ cho thấy, nếu còn khiếm khuyết thì đây là một trong các nội dung cần hoàn thiện trong thời gian tới.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, các nội dung đánh giá về tổ chức liên kết trong các lĩnh vực đã được trình bày trong các báo cáo đề xuất tích hợp:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Báo cáo Thực trạng và Phương án phát triển các vùng sản xuất tập trung; vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, xây dựng các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh</li> <li>2. Báo cáo Thực trạng và Phương án phát triển Lâm nghiệp, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Lai Châu</li> <li>3. Báo cáo Thực trạng và Phương án phát triển các ngành Công nghiệp, hệ thống các khu, Cụm công nghiệp tỉnh Lai Châu</li> <li>4. Báo cáo Thực trạng và Phương án phát triển ngành Thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Lai Châu</li> </ol>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
10	<p>d) Thực trạng phát triển ngành Du lịch</p> <p>Cần đánh giá kỹ hơn về một số nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ cấu khách quốc tế và thị hiếu theo các khu vực thị trường lớn (Trung Quốc, châu Âu, Đông Á,...) để có căn cứ điều chỉnh loại hình du lịch cho phù hợp;</li> <li>- Sự thành công cho từng loại hình du lịch cụ thể, như du lịch văn hóa, cộng đồng; du lịch cảnh quan, danh lam thắng cảnh; du lịch khám phá, mạo hiểm... Các hạn chế trong việc triển khai mỗi loại hình du lịch này (đối với khách nội địa và khách quốc tế) để có cơ sở đề xuất phương hướng phát triển cho giai đoạn tới;</li> <li>- Các mối quan hệ liên kết: (i) Giữa các ngành (Du lịch, Nông nghiệp, Công nghiệp chế biến) trong nội tỉnh; (ii) Giữa các địa phương trong Vùng (Lào Cai, Điện Biên, Yên Bái...) và các trung tâm du lịch lớn (Hà Nội, Quảng Ninh, Tp.Hồ Chí Minh...) và hiệu quả của các hoạt động liên kết này.</li> </ul> <p>Ngoài ra, trong số những nguyên nhân hạn chế phát triển du lịch, cần chỉ ra nguyên nhân căn bản và cốt yếu (ngoài các nguyên nhân truyền thống là sự yếu kém về nhân lực và cơ sở vật chất cho du lịch) là hệ thống giao thông kết nối Lai Châu với các địa phương khác và giữa các địa bàn trong tỉnh còn rất hạn chế.</p> <p>Chính vì vậy, việc hoàn thiện tuyến đường bộ kết nối Lai Châu với cao tốc Hà Nội – Lào Cai và đường hầm xuyên đèo Hoàng Liên cần được xác định là công trình trọng điểm cho giai đoạn quy hoạch này.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung này được chi tiết tại Báo cáo Thực trạng phát triển ngành Du lịch và định hướng phát triển ngành, hệ thống các Khu, Điểm Du lịch trọng điểm trên địa bàn tỉnh Lai Châu.</p>
11	<p>e) Về thương mại biên giới</p> <p>Để thấy rõ vai trò và tiềm năng của thương mại biên giới trên địa bàn, cần làm rõ một số nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ cấu và chủng loại hàng hóa XNK (của Lai Châu và các địa phương khác): Để thấy rõ vai trò của cửa khẩu này đối với vùng hay chỉ đối với Lai Châu;</li> <li>- Cơ cấu hàng hóa XNK của Lai Châu: Để thấy tiềm năng của các SP XK (chứ không phải tổng kim ngạch XNK), từ đó có định hướng phát triển cho giai đoạn tới.</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung này đã được tỉnh tiếp thu và trình bày bổ sung tại Phần II, mục I.4.2.1</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
12	<p>g) Hiện trạng phát triển xã hội</p> <p>Về lao động và việc làm: Có sự thay đổi mạnh trong việc lựa chọn cấp đào tạo trong giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020 (Học viên sơ cấp và dạy nghề tăng từ 22,7 lên 32,64 nghìn người; học viên trung cấp giảm từ 2,4 xuống 1,33 nghìn người). Cần làm rõ nguyên nhân và các tác động của hiện tượng này.</p> <p>Phải chăng là vì hiện tại, trình độ phát triển của các ngành còn thấp nên chưa có nhu cầu sử dụng lao động chất lượng cao. Nhưng sự giảm sút này, nếu tiếp tục kéo dài, sẽ có tác động trong trung và dài hạn (thiếu hụt lao động có đào tạo trong tương lai).</p> <p>Đây sẽ là cái vòng luẩn quẩn khiến cho các hoạt động CN và DV khó nâng cao được chất lượng phát triển trong tương lai.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung, điều chỉnh tại Phần II, mục II.1.3.</p>
13	<p>2.4. Phần III. Thực trạng phát triển hạ tầng</p> <p>a) Hạ tầng kỹ thuật</p> <p>- Về hạ tầng giao thông: Ngoài việc phản ánh hiện trạng số lượng, chất lượng hệ thống giao thông trên địa bàn (như đã làm), cần đánh giá kỹ hơn về khả năng kết nối, giữa: (i) Hệ thống các loại đường quốc lộ và tỉnh lộ, hệ thống giao thông nội tỉnh; (ii) Hệ thống các loại hình vận tải (bộ, sắt, thủy); (iii) Khả năng kết nối của các khu dân cư với các khu dịch vụ du lịch, thương mại và sản xuất tập trung với các trục giao thông chính...</p> <p>- Về hạ tầng cấp nước: Ngoài nội dung đánh giá thực trạng cấp nước cho khu vực đô thị và nông thôn như hiện tại, cần đánh giá thêm khả năng cung cấp nước cho các khu sản xuất công nghiệp tập trung (các khu, cụm công nghiệp) và khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình:</p> <p>Về hạ tầng giao thông: khả năng kết nối, giữa: (i) Hệ thống các loại đường quốc lộ và tỉnh lộ, hệ thống giao thông nội tỉnh; (ii) Hệ thống các loại hình vận tải (bộ, sắt, thủy); (iii) Khả năng kết nối của các khu dân cư với các khu dịch vụ du lịch, thương mại và sản xuất tập trung với các trục giao thông chính... đã được trình bày bổ sung tại phần III, Mục III.1.4</p> <p>Về hạ tầng cấp nước, Quy hoạch đã đề cập đến cấp nước cho KCN và KKTCK</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
14	<p>b) Hạ tầng kinh tế xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu kinh tế cửa khẩu: Cần có những đánh giá kỹ hơn về hoạt động của các khu chức năng trong khu kinh tế (ngoài chức năng thương mại và dịch vụ), như chức năng công nghiệp, đô thị...; đặc biệt là các hạn chế và nguyên nhân của nó; triển vọng khắc phục và phát triển trong giai đoạn tới để có cơ sở cho những điều chỉnh cho giai đoạn quy hoạch.</li> <li>- Các khu, cụm công nghiệp, cần làm rõ hơn những nội dung, như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật của các K,CCN (hệ thống cung cấp điện, nước, xử lý nước thải...).</li> <li>+ Ưu, nhược trong việc lựa chọn địa điểm, quy mô và phân bố không gian của các khu, cụm CN hiện tại; làm cơ sở cho các đề xuất quy hoạch phát triển cho giai đoạn tới.</li> </ul> </li> <li>- Hạ tầng giáo dục nghề nghiệp: Cần đánh giá kỹ hơn về các thông tin, như: (i) Hệ thống trường lớp, ngành nghề; (ii) Cơ sở vật chất đào tạo, thực hành; (iii) Khả năng đáp ứng nhu cầu của địa phương...;</li> <li>- Hạ tầng y tế: Đánh giá kỹ hơn năng lực (nhân lực, trang thiết bị) của mạng lưới y tế cơ sở (xã, huyện, tỉnh) trong việc phối hợp phòng chống dịch bệnh.</li> </ul>	<p>Tỉnh đã rà soát, nghiên cứu và xin giải trình cụ thể như sau</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung về KKT CK đã có tại phần III, mục IV.1.1</li> <li>- Ý kiến về các KCN, CCN: đã làm rõ hiện trạng kỹ thuật trong Báo cáo tổng hợp (Mục 1.2. Thực trạng khu, cụm công nghiệp) và làm rõ hơn tại Báo cáo chuyên đề (Phần II. Thực trạng phát triển khu, cụm công nghiệp (KCN, CCN), tiểu thủ công nghiệp (TTCN) và làng nghề).</li> </ul> <p>Đối với đánh giá ưu nhược điểm trong việc lựa chọn địa điểm, quy mô và phân bố không gian của các khu, cụm CN hiện tại đã được bổ sung tại Phụ lục 3 trong Báo cáo chuyên đề, phân tích sâu về khả năng kết nối về giao thông và hạ tầng kỹ thuật của các KCN, CCN hiện tại và đánh giá chung thuận lợi khó khăn trong phát triển các KCN, CCN tại những khu vực này</p>
15	<p>2.5. Phần IV. Đánh giá bối cảnh, nhận định về thuận lợi, khó khăn...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về đánh giá bối cảnh quốc tế, Báo cáo cần lưu ý đến các tác động của các xu hướng chính trị và kinh tế quốc tế mới, như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xung đột vũ trang và sự đối đầu về kinh tế giữa một số khu vực làm trầm trọng thêm sự đứt gãy của các chuỗi cung ứng;</li> <li>+ Khủng hoảng năng lượng ở quy mô toàn cầu và khủng hoảng kinh tế tại nhiều khu vực sẽ làm giảm nhu cầu tiêu thụ nhiều sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam và giảm lượng khách du lịch quốc tế...</li> </ul> </li> </ul> <p>Các nội dung này tuy không ảnh hưởng lớn tới Lai Châu, nhưng tác động mạnh tới kinh tế Việt Nam, từ đó tác động đến sự phát triển của Lai Châu.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung và cấu trúc lại Phần IV, mục I.3 dựa theo gợi mở</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
16	<p>- Về nội dung “Đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu”: Nội dung này cần được rà soát lại. Cụ thể như sau:</p> <p>+ Việc đánh giá các điểm mạnh (thuận lợi) và cơ hội cần được cân nhắc thêm. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Rà soát xem cơ hội/tiềm năng cho phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) có không; nếu có, cần được luận giải kỹ hơn trong nội dung “Điều kiện tự nhiên”, làm tiền đề cho định hướng phát triển ở giai đoạn sau;</li> <li>• Việc kỳ vọng vào cơ hội mở rộng giao lưu thương mại của Trung Quốc với các nước ASEAN thông qua các cửa khẩu của Việt Nam, trong đó Lai Châu sẽ được hưởng lợi, cần được đánh giá một cách khách quan, có cơ sở khoa học; tránh ngộ nhận gây ảo tưởng. Hai lý do cần cân nhắc, đó là: (i) Gần đây, đã xuất hiện tuyến đường sắt Côn Minh – Viên Chăn; tuyến này đang được kéo dài để nối với Thái Lan và thông ra biển; (ii) Xét trong nội bộ Việt Nam, hạ tầng kinh tế cửa khẩu và các tuyến giao thông (sắt, bộ) của Lào Cai tốt hơn Lai Châu nhiều, nên Lào Cai có ưu thế giao thương kinh tế đối ngoại hơn.</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung này đã trình bày tại Phần IV, mục I.3.7</p>
17	<p>Việc xác định các điểm yếu, hạn chế/thách thức cần bổ sung các nội dung, như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nguồn nhân lực dồi dào, nhưng chất lượng còn thấp;</li> <li>• NSLD chung của nền kinh tế có tăng, nhưng khoảng cách so với Vùng và quốc gia còn lớn;</li> <li>• Hệ thống doanh nghiệp, động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế, có nguồn lực hạn chế so với mức bình quân của Vùng và cả nước.</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung các nội dung như góp ý trong quy hoạch</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
18	<p>2.6. Phần V. Lựa chọn phương án, mục tiêu, định hướng phát triển</p> <p>a) Về các kịch bản phát triển</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong các kịch bản tăng trưởng, với các yếu tố bên ngoài, Báo cáo cần lưu ý đến các tác động của một số biến động chính trị và kinh tế quốc tế lớn, như đã góp ý ở phần trên</li> <li>- Việc lựa chọn kịch bản 2, cơ bản là phù hợp; tuy nhiên, có mấy lưu ý sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cơ sở cho việc thực hiện thành công kịch bản này dựa trên những giả thiết khá khó thực hiện. Cụ thể: Hạ tầng giao thông được nâng cấp đồng bộ (tuyến nối cao tốc Hà Nội – Lào Cai với cửa khẩu Ma Lù Thàng và hầm xuyên đèo Hoàng Liên) tạo cơ hội cho phát triển du lịch và kinh tế cửa khẩu.</li> <li>+ Dự kiến tạo đột phá trong phát triển công nghiệp ở giai đoạn đến 2030 với mức tăng trưởng 14-15%/năm, nhờ việc triển khai thành công một số dự án khai thác và chế biến đất hiếm; thực tế, chưa thấy rõ triển vọng trong tương lai gần.</li> </ul> </li> </ul> <p>Do vậy để cho kịch bản này thành hiện thực, rất cần sự nỗ lực của Lai Châu trong thu hút đầu tư và sự ủng hộ của Trung ương trong hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung nhận định trong mục 3. Lựa chọn phương án phát triển như góp ý.</p>
19	<p>b) Về các chỉ tiêu phát triển</p> <p>Bên cạnh việc xác định các chỉ tiêu tăng trưởng (bắt buộc), Quy hoạch cần quan tâm đến chất lượng tăng trưởng (yếu tố phát triển), thông qua việc định hướng được mô hình phát triển cho mỗi loại ngành nghề...; đặc biệt chú ý các liên kết theo chuỗi giá trị (cụm liên kết ngành).</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: mô hình phát triển ngành đã được nêu cụ thể ở các Phương án phát triển ngành cụ thể.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
20	<p>2.7. Phần VI. Phương án phát triển các ngành quan trọng</p> <p>a) Ngành công nghiệp</p> <p>- Về quan điểm phát triển: Báo cáo đề xuất “Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên phù hợp với tiềm năng thế mạnh của tỉnh theo hướng chuyên sâu,...”. Đây là một định hướng đúng đắn; tuy nhiên, trong số các ngành ưu tiên, bên cạnh các phân ngành năng lượng, chế biến nông lâm sản, khai thác và chế biến khoáng sản... lại có cả phân ngành cơ khí chế tạo. Nội dung này cần được cân nhắc thêm. Bởi phân ngành này đối với Lai Châu thì không có lợi thế gì và hiện tại, phân ngành này chỉ phát triển với mục tiêu đáp ứng nhu cầu sửa chữa nhỏ tại chỗ...</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Đối với tỉnh Lai Châu việc xác định ngành cơ khí chế tạo đã được nêu rõ: Phát triển cơ khí đáp ứng cơ bản các nhu cầu của tỉnh về các thiết bị, máy móc phục vụ nông nghiệp và nông thôn (dụng cụ, nông cụ cầm tay và các dịch vụ sửa chữa, bảo hành máy và thiết bị). Khuyến khích phát triển sản xuất cơ khí lắp ráp, chế tạo thiết bị, máy móc, phụ tùng và các dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, máy móc cơ khí phục vụ chế biến nông lâm sản thực phẩm và hàng tiêu dùng trên địa bàn trong và ngoài tỉnh. Do đó, việc phát triển lĩnh vực cơ khí chế tạo nên ra tập trung cho sản xuất máy móc phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, các phụ tùng phục vụ cho ngành chế biến khác. Việc xác định sản phẩm của ngành không chỉ phục vụ cho địa bàn tỉnh mà còn kết hợp liên kết với các tỉnh lân cận để mở rộng thị trường.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
21	<p>Về định hướng phát triển:  + Đối với chế biến nông, lâm, thủy sản: Chế biến nông, lâm, thủy sản là một định hướng đúng, cần được khuyến khích. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là mọi sản phẩm từ nông, lâm nghiệp, thủy sản đều cần được chế biến.</p> <p>Với cách tiếp cận như vậy, trong cách trình bày, Báo cáo cần cân nhắc lựa chọn những sản phẩm cần phải chế biến (thay vì bán tươi sống). Theo người đọc, trong giai đoạn quy hoạch (2021-2030) cần tập trung cho việc chế biến một số sản phẩm, như: Chè, mắc ca, gỗ giấy, cao su, dược liệu.</p> <p>Trong quá trình chế biến, không nhất thiết tất cả đều là chế biến sâu (cho ra sản phẩm tiêu dùng cuối cùng). Để phù hợp với năng lực công nghệ hiện tại, cần bổ sung định hướng: Chế biến để tạo ra các sản phẩm là nguyên liệu tinh (không phải sản phẩm cuối cùng cho tiêu dùng), phục vụ cho chế biến sâu (dược liệu, cây công nghiệp, lâm sản...) với các thương hiệu đã được khẳng định ở các trung tâm công nghiệp khác.</p> <p>Ngoài ra, Lai Châu còn có tiềm năng về các mỏ khoáng nóng. Căn cứ nhu cầu thị trường, có thể phát triển các cơ sở chế biến khoáng (đóng chai) và các cơ sở tắm khoáng nóng phục vụ du lịch.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình: Việc chế biến các sản phẩm nông sản cần khuyến khích chế biến sâu đối với các sản phẩm có tiềm năng và có vùng nguyên liệu đủ lớn. Các sản phẩm khác có thể chế biến theo dạng sơ chế để làm đầu vào cho chế biến ở giai đoạn tiếp theo trong chuỗi giá trị. Do đó báo cáo đã đưa ra nội dung: Thu hút các dự án đầu tư xây dựng cơ sở chế biến sử dụng công nghệ chế biến hiện đại, chế biến sâu, tạo ra các sản phẩm nông sản tham gia vào chuỗi giá trị cấp quốc gia và chuỗi giá trị toàn cầu, nhằm nâng cao giá trị hàng hóa nông sản. Đầu tư xây dựng nhà máy cơ sở chế biến sản phẩm nông sản tập trung vào một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh có vùng sản xuất tập trung quy mô lớn chế biến sâu sản phẩm Chè, Mắc ca, quế, gạo đặc sản, sắn, rau quả... Ngoài ra các sản phẩm khác được định hướng duy trì và cải tiến các phương pháp chế biến truyền thống nhằm tạo ra các sản phẩm chất lượng, mang tính đặc trưng đáp ứng được cấp độ địa phương và phục vụ thị trường trong nước, góp phần, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nông dân và đáp ứng yêu cầu của Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới; chương trình OCOP quốc gia.</p>



STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
22	<p>Đối với công nghiệp cơ khí chế tạo: Cân nhắc với các định hướng mang tính giáo điều: “Khuyến khích phát triển sản xuất cơ khí lắp ráp, chế tạo thiết bị, máy móc, phụ tùng...”; “Kêu gọi đầu tư sản xuất sản phẩm cơ khí, sản xuất một số sản phẩm, phụ tùng sửa chữa phục vụ công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, thay thế cho sản phẩm nhập khẩu. Ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ và các khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị sản phẩm ngành cơ khí như các thiết kế, tạo mẫu, chế tạo khuôn mẫu, chế tạo các linh kiện,...”.</p> <p>Như trên đã nói, đối với phân ngành này, chủ yếu nên tập trung đáp ứng cho nhu cầu sửa chữa tại chỗ.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình: Tiếp thu ý kiến báo cáo đã chỉnh sửa theo hướng phân ngành này đáp ứng cơ bản các nhu cầu của tỉnh về các thiết bị, máy móc phục vụ nông nghiệp và nông thôn; phục vụ sửa chữa nhỏ.</p>
23	<p>Các quan hệ liên kết: Việc hình thành nên các chuỗi giá trị (cụm liên kết ngành) cần được tính đến, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Liên kết nội, ngoại tỉnh trong sản xuất;</li> <li>+ Liên kết giữa các ngành: công nghiệp, nông nghiệp, du lịch... trong cung ứng nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm...</li> <li>- Về quy hoạch các khu, cụm công nghiệp: Việc đề xuất bố trí không gian cho các khu cụm công nghiệp về cơ bản là hợp lý. Cần lưu ý một số nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Do nguồn lực có hạn nên hạ tầng của các K,CCN chưa có điều kiện hoàn thiện đồng bộ; tuy nhiên, diện tích quy hoạch cần phải có quỹ đất dự trữ ngay từ đầu để bảo đảm tính hiệu quả cho các K,CCN khi đi vào hoạt động toàn diện (diện tích tối ưu đối với các KCN là không dưới 200ha; các CCN là không dưới 50ha);</li> <li>+ Lưu ý tới bảo đảm kết nối các K,CCN với hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước...) của địa phương. Tránh tình trạng có K,CCN, nhưng không có đường giao thông hoặc khó kết nối với hệ thống cung cấp điện, nước...</li> </ul> </li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và đảm bảo các nội dung đề xuất của thuyết minh đã được đánh giá và đảm bảo tính kết nối như ý kiến góp ý; diện tích KCN, CCN cũng đã được cân nhắc phù hợp</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
24	<p>b) Ngành thương mại – dịch vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về quan điểm phát triển: Làm rõ luận cứ cho quan điểm “... phát huy vai trò là cửa ngõ thông thương giữa các nước ASEAN và Trung Quốc thông qua cửa khẩu quốc tế Ma Lò Thàng; mở thêm một cửa khẩu Quốc gia tại huyện Mường Tè”.</li> <li>- Về mục tiêu phát triển: Cân nhắc giai đoạn đến 2030 mở thêm 04 cửa khẩu phụ (phù hợp với nhu cầu giao thương); tránh tình trạng khó kiểm soát.</li> <li>- Đối với kinh tế cửa khẩu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Từng bước hoàn thiện các phân khu chức năng của KKT cửa khẩu Ma Lò Thàng; từng bước phát triển phân khu chế biến, đóng gói cho một số loại hàng hóa XNK phù hợp.</li> <li>+ Cân nhắc mục tiêu: “... đến năm 2050, cơ bản hình thành một Trung tâm quốc tế lớn về thương mại - dịch vụ của khu vực ASEAN - Trung Quốc tại Khu KTCK Ma Lò Thàng”.</li> </ul> </li> </ul>	<p>Tỉnh đã rà soát, nghiên cứu và xin giải trình:</p> <p>(1) luận cứ đã được đề cập trong Báo cáo Thực trạng và Phương án phát triển ngành Thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Lai Châu: Phát triển xuất khẩu của Lai Châu trên cơ sở phát huy lợi thế về vị trí địa lý - kinh tế: có khu kinh tế cửa khẩu, có đường biên giới chung với Trung Quốc, là đầu mối giao thông giữa khu vực các tỉnh Tây Bắc (Việt Nam) với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), là tỉnh có tiềm năng về thị trường xuất khẩu vật liệu xây dựng, nông lâm sản và khoáng sản... Đây là những điều kiện để đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu, phát triển kinh tế cửa khẩu.</p> <p>(2) Cân nhắc giai đoạn đến 2030 mở thêm 04 cửa khẩu phụ (phù hợp với nhu cầu giao thương); tránh tình trạng khó kiểm soát: Tiếp thu và điều chỉnh cho giai đoạn 2031 - 2050 trong báo cáo Báo cáo Thực trạng và Phương án phát triển ngành Thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Lai Châu</p> <p>(3) bảo lưu mục tiêu: “... đến năm 2050, cơ bản hình thành một Trung tâm quốc tế lớn về thương mại - dịch vụ của khu vực ASEAN - Trung Quốc tại Khu KTCK Ma Lò Thàng” do đã</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
25	<p>c) Ngành du lịch</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về các mục tiêu tăng trưởng: Cân nhắc việc xác định số lượng khách cho các năm 2025 (1 triệu) và 2030 (2 triệu), khi mà số lượng khách năm 2020 mới chỉ đạt 210 nghìn lượt (gấp đôi so với năm 2011: 110 nghìn).</li> <li>- Về các trọng điểm du lịch: Tài nguyên du lịch của Lai Châu (theo thống kê) là khá phong phú. Quy hoạch đã đề xuất nhiều loại hình, nhiều tour tuyến và trọng điểm du lịch (với các quy mô khác nhau) cần đầu tư phát triển.</li> </ul> <p>Tuy nhiên, do nguồn lực có hạn, thời gian quy hoạch ngắn (10 năm), nên Báo cáo quy hoạch cần xác định rõ các nội dung trọng tâm cho giai đoạn đến 2030; cùng với đó là các giải pháp phát triển phù hợp.</p> <p>Theo người đọc, trước mắt (10 năm tới) chỉ nên tập trung phát triển 2 loại hình du lịch (được xác định là đặc sắc, khác biệt của Lai Châu); có khả năng thu hút khách du lịch cả trong nước và quốc tế, đó là du lịch cộng đồng (tìm hiểu bản sắc văn hóa các dân tộc) và du lịch khám phá, mạo hiểm.</p> <p>Logic của cách tiếp cận và giải quyết vấn đề là, (i) Xác định loại hình du lịch trọng điểm; (ii) Xác định sản phẩm du lịch cụ thể; (iii) Xây dựng các tour, tuyến; (iv) Hoàn thiện hạ tầng, cơ sở vật chất, nhân lực...</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát và xin giải trình: Với tiềm năng du lịch của tỉnh Lai Châu, đồng thời với kỳ vọng coi Du lịch là một động lực tăng trưởng, tỉnh Lai Châu quyết tâm phấn đấu để đầu tư cho việc phát triển quy mô ngành này như đã xác định</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
26	<p>d) Ngành nông nghiệp</p> <p>- Về định hướng phát triển các vùng trồng trọt, chăn nuôi tập trung: Quy hoạch đề cập đến khá nhiều lĩnh vực; tuy nhiên, các đề xuất này dường như chỉ dựa trên cơ sở thực tiễn (hiện có), chứ chưa được luận giải cụ thể trên cơ sở chất lượng sản phẩm, NSLĐ và triển vọng của quy mô thị trường đối với các sản phẩm này (sản phẩm làm ra có cạnh tranh được không, tiêu thụ ở đâu...).</p> <p>Vì Báo cáo đã khẳng định, quan điểm là “chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp thuần túy sang tư duy kinh tế nông nghiệp”, nên cũng như trong công nghiệp, trước khi quyết định đầu tư phát triển (làm gì), cần đánh giá kỹ khả năng xâm nhập thị trường...</p> <p>Báo cáo cần làm rõ căn cứ cho các đề xuất này. Liệu có được các đề xuất cụ thể là trong 10 năm tới, nông nghiệp Lai Châu sẽ xác lập vị thế trên thị trường quốc gia (như Sơn La) đối với một số sản phẩm cụ thể (cây công nghiệp, dược liệu, sản phẩm chăn nuôi...) không?.</p> <p>Định hướng quy hoạch chắc cần những câu trả lời như vậy.</p> <p>- Trong khi lực lượng lao động nông nghiệp vẫn chiếm khá lớn (khoảng 80%), tiềm năng phát triển lại khá dồi dào, cần nhắc chủ trương giảm tỷ trọng nông nghiệp trong GRDP (từ 15% xuống còn 10%) để đảm bảo đủ sinh kế cho người nông dân.</p> <p>- Cần quan tâm đến các nội dung, như: Phát triển các sản phẩm CNHT phục vụ cho nông nghiệp hữu cơ, như phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thức ăn chăn nuôi...; Ngoài ra, cần lưu ý các phương án phòng chống dịch bệnh trong trồng trọt và chăn nuôi tập trung.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch xin được giải trình: Các nội dung theo gợi ý đã được tỉnh trình bày về cơ bản trong Báo cáo Thực trạng và phương án phát triển các vùng sản xuất tập trung; vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, xây dựng các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh, là một phần của hồ sơ quy hoạch</p>
27	<p>2.8. Phần IX. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng</p> <p>- Về hạ tầng giao thông: Quan tâm đến việc đầu tư để tạo nên sự kết nối giao thông giữa các trung tâm công nghiệp (khu, cụm CN), khu vực dân cư tập trung (đô thị)... với hệ thống đường của TW; đồng thời bảo đảm sự kết nối giữa các phương thức (bộ, thủy...), nhằm phát huy hiệu quả của hoạt động logistics trong nội tỉnh và trong vùng;</p> <p>Ngoài ra, cần nhắc với đề xuất xây dựng sân bay Lai Châu tại Tân Uyên (hiện tại đã có chủ trương xây dựng sân bay Sa Pa).</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Định hướng phát triển hạ tầng cảng hàng không tại Lai Châu phù hợp với Quy hoạch cảng hàng không quốc gia được phê duyệt tại Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023.</p> <p>Nội dung về kết nối giao thông đã được trình bày tại phần III, Mục III.1.4</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
	<p>- Về hạ tầng cấp thoát nước: Các phương án cấp và thoát nước (xử lý nước thải) cho các trung tâm (khu, cụm) công nghiệp và các khu chăn nuôi tập trung;</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung định hướng hạ tầng cấp nước và thoát nước đã được trình bày tại phần III, Mục III.3</p>
	<p>- Về hạ tầng năng lượng: Cập nhật các thông tin của QH Điện VIII (về nguồn và lưới điện; đặc biệt là kết nối hệ thống nguồn năng lượng mới (thủy điện, điện gió...) của địa phương với hệ thống truyền tải của TU); Riêng chủ trương phân đấu đến 2030, đưa điện lưới quốc gia đến 98% số hộ dân cần được xem xét thêm về tính hiệu quả của chủ trương này, khi mà có thể sử dụng các nguồn cung cấp năng lượng tái tạo quy mô nhỏ cho đối tượng này. Kinh phí của nội dung này có thể chuyển sang đầu tư cho các mục tiêu phục vụ dân sinh khác (như giao thông) sẽ hiệu quả hơn.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: - Các công trình lưới điện truyền tải đã được cập nhật theo Quy hoạch điện VIII được phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg vào hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo phù hợp. - Việc cấp điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn tỉnh cần được cấp từ nguồn lưới điện Quốc gia. Việc sử dụng nguồn năng lượng tái tạo quy mô nhỏ không đảm bảo nhu cầu sử dụng và phát triển sản xuất của nhân dân do có công suất nhỏ, cấp điện không ổn định, đòi hỏi trình độ vận hành, bảo dưỡng cao trong khi nhận thức của người dân còn hạn chế.</p>
	<p>- Về hạ tầng giáo dục nghề nghiệp: Quan tâm đầu tư cho hệ thống đào tạo nghề (giáo viên, cơ sở vật chất cho thực hành) phù hợp với định hướng phát triển nhân lực của nền kinh tế (du lịch, nông nghiệp công nghệ cao...);</p>	<p>Tỉnh nhất trí và đồng quan điểm về việc quan tâm đầu tư cho hệ thống đào tạo nghề (giáo viên, cơ sở vật chất cho thực hành) phù hợp với định hướng phát triển nhân lực của nền kinh tế (du lịch, nông nghiệp công nghệ cao...);</p>
	<p>- Về hạ tầng y tế: Ngoài mục tiêu đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân, cần quan tâm đến năng lực phòng chống và dập dịch bệnh trong những tình huống khẩn cấp.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung - Đối với cơ sở y tế phòng, chống và dập dịch trong tình huống khẩn cấp: Trong tình huống khẩn cấp, Tỉnh và Sở Y tế sẽ lên phương án huy động cơ sở vật chất hiện có hoặc lập các điểm cơ động tại các điểm phát sinh dịch bệnh để ứng phó với tình huống. tại phần IX, Mục VII.2.3</p>
	<p><b>Đồng chí Nguyễn Trung Thắng</b></p>	<p>.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
1	<p>- Về sự phù hợp với các quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng. QHT Lai Châu được lập trong bối cảnh nhiều quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng đang trong quá trình xây dựng, chưa được phê duyệt như: quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch BVMT quốc gia, quy hoạch bảo tồn ĐDSH quốc gia, quy hoạch tổng thể về quan trắc tài nguyên môi trường quốc gia, quy hoạch vùng Trung du miền núi phía Bắc.... Do đó, UBND tỉnh Lai Châu cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng các quy hoạch này, đồng thời có sự điều chỉnh QHT cần thiết khi có sự mâu thuẫn.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát đảm bảo tính phù hợp với các quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng</p>
2	<p>- Việc tích hợp các vấn đề tài nguyên môi trường trong định hướng, phương án, giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực trong QHT Lai Châu chưa thật rõ ràng. QHT được xây dựng theo Luật Quy hoạch 2017 phải bảo đảm yêu cầu tích hợp nhuần nhuyễn các nội dung BVMT, quản lý tài nguyên trong các hợp phần. Tuy nhiên, hợp phần về quản lý tài nguyên, BVMT và ứng phó với BĐKH đang được tách riêng vào cuối Dự thảo QHT mà chưa có sự tích hợp đầy đủ trong các hợp phần, các phương án phát triển ngành, lĩnh vực của quy hoạch</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung này được triển khai thành 1 một nội dung độc lập theo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch. Ban soạn thảo đã bổ sung phần tích hợp các nội dung BVMT trong định hướng phát triển ngành, lĩnh vực</p>
3	<p>- Báo cáo QHT chưa đề cập rõ ràng đến phát triển và ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn (KTTH). KTTH là trào lưu đang được phổ biến rộng rãi trên thế giới hiện nay, nhằm hướng đến sử dụng hiệu quả tài nguyên, BVMT và giảm phát thải khí nhà kính (KNK). Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cũng đã đề cập đến phát triển các mô hình KTTH. Khoản 2, Điều 142, Luật BVMT 2020 yêu cầu các Bộ, ngành và địa phương phải lồng ghép KTTH ngay từ khi xây dựng các chiến lược, quy hoạch phát triển, cụ thể: “Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện lồng ghép kinh tế tuần hoàn ngay từ giai đoạn xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; quản lý, tái sử dụng, tái chế chất thải”. Tuy nhiên, Dự thảo Báo cáo QHT Lai Châu chưa đề cập và chưa có sự lồng ghép KTTH trong định hướng, phương án, giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực; cần xem xét bổ sung.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung trong quan điểm phát triển. Các nội hàm về KCN sinh thái, Nông nghiệp sinh thái đã được lồng ghép trong các phần liên quan</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
4	<p>- Cần bổ sung Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.</p> <p>- Cần thay thế Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường bằng Nghị quyết số 06/NQ-CP ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị.</p> <p>- Cần thay thế Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu bằng Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung theo góp ý</p>
5	<p>2.3. Về phân tích, đánh giá hiện trạng</p> <p>a) Về hiện trạng môi trường đất</p> <p>- Báo cáo QHT đã đề cập môi trường đất có nguy cơ bị thoái hóa, xói mòn, rửa trôi, bị ô nhiễm do các phương thức canh tác lạc hậu, sử dụng quá mức như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thâm canh, do nước thải từ các khu đô thị, cụm công nghiệp ... (trang 44) và đề cập đến 44 điểm quan trắc trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên, không rõ các điểm quan trắc này ở đâu. Báo cáo cần bổ sung và làm rõ hơn hiện trạng môi trường đất đối với từng vùng, khu vực trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung đã được cụ thể hóa tại Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, qua đó các nội dung chính đã được tích hợp trong thuyết minh quy hoạch chứ không trình bày lại</p>
6	<p>b) Về hiện trạng môi trường nước mặt</p> <p>- Tương tự, Báo cáo có đề cập đến kết quả quan trắc ở nhiều điểm (trang 46-47), tuy nhiên chưa làm rõ nước mặt ở những khu vực, địa điểm nào có nguy cơ ô nhiễm COD, coliform...</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung đã được cụ thể hóa tại Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, qua đó các nội dung chính đã được tích hợp trong thuyết minh quy hoạch chứ không trình bày lại</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
7	<p>c) Về biến đổi khí hậu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kịch bản biến đổi khí hậu (BĐKH) và nước biển dâng (NBD) cho Việt Nam năm 2016 được trích dẫn trong Báo cáo là đã cũ, cần cập nhật Kịch bản được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố năm 2021.</li> <li>- Về tác động của BĐKH (trang 60), Báo cáo có đề cập lượng mưa biến động thất thường, mưa lớn đột biến có nguy cơ xảy ra nhiều hơn, gây lũ lụt ngập úng, sạt lở đất, lũ ống, lũ quét, lũ bùn đá... Báo cáo QHT cần làm rõ hơn, bổ sung các số liệu thông tin cụ thể về các tác động, đặc biệt là những vùng, khu vực trên địa bàn chịu tác động, làm cơ sở để cân nhắc các phương án quy hoạch các ngành lĩnh vực.</li> <li>- Về Kịch bản biến đổi khí hậu của trong giai đoạn tới (trang 64), nội dung mô tả Kịch bản còn khá sơ sài, cần được cập nhật theo Kịch bản BĐKH quốc gia năm 2021 và đề cập kỹ hơn đến sự gia tăng các hiện tượng thiên tai, thời tiết cực đoan. Đồng thời, nên chuyển phần kịch bản lên trên trước phần đánh giá, dự báo tác động của BĐKH đến môi trường, phát triển KTXH của tỉnh.</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu tại phần I, mục III.5</p>
8	<p>d) Về đánh giá chung về BVMT</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo QHT chưa đánh giá chung về thực trạng công tác quản lý tài nguyên, BVMT và ứng phó với BĐKH của tỉnh; chưa xác định những điểm nghẽn, những vấn đề môi trường chính, các nguyên nhân... làm cơ sở để đề xuất phương án BVMT, khai thác sử dụng tài nguyên, khai thác khoáng sản; phòng chống thiên tai, ứng phó với BĐKH. Một số đánh giá những tồn tại, hạn chế về BVMT còn chung chung, thiếu số liệu cụ thể, ví dụ: “Tỷ lệ nước thải được thu gom, xử lý đạt thấp; các thị trấn hầu như chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải. Tỷ lệ cây xanh nhiều đô thị còn thấp” (trang 168).</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung đã được cụ thể hóa tại Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, qua đó các nội dung chính đã được tích hợp trong thuyết minh quy hoạch chứ không trình bày lại</p>



STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
9	<p>đ) Về kết cấu hạ tầng cấp nước</p> <p>- Báo cáo QHT đã nêu hiện trạng các cơ sở cấp nước sạch cho TP. Lai Châu và các thị trấn huyện Than Uyên, huyện Tam Đường, huyện Phong Thổ, huyện Sin Hồ, các thị trấn Tân Uyên, Mường Tè và Nậm Nhùn được UBND huyện giao cho doanh nghiệp hoặc HTX quản lý. Tuy nhiên, chưa làm rõ các công trình cấp nước này lấy nguồn nước từ đâu? Nước mặt hay nước ngầm? Nội dung này sẽ có liên quan nhiều đến phân vùng môi trường đối với các hành lang bảo vệ nguồn nước.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch. Toàn bộ công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu đều sử dụng nước mặt, về nội dung quản lý đã được thể hiện trong: Báo cáo thực trạng và phương án phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi, cấp nước sinh hoạt đô thị, nông thôn và các công trình phòng chống thiên tai (Đê, kè) trên địa bàn tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>
10	<p>e) Về thực trạng khu kinh tế cửa khẩu, làng nghề</p> <p>- Báo cáo QHT cần bổ sung đánh giá về việc kiểm soát về môi trường tại cửa khẩu Ma Lù Thàng, về sự xâm nhập các loài ngoại lai xâm hại, về ô nhiễm xuyên biên giới, lây nhiễm dịch bệnh xuyên biên giới (trang 208).</p> <p>- Về thực trạng phát triển các làng nghề (trang 218), đề nghị bổ sung đánh giá công tác BVMT ở các làng nghề thường gây ô nhiễm môi trường rất lớn.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình, bổ sung như sau:</p> <p>- Đối với việc bổ sung đánh giá về việc kiểm soát về môi trường tại cửa khẩu Ma Lù Thàng, về sự xâm nhập các loài ngoại lai xâm hại, về ô nhiễm xuyên biên giới, lây nhiễm dịch bệnh xuyên biên giới: Tỉnh đã rà soát, nghiên cứu và bổ sung đánh giá "Thực hiện tốt việc kiểm soát môi trường tại cửa khẩu Ma Lù Thàng; tổ chức quản lý, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về công tác kiểm dịch động thực vật, cũng như thực hiện nghiêm, đầy đủ, đúng quy trình các hoạt động kiểm dịch y tế được quy định tại Nghị định số 89/2018/NĐ-CP của Chính phủ".</p> <p>- Nội dung đánh giá công tác BVMT ở các làng nghề được bổ sung tại Mục 2.3. Tiêu thụ công nghiệp và làng nghề; trong Báo cáo chuyên đề tại Mục 3. Hiện trạng phát triển TTCN và làng nghề.</p>
11	<p>2.4. Về các yếu tố, điều kiện của quốc tế, quốc gia, vùng tác động đến phát triển của tỉnh</p> <p>- Nội dung phân tích về các yếu tố điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế (Phần IV. Mục I), còn nhiều thiếu sót trong lĩnh vực tài nguyên môi trường. Báo cáo cần bổ sung Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc về phát triển bền vững, Thỏa thuận Pari về BĐKH, các cam kết tại Hội nghị COP26 về phát thải ròng bằng 0, trào lưu kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn... hiện đang diễn ra trên thế giới và Việt Nam.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung tại Phần IV, mục I.3.4.4 và I.3.9</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
12	- Về các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân (trang 253), các đánh giá về tài nguyên và môi trường là chưa đầy đủ. Báo cáo chưa có các đánh giá về tồn tại trong quản lý tài nguyên, ứng phó với thiên tai và BĐKH. Về môi trường mới chỉ đề cập đến việc thu gom, xử lý nước thải mà chưa đề cập đến chất thải rắn, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch xin được giải trình: Các nội dung về quản lý tài nguyên ứng phó với BĐKH đã được đánh giá kỹ hơn tại phần thực trạng, nội dung đánh giá về TỒN TẠI, HẠN CHẾ CẦN GIẢI QUYẾT VÀ BÀI HỌC RÚT RA tập trung nêu bắt 8 hạn chế chính
13	- Về đánh giá cơ hội từ tác động của BĐKH (trang 261), Báo cáo nên cân nhắc xem lại nhận định “trong kỳ quy hoạch, các ảnh hưởng của BĐKH đối với tỉnh Lai Châu là có nhưng không đáng kể, thuộc nhóm ít bị ảnh hưởng nhất bởi BĐKH trong toàn quốc”. Mặc dù nhiệt độ tăng trong giai đoạn đến 2030 có thể không lớn, song những tác động của các hiện tượng khí hậu cực đoan, thiên tai do BĐKH gây ra là rất lớn cần được chú trọng.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã biên tập theo góp ý ở Phần IV, mục IV.2
14	2.5. Về quan điểm, mục tiêu, khâu đột phá và nhiệm vụ trọng tâm - Về quan điểm phát triển, Báo cáo QHT cần xem xét, bổ sung nội dung về phát triển kinh tế xanh, cac-bon thấp, phát triển kinh tế tuần hoàn hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 mà Việt Nam đã cam kết tại Hội nghị COP26.	Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung phát triển xanh, bền vững đã được nêu khái quát ở quan điểm phát triển; các nội dung chi tiết hơn nêu ở nội dung về tài nguyên - môi trường.
15	- Về mục tiêu về sử dụng tài nguyên và BVMT (trang 274): Báo cáo QHT cần xem lại tính nhất quán với hiện trạng và mục tiêu BVMT quốc gia. Hiện trạng độ che phủ rừng là 59%, mục tiêu đến 2030 giảm xuống còn 56%? Tỷ lệ thu gom, xử lý CTR sinh hoạt đô thị là 95% theo Chiến lược BVMT quốc gia chứ không phải 90%.	Tỉnh đã rà soát và xin giải trình: Hiện trạng độ che phủ rừng của tỉnh là 50,9 chứ không phải 59% (lỗi kỹ thuật đã được rà soát, chỉnh sửa).
16	- Về các khâu đột phá (trang 279), các khâu đề ra trong Báo cáo QHT nên làm rõ hơn những điểm cụ thể, đặc trưng riêng của tỉnh Lai Châu trên nền tảng chung các đột phá chiến lược của quốc gia.	Tỉnh đã rà soát và xin giải trình: Các điểm cụ thể, đặc thù của Lai Châu đã nêu ở phần đánh giá các yếu tố, điều kiện phát triển của tỉnh.

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
17	<p>- Về nhiệm vụ trọng tâm số 7 (trang 282) Báo cáo QHT đề ra đẩy nhanh phát triển công nghiệp thủy điện vừa và nhỏ, đưa vào sử dụng hầu hết các dự án đã được quy hoạch và cấp chủ trương đầu tư; phân đầu nâng tổng công suất lắp máy các dự án điện đạt trên 3.200 MW; phối hợp với Tập đoàn Điện lực Việt Nam hoàn thành hệ thống lưới điện truyền tải cao thế 220 KV, 110 KV.</p> <p>Cần lưu ý rằng phát triển thủy điện vừa và nhỏ sẽ gây hại lớn đến môi trường, trong khi lợi thế của tỉnh Lai Châu là nguồn khoáng sản đất hiếm thì không được coi là nhiệm vụ trọng tâm. Đất hiếm hiện nay đang được coi là khoáng sản chiến lược trên thế giới vì có thể sử dụng để sản xuất pin cho xe điện, thiết bị điện tử... rất cần cho mục tiêu phát thải ròng bằng 0 của Việt Nam.</p>	<p>Tỉnh đã rà soát và xin giải trình: Trong kỳ quy hoạch tới, các dự án thủy điện vừa và nhỏ vẫn là động lực phát triển kinh tế quan trọng của Lai Châu.</p> <p>Đất hiếm là tài nguyên quan trọng, nhưng chưa có triển vọng khai thác trong tương lai gần.</p>
18	<p>2.6. Về phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực</p> <p>a) Về phương án phát triển công nghiệp</p> <p>QHT dự kiến sẽ phát triển công nghiệp sản xuất chế biến nông, lâm, thủy sản, dược liệu; chế biến cao su; chế biến gỗ, giấy; chế biến thủy sản ở các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Sìn Hồ, Mường Tè, Nậm Nhùn. Duy trì các nguồn phát điện hiện có, phát triển các dự án thủy điện đã có trong quy hoạch (4.730 MW) và các nguồn phát điện tiềm năng: các nguồn thủy điện vừa nhỏ (700 MW), điện gió (1.500 MW), thủy điện tích năng (2.300 MW) và tiềm năng điện mặt trời (550 MW) cho giai đoạn sau 2030.</p> <p>Tuy nhiên, quan điểm phát triển công nghiệp của QHT phải thể hiện nội dung xanh hóa các ngành công nghiệp, hướng tới phát triển các ngành công nghiệp xanh để phù hợp với Chiến lược tăng trưởng xanh của quốc gia. Về giải pháp, cần bổ sung các giải pháp BVMT, phát triển KTTH, sản xuất sạch hơn (SXSH), sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong các cơ sở sản xuất công nghiệp. Báo cáo QHT chưa làm rõ phương án khai thác và chế biến đất hiếm là một tiềm năng, lợi thế lớn của tỉnh.</p>	<p>Tỉnh đã rà soát và xin giải trình: nội dung xanh hóa các ngành công nghiệp, hướng tới phát triển các ngành công nghiệp xanh đã được Tỉnh tiếp thu và thể hiện trong Quy hoạch. Đồng thời, báo cáo QH cũng đã chỉ rõ tiềm năng đất hiếm của tỉnh là cao, có thể định hướng phát triển chế biến sâu.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
20	<p>b) Về phương án phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch Báo cáo QHT đề ra định hướng phát triển các hình thức bán lẻ, các hoạt động xuất, nhập khẩu, phát triển khu KTCK Ma Lù Thàng; thúc đẩy phát triển du lịch. Tuy nhiên cần lưu ý mấy điểm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về quan điểm (trang 330), Báo cáo QHT cần bổ sung phát triển du lịch sinh thái, gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.</li> <li>- Báo cáo QHT cần bổ sung các giải pháp về BVMT, bảo tồn đa dạng sinh học trong thương mại và du lịch. Trong đó, cần nhấn mạnh giải pháp về giảm chất thải nhựa trong du lịch thông qua giảm sử dụng túi nilon khó phân hủy và các sản phẩm nhựa sử dụng một lần trong các siêu thị, trung tâm thương mại, khách sạn, khu du lịch theo quy định của Điều 73, Luật BVMT 2020 và Điều 64, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật BVMT . Theo đó, cần bảo đảm từ sau 2025, không sử dụng túi nilon khó phân hủy, các sản phẩm nhựa sử dụng một lần trong các siêu thị, trung tâm thương mại; từ sau 2030 không sử dụng trong tất cả các lĩnh vực.</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã biên tập theo góp ý tại Phần VI, mục IV.1 và mục 5.8</p>
21	<p>- Báo cáo QHT cũng cần bổ sung các giải pháp về BVMT, kiểm soát về môi trường tại cửa khẩu Ma Lù Thàng, về sự xâm nhập các loài ngoại lai xâm hại, kiểm soát buôn bán động vật hoang dã quý hiếm, về ô nhiễm xuyên biên giới, lây nhiễm dịch bệnh xuyên biên giới</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, đảm bảo hồ sơ Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung các giải pháp về BVMT, kiểm soát về môi trường tại cửa khẩu Ma Lù Thàng, về sự xâm nhập các loài ngoại lai xâm hại, kiểm soát buôn bán động vật hoang dã quý hiếm, về ô nhiễm xuyên biên giới, lây nhiễm dịch bệnh xuyên biên giới</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
22	<p>c) Về phát triển nông lâm nghiệp</p> <p>- Báo cáo QHT đề ra phương hướng nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, cac-bon thấp, BVMT và thích ứng với BĐKH là rất tốt. Tuy nhiên về giải pháp tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi và thú y (trang 368), QHT cần bổ sung các giải pháp phát triển và ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn (KTTH) trong nông nghiệp, tái sử dụng, tái chế tối đa các phụ phẩm nông nghiệp. Đồng thời, đẩy mạnh việc thu gom, xử lý chất thải nguy hại (CTNH) từ các bao bì phân bón, thuốc BVTV... Cần bổ sung các giải pháp phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh thích ứng với BĐKH (CSA), các mô hình nông nghiệp cac-bon thấp...</p> <p>Trong lĩnh vực chăn nuôi, QHT cần bổ sung các giải pháp xử lý chất thải vật nuôi đáp ứng yêu cầu về môi trường, thu hồi năng lượng (như xử lý bằng bioga), đồng thời giảm phát thải khí mê-tan, góp phần thực hiện Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 22/8/2022 phê duyệt Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030 nhằm đạt mục tiêu giảm phát thải 30% khí mê tan đến năm 2030 của Việt Nam.</p>	<p>Tỉnh tiếp ý kiến và đã bổ sung tại phần IV, mục IV.1.4.11</p>
23	<p>- Về lâm nghiệp, Báo cáo QHT đề ra định hướng nâng độ che phủ rừng đạt 56% năm 2030, 58% vào năm 2050; chọn các giống có tiềm năng năng suất cao, thích nghi và kháng bệnh tốt; kết hợp và khuyến khích trồng rừng gỗ lớn là phù hợp với Chiến lược quốc gia về BĐKH. Tuy nhiên, để huy động nguồn lực cho bảo vệ và phát triển rừng, Báo cáo QHT nên xem xét, bổ sung giải pháp thúc đẩy tham gia thị trường cac-bon của ngành lâm nghiệp (trang 380). Theo đó, có thể thực hiện các dự án phát triển rừng làm bồn chứa cac-bon với các đối tác quốc tế (WB, USAID, WWF, UNDP...) để có thể giao dịch thương mại, bán tín chỉ cac-bon trong khuôn khổ các mục tiêu giảm phát thải KNK. Hiện nay, Chính phủ đang xây dựng Nghị định về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ, theo đó dự kiến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyển nhượng lượng giảm phát thải từ rừng tự nhiên cho Quỹ Đối tác cac-bon lâm nghiệp ủy thác qua Ngân hàng Tái thiết và Phát triển quốc tế theo Thỏa thuận lượng giảm phát thải ký kết 10,3 triệu tấn CO<sub>2</sub> và lượng giảm phát thải bổ sung tối đa 5 triệu tấn CO<sub>2</sub> (nếu có).</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát hồ sơ quy hoạch và bổ sung giải pháp: "Xây dựng đề án, chương trình thúc đẩy tham gia thị trường cac-bon của ngành lâm nghiệp tỉnh. Thúc đẩy thực hiện các dự án phát triển rừng làm bồn chứa cac-bon, tham gia hợp tác với các đối tác quốc tế để giao dịch thương mại, bán tín chỉ cac-bon trong khuôn khổ các mục tiêu giảm phát thải KNK"</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
24	<p>d) Về phát triển KHCN và đổi mới sáng tạo</p> <p>- Báo cáo QHT nên xem xét, bổ sung các giải pháp chuyển đổi số, ứng dụng thành tựu CMCN 4.0 trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu (trang 387).</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung tại Phần XII. Mục II.6.1</p>
25	<p>2.7. Về phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế-xã hội</p> <p>- Về tổ chức không gian các hoạt động kinh tế-xã hội (trang 418), Báo cáo QHT chưa luận giải các quan điểm, nguyên tắc, tiêu chí về phân bố không gian phát triển tỉnh. Theo đó, cần lưu ý việc phân bố không gian phát triển kinh tế-xã hội tỉnh phải dựa trên phân vùng môi trường, phân vùng chức năng nguồn nước, phân vùng rủi ro thiên tai và kịch bản và tác động của BĐKH. Cụ thể, các hoạt động phát triển kinh tế, xã hội không được xâm phạm vùng bảo vệ nghiêm ngặt, các loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao phải tuân thủ các quy định của Luật BVMT trong việc phân bố trong các vùng hạn chế phát thải. Việc phân bố các KCN, CCN phải phù hợp với phân vùng chức năng nguồn nước, phân vùng xả thải. Việc phân bố các điểm dân cư nông thôn cần phải thực hiện dựa trên phân vùng rủi ro thiên tai, phòng tránh các tác động của BĐKH.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát và xin giải trình: Việc phân bố các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh đã được cân nhắc phù hợp với phân vùng chức năng nguồn nước, phân vùng xả thải. Việc phân bố các điểm dân cư nông thôn cần phải thực hiện dựa trên phân vùng rủi ro thiên tai, phòng tránh các tác động của BĐKH.</p>
26	<p>2.8. Về phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật</p> <p>a) Về hạ tầng cấp nước</p> <p>Báo cáo QHT dự kiến xây dựng, nâng cấp các nhà máy cấp nước ở TP Lai Châu, thị trấn Tân Uyên, thị trấn Phúc Than (huyện Than Uyên), Pắc Ta (huyện Tân Uyên), thị trấn Phong Thổ, thị trấn Mường Tè, thị trấn Sìn Hồ, thị trấn Nậm Tăm (huyện Sìn Hồ)... (trang 448). Tuy nhiên, Báo cáo QHT chưa làm rõ nguồn cấp nước cho các công trình này thuộc nước mặt hay nước ngầm, lấy từ sông, suối, hồ nào. Những nguồn nước này gắn với phân vùng chức năng nguồn nước như thế nào, cần được xác định rõ và bổ sung.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung phân vùng chức năng nguồn nước đã được trình bày ở Phần XII, mục III</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
27	<p>b) Về hạ tầng năng lượng</p> <p>Báo cáo QHT dự kiến số dự án thủy điện triển khai đầu tư, vận hành và khai thác trong kỳ quy hoạch phân bổ theo địa bàn cấp huyện là 163 dự án với tổng công suất là 4.266,05 MW, tập trung ở huyện Mường Tè (56 dự án), Nậm Nhùn (25 dự án), huyện Sin Hồ (14 dự án), huyện Phong Thổ (33 dự án), huyện Tam Đường (14 dự án), huyện Tân Uyên (13 dự án) và huyện Than Uyên (8 dự án). Ngoài ra còn có 82 dự án thủy điện tiềm năng đang đăng ký khảo sát và lập hồ sơ bổ sung quy hoạch trên địa bàn tỉnh Lai Châu với tổng công suất là 625,5 MW, trong đó 76 dự án tiềm năng ở Phụ lục 9a3 chủ yếu là các dự án nhỏ, dưới 10MW.</p> <p>Số lượng dự án thủy điện được quy hoạch là quá nhiều, trong đó chủ yếu là các dự án nhỏ và vừa (công suất trung bình một dự án là 4-7MW), là loại hình dự án gây tác động tiêu cực đến rừng và đa dạng sinh học. Theo thống kê, trung bình 1MW thủy điện nhỏ sẽ làm mất ~6ha rừng, làm ảnh hưởng đến ĐDSH do ngăn dòng, tích nước. Thủy điện cũng có thể gây ra các sự cố về môi trường, ảnh hưởng đến dòng chảy của sông, suối. Do đó, trong các giải pháp BVMT trong phát triển điện lực, Báo cáo QHT cần bổ sung các giải pháp hạn chế tối đa mất rừng, ĐDSH và vận hành theo đúng quy trình, đặc biệt là vận hành liên hồ chứa.</p>	<p>Tỉnh Lai Châu là tỉnh vùng núi phía Tây Bắc có nhiều sông suối với lượng mưa trung bình hàng năm lớn kết hợp với địa chất núi đá ổn định thích hợp để đầu tư xây dựng các công trình thủy điện. Các dự án thủy điện vừa và nhỏ đã được quy hoạch đều là các công trình thủy điện cột nước cao, lưu lượng phát điện nhỏ, diện tích hồ chứa bé, tuyến năng lượng dạng hầm dẫn không sử dụng diện tích đất mặt, nên diện tích sử dụng đất của dự án và ảnh hưởng tới môi trường đều thấp, cụ thể: Nhu cầu sử dụng đất của các dự án thủy điện vừa và nhỏ trung bình khoảng 1,2ha/01MW, không có dân cư phải di dời. Thấp hơn rất nhiều so với quy định tại điểm e khoản 1 Điều 6 Thông tư số 43/2012/TT-BCT, cụ thể: “đề xuất quy hoạch phải đảm bảo không chiếm dụng quá 10 ha đất các loại hoặc không di dời quá 01 hộ dân với 01 MW công suất lắp máy”.</p> <p>Về các giải pháp bảo vệ môi trường trong báo cáo Quy hoạch tỉnh: Tiếp thu ý kiến của Tiến sỹ - Nguyễn Trung Thắng, Sở Công Thương sẽ phối hợp với đơn vị tư vấn bổ sung các giải pháp giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của các dự án thủy điện tới môi trường - xã hội vào trong Báo cáo Quy hoạch tỉnh.</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
28	<p>2.9. Về phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai</p> <p>Về phương án sử dụng đất, các chỉ tiêu đất đai trong Báo cáo QHT còn khá chung chung, chưa nêu rõ các phương án chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho phát triển hạ tầng GTVT, năng lượng, công nghiệp, BVMT....</p> <p>QHT dự kiến chuyển đổi mục đích 1.500ha rừng phòng hộ và 2.500ha rừng sản xuất, trong đó có các mục đích cho phát triển thủy điện, giao thông... Việc chuyển đổi này là chưa phù hợp với quan điểm bảo vệ nghiêm ngặt rừng phòng hộ của Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, có thể gây tác hại lớn đến chức năng phòng hộ, phòng chống thiên tai, bảo vệ nguồn nước. Báo cáo QHT cần bổ sung luận giải rõ ràng hơn về mục đích và các vị trí dự kiến sẽ chuyển đổi rừng phòng hộ này cũng như các giải pháp để bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học khi thực hiện chuyển đổi.</p>	<p>Tỉnh đã rà soát, nghiên cứu và đã trình bày nội dung như góp ý tại điểm 1.2.8 (mục II.1.2, phần V) báo cáo phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai.</p> <p>- Dự kiến giai đoạn 2021-2030 chuyển mục đích sử dụng đất 1.561,39 ha đối với đất rừng phòng hộ; 2.538,74 ha đất rừng sản xuất cho phát triển các dự án công trình thủy điện, giao thông, năng lượng, công nghiệp,... định hướng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh là cần thiết.</p> <p>Đồng thời để đảm bảo diện tích đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất phù hợp chỉ tiêu quốc gia phân khai theo Quyết định 326/QĐ-TTg đã xây dựng phương án khai thác quỹ đất chưa sử dụng vào mục đích trồng rừng để đảm bảo độ che phủ rừng, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học.</p>
29	<p>2.10. Về phương án phát triển vùng liên huyện</p> <p>- Đối với hạ tầng kỹ thuật xử lý CTR, ngoại trừ TP Lai Châu, Báo cáo QHT chưa có dự báo khối lượng CTR phát sinh chi tiết cho tất cả các vùng, ví dụ như thị trấn Tam Đường, Tân Uyên, Than Uyên, Phong Thổ, Sin Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè... làm cơ sở để đưa ra phương án quản lý CTR.</p> <p>Riêng vùng huyện Phong Thổ (trang 574), chưa có phương án về hạ tầng xử lý CTR. Phương án đề xuất trong QHT chủ yếu vẫn là phát triển các điểm chôn lấp cấp xã, các lò đốt cỡ nhỏ; đây là phương thức hiện không được khuyến khích thực hiện. QHT cần có định hướng phát triển KTTH, tái chế và xử lý kết hợp thu hồi năng lượng, hạn chế chôn lấp.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình như sau: Nội dung đã được trình bày tại Phần XI, mục II.5.3.1 và Phần XII, mục I.1.4.</p>



STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
30	<p>2.11. Về phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, khai thác và sử dụng tài nguyên</p> <p>a) Về phân vùng môi trường</p> <p>Báo cáo QHT cơ bản đã bám sát các nguyên tắc, tiêu chí của Luật BVMT và Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Tuy nhiên cần lưu ý các điểm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về vùng bảo vệ nghiêm ngặt, Báo cáo QHT đưa vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước gồm “Luu vực sông Nậm Na, Luu vực sông Nậm Mu, Luu vực sông Nậm Mạ và các sông suối khác như: Nậm Cúm, Nậm Phìn Hồ, Nậm Cây, Nậm So, Nậm Tăm, Nậm Ban, Nậm Cuối”. Đây sẽ là một vùng rất lớn, nguồn nước là một đoạn sông chứ không thể là cả lưu vực sông; cần được xác định rõ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</li> <li>- Về các khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa: Báo cáo QHT chưa nêu rõ là những khu vực nào trên địa bàn tỉnh Lai Châu, cần bổ sung.</li> </ul>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung các nội dung phù hợp trong quy hoạch.</p>
31	<p>- Tương tự, đối với vùng hạn chế phát thải, các hành lang bảo vệ nguồn nước mặt của các lưu vực sông Đà, sông Nậm Na, sông Nậm Mu và sông Nậm Mạ cũng chưa được xác định cụ thể trong Báo cáo QHT.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung các nội dung phù hợp trong quy hoạch</p>
32	<p>b) Về phương án xử lý chất thải rắn</p> <p>- Báo cáo QHT chưa có dự báo tổng thể cho toàn tỉnh về mức độ phát sinh CTR theo vùng, huyện. Báo cáo chưa đánh giá hiện trạng phát sinh và công tác quản lý CTR của địa phương. Báo cáo cũng chưa đề cập đến vấn đề chất thải nhựa đang nổi lên hiện nay.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và đã bổ sung theo góp ý tại Phần XIII, mục I.1.4.3</p>

STT	Ý kiến tham gia	Giải trình/chỉnh sửa
33	<p>- Báo cáo QHT dự kiến xây dựng các khu xử lý chất thải rắn tập trung chủ yếu là chôn lấp ở TP Lai Châu và các huyện. Tuy nhiên, theo quy định của Luật BVMT 2020, chậm nhất đến năm 2024, tỉnh Lai Châu phải thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn thành: (i) CTR có thể tái chế; (ii) chất thải thực phẩm và; (iii) chất thải khác. Do đó, Báo cáo QHT cần luận giải rõ ràng hơn về phương án phân loại tại nguồn, về khối lượng các loại rác thải sau khi phân loại, về phương án xử lý riêng biệt các loại chất thải sau khi đã phân loại. Cụ thể, cần có các cơ sở/phân xưởng tái chế, các cơ sở/phân xưởng xử lý/chế biến CTR thực phẩm/hữu cơ và cơ sở/phân xưởng xử lý các loại chất thải khác.</p> <p>- Đồng thời, Điều 79 Luật BVMT 2020 cũng quy định phải thu phí theo khối lượng/thể tích CTR sinh hoạt phát sinh, do đó Báo cáo QHT cần bổ sung phương án triển khai thực hiện.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin tiếp thu, bổ sung.</p>
34	<p>- Luật BVMT 2020 cũng đã quy định cần hướng tới áp dụng các công nghệ hạn chế chôn lấp; Quyết định 1658/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia giai đoạn 2021-2030 cũng đặt ra mục tiêu đến năm 2030 chỉ chôn lấp 10% CTR sinh hoạt. Báo cáo QHT vẫn đề ra phương án chôn lấp là chính, nên xem xét, bổ sung giải pháp khuyến khích áp dụng các công nghệ xử lý không chôn lấp trực tiếp, xử lý kết hợp thu hồi năng lượng.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát, trong nội dung thuyết minh đã đề cập "giai đoạn đầu từ nay đến 2025 hầu hết xử lý bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh và chuyển đổi dần dần sang các phương pháp xử lý tiên tiến như đốt rác, điện rác (nếu phù hợp), tái chế".</p>
35	<p>c) Về phương án khai thác khoáng sản</p> <p>- Báo cáo QHT cần bổ sung các dự báo về nguồn cung, về nhu cầu đối với khoáng sản để đề xuất phương án cụ thể về khai thác khoáng sản.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu, rà soát và bổ sung dự báo nhu cầu sử dụng khoáng sản tại Mục 3.1</p>
36	<p>- Về giải pháp đối với khai thác khoáng sản (trang 635), cần bổ sung giải pháp về BVMT, phục hồi môi trường sau khai thác.</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và xin giải trình: nội dung về BVMT đã có tại Phần XII, mục III.6.5.</p>
37	<p>- Về giải pháp trong khai thác, chế biến quặng, cần làm rõ hơn giải pháp khuyến khích sản xuất sản phẩm chế biến sâu, có giá trị thương mại cao. Ví dụ, đối với các mỏ khai thác đất hiếm ở Đông Pao, huyện Tam Đường, Bắc Nậm Xe, Phong Thổ, cần nghiên cứu, chế biến sâu để cung cấp nguyên liệu cho sản xuất các loại pin xe điện, các loại linh kiện trong công nghiệp điện tử...</p>	<p>Tỉnh đã nghiên cứu các góp ý, rà soát nội dung quy hoạch và đã bổ sung tại Phần XII, mục III.6.5.</p>